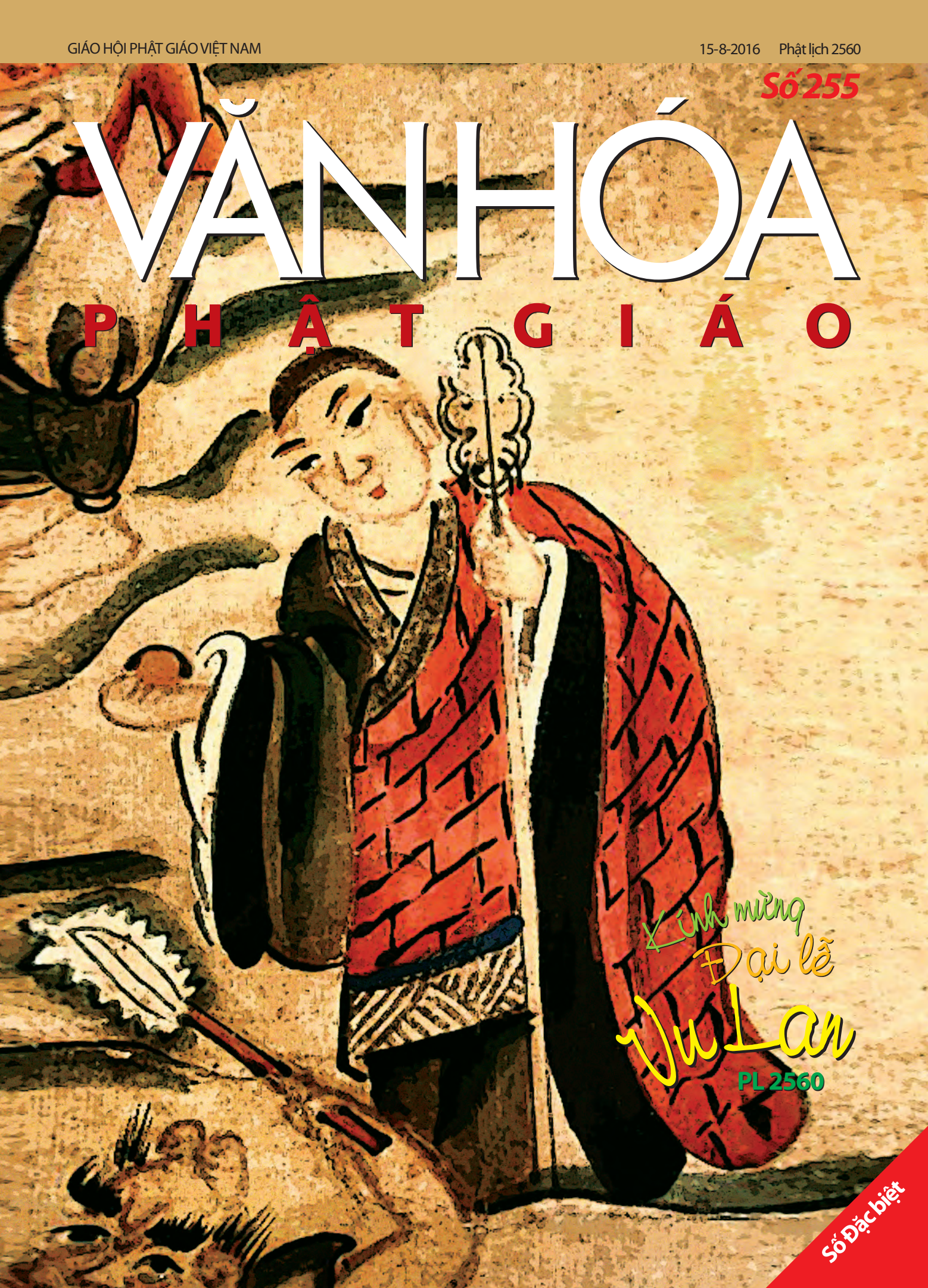


Số 255

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Kính mừng
Đại lễ
Vu Lan
PL 2560

Số Đặc biệt



SƯ BỬU CHÁNH



ĐĐ. THÍCH MINH NGHĨA



ĐĐ. THÍCH MINH PHÚ

LIVE SHOW

Trương Kha

Cho Một Ngày Vui

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui,
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi,
Chỉ có tình thương để lại đời...
"Tôn Nữ Hỷ Khương"

nghệ sĩ khách mời:

NSƯT Thanh Kim Huệ - NSƯT Mai Hữu Ánh

Ngọc Sơn - Trần Khánh.

NTK Hoài Sang - NTK Phan Tâm

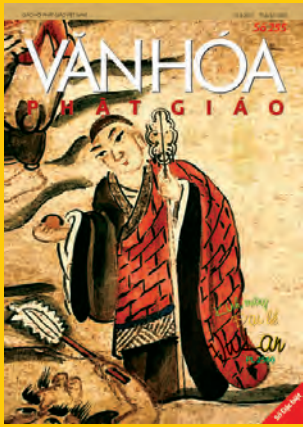
Cùng các Diễn viên, Hoa hậu, Á hậu
và các người mẫu hàng đầu Việt Nam

20 Giờ
21 - 8 - 2016

Tại sân khấu ca nhạc Lan Anh

Hotline:
08 98140118
01255711516
GIAO VÉ MIỄN PHÍ

Tiền bán vé sẽ được sử dụng
để xây 5 căn nhà tình thương ở Quảng Ngãi



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Hiếu với dân (Nguyễn Cảnh)	4
Mục-liên cứu mẫu (Khánh Uyên dịch)	8
Về Huế... thăm chùa (Đỗ Hồng Ngọc)	12
Bổ thí: hạnh tu thể hiện sự biết ơn và báo ân (Hoa Thiện)	14
Phương tiện (Nguyễn Thế Đăng)	18
Những quan hệ thẩm mỹ về đạo hiếu (Thích Thiện Nhơn)	20
Vài suy nghĩ về vấn đề trụ trì trong giai đoạn hiện nay (Thích Hạnh Tuệ)	23
Nhà sư Tây Tạng vượt bờ tôn giáo (Balan Moses; Nguyễn Giác giới thiệu và dịch)	26
Có một ngôi chùa mang tên Vu Lan (Đình Thị Toan)	28
Độc tác phẩm mới nhất của Thiền sư Thích Nhất Hạnh (Thích Như Điển)	30
Hiếu nghĩa (James Lindermann Nelson; Phạm Chánh Cần dịch)	34
Kẻ thù của ta là ai và làm sao để có bình an (Nguyễn Mạnh Hùng)	38
Đón nhận cái chết: Chia khóa bí mật của hạnh phúc? (Trần Tường Nhi)	40
Lời mời trên non xanh (Cao Huy Hóa)	42
Chánh niệm trong ăn uống (Nguyễn Hữu Đức)	44
Vua Tự Đức và Ngự chế Việt sử tổng vịnh (Tôn Thất Thọ)	46
Friedrich Max Muller: Nhà phiên dịch kinh điển Phật giáo tại Anh Quốc (Thích Nguyễn Tạng)	48
"Chư tôn thiền đức Phật giáo Thuận Hóa" (Thích Trung Hậu – Thích Hải Ấn)	51
Thơ (Nhật Tuyên, Tánh Thiện, Hoang Phong, Ngô Văn Cự, Trường Khánh, Tịnh Bình, Phạm Thị Thanh Vân)	52
Niềm mong mỏi của con (An Viên Nguyễn Đình Thu)	54
Nhớ (Huỳnh Ngọc Chiến)	56
Bìa 1: Mục-liên cứu mẹ. Nguồn: tranh cổ.	

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vu-lan thắng hội đã về! Trong ý nghĩa báo hiếu và đền ơn đáp nghĩa, theo truyền thống Phật giáo và cũng là truyền thống văn hóa của dân tộc, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chung lòng cùng chư độc giả đón mừng ngày đại lễ này, đồng thời xin chúc mừng việc chư tôn đức Tăng Ni đã thực hiện hoàn mãn mùa An cư Phật lịch 2560 (2016).

VHPG xin ghi nhận công đức của chư độc giả, quý vị tác giả cộng tác viên, quý vị thiện tri thức thân hữu. VHPG hình thành và phát triển trong gần 13 năm qua chủ yếu là nhờ sự đồng tình ủng hộ của chư vị. Để đáp lại tấm thịnh tình đó, chúng tôi chỉ biết nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ độc giả, cố gắng làm cho hình thức của tạp chí ngày càng trang nhã, nội dung ngày càng phong phú, tránh mọi sai phạm mà một tạp chí có thể vướng phải, để tạp chí ngày càng nhận được sự tín nhiệm nhiều hơn của quý độc giả.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin cáo lỗi cùng các tác giả gửi bài viết cho số đặc biệt Vu-lan này, về việc do các trang báo có hạn, chúng tôi không thể cùng lúc đăng tải đủ các bài đã được gửi đến.

Nhân mùa Vu-lan Phật lịch 2560, chúng tôi xin kính chúc quý độc giả được an Khang hạnh phúc trong sự gia hộ của Tam bảo.

Văn Hóa Phật Giáo



**Điều thiện lớn nhất không gì hơn hiểu,
Điều ác lớn nhất không gì hơn bất hiểu.**

Kinh Nhẫn Nhục

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



Hiếu với dân

NGUYỄN CÂN

Mùa Vu lan nói về chữ hiếu

Kinh Thi, một trong những bản kinh cổ xưa của học thuyết Nho giáo đã không ngần ngại tuyên ngôn “Hiếu đạo” là cơ sở thiết lập, mở đầu văn hóa tình người một cách thiết thực mà ai cũng có thể cảm nhận: “*Phụ hệ sinh ngã, mẫu hệ súc ngã, ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hiệu thiên võng cực*” (Cha sinh ta ra, mẹ bồng bế ta, thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo đáp ân sâu, khác nào trời cao không lường). Thế nên, Khổng Tử từng nói: “*Đạo hiếu bắt đầu từ việc thờ cha mẹ, kể đến là thờ vua giúp nước và sau cùng là lập thân*”. Đó chính là suối nguồn văn hóa mà mỗi cá nhân hiện hữu ở cõi đời này đều khát khao thực thi. Lịch sử thường minh chứng như thế, một người được tiếp nhận nguồn giáo dục khởi đầu bằng sự hiếu thảo với mẹ cha khi ở nhà, cũng có thể là người nỗ lực đóng

góp cho đất nước. Và như thế, đây chính là mẫu người trung hiếu lưỡng toàn của mỗi gia đình, của mỗi quốc gia dân tộc.

Trong khi đó, theo GS.Cao Huy Thuần, “*Chữ hiếu trong đạo Phật trải dài vô cùng tận vì Phật giáo quan niệm bất cứ ai cũng có thể là cha mẹ mình trong một kiếp trước*”. Trong kinh *Tương Ưng*, Phật còn nói: “*Vô thí luân hồi, tất cả chúng sinh từng làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, là bà con quyến thuộc trong các nẻo đường sinh tử*”. Đạo lý giải thoát khổ đau, chứng ngộ Niết-bàn cũng bắt đầu từ đây. Thế nên, Phật giáo không nhìn cha mẹ dưới hình ảnh phụ quyền mà dưới lăng kính từ bi.

Thế nào là hiếu với dân?

Vậy thì trong một cộng đồng, những người xung quanh ta cũng có thể là cha là mẹ ta trong một kiếp

nào đó. Hơn nữa, ở Việt Nam, khi chúng ta tham gia công tác trong bộ máy chính quyền, chúng ta thường xuyên nghe cụm từ “Trung với nước, hiếu với dân”, xem dân như cha mẹ. Những nhà lý luận cộng sản mạnh dạn nhận định rằng: Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng đạo đức của người có tầm quan trọng đặc biệt. Những phẩm chất đạo đức được Hồ Chí Minh đề ra rất phong phú, hàm súc, phù hợp với từng đối tượng, nhưng cái cốt lõi, quan trọng nhất, bao trùm nhất là phẩm chất đạo đức “Trung với nước, hiếu với dân”.

Bắt nguồn từ thư gửi “Ủy ban Nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” được đăng trên báo *Cứu Quốc* số ra ngày 17 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để *đề đầu dân* như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” (theo *Wikipedia*).

Điều đó được diễn giải rằng trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân là chủ nhân của đất nước. Khi nước mất, nhà tan thì mọi người có tinh thần yêu nước, có tinh thần dân tộc phải tìm đường cứu nước, cứu dân. Khi đất nước lâm nguy, nền độc lập bị đe dọa, thì “Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Hiếu với dân không còn dừng lại ở chỗ thương dân với tính chất là đối tượng cần phải dạy dỗ, ban ơn, mà là “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”; “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”; “bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”; Đảng và Chính phủ là “đầy tớ của nhân dân”; phải gần bó với dân, dựa vào dân; Phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, làm cho dân hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của người làm chủ đất nước”.

Thật ra trên thế giới, khái niệm viên chức nhà nước là công bộc của dân đã có từ lâu, (trong tiếng Anh là “servant of the people” có nguồn gốc từ tiếng La-tinh “servus” có nghĩa là nô lệ), khái niệm này có lẽ đã được bắt nguồn từ nền dân chủ đầu tiên - dân chủ Athena - tại Hy Lạp thời cổ đại.

Ở phương Đông, cách nay hơn hai ngàn năm, Khổng Tử đã viết trong thiên “Thái Thệ” của “Kinh Thư”: “*Trời không có mắt có tai, dân nhìn tức là trời nhìn, dân nghe tức là trời nghe*”. Theo ý này, Mạnh Tử đã giảng giải “ý dân là ý trời” và từng đưa dân lên trước cả “xã tắc” và “vua”: “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”.

Liễu Tôn Nguyên thời nhà Đường mời rượu tiễn bạn là Tiết Tồn Nghĩa đi làm quan, khuyên rằng: Phàm ra làm quan ở hạt nào, phải biết chức phận của mình là người làm việc cho dân, chứ không phải sai dân làm

việc cho mình. Dân ở trong hạt đã chịu nộp thuế, để lấy tiền thuê quan giữ sự công bình cho dân, mà nay, ngán thay, thiên hạ ra làm quan, tiền thuế của dân thì biết lấy cả, còn công việc của dân thì trẻ biếng, thường khi lại dụng tâm ăn cắp của dân nữa.

Thử nhìn lại những gì đang diễn ra trong thực tế?

Điều Hồ Chủ tịch căn dặn ấy đã khiến các thế hệ thanh niên, sinh viên nước ta chẳng những anh dũng bảo vệ nền độc lập của nước nhà mà còn hy sinh “không ham muốn công danh phú quý”, không muốn “dính líu gì với vòng danh lợi” mà “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” như nguyện ước năm xưa.

Ngày hôm nay, chúng ta thử xem những vị công bộc có còn giữ được chữ hiếu với dân không? Chúng ta tự hỏi những nhà làm luật hôm nay có còn đứng trên quan điểm “dân chi phụ mẫu” không? Vì đến cơ quan nào, chúng ta cũng dễ bắt gặp những khuôn mặt lạnh lùng vô cảm từ ủy ban các cấp cho đến bệnh viện, phi trường... Chưa kể rất nhiều sắc thuế, luật lệ đặt ra, đổ xuống đầu dân mà không quan tâm phản ứng của “cha mẹ” ra sao? Từ Luật Thuế Doanh nghiệp của Bộ Tài chính rồi đến những quy định về giá cả điện, nước, xăng dầu, gas... luôn đòi hỏi điều chỉnh tăng giá theo cơ chế thị trường để giảm lỗ bất chấp giá trên thế giới có giảm đi chẳng nữa, kết quả là 100.000 đồng tiền xăng công đến hơn 50 ngàn tiền phí (!).

Còn Luật Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) thì các nhà soạn thảo luật vẫn nhất mực “quan điểm của luật này là chính sách phải ổn định” vì “thời gian áp dụng luật là năm năm” để rồi chẳng bao giờ luật theo... cơ chế thị trường. Lại càng khó hiểu hơn khi Luật Thuế TNCN hiện hành (và cả dự thảo luật sửa đổi) bảo vệ quan điểm “cá nhân có thu nhập thì phải nộp thuế” bất kể lạm phát và giá cả sinh hoạt tăng mạnh đang đánh thẳng vào cuộc sống vốn dĩ nhiều khó khăn, đơm bạc của bao nhiêu gia đình người làm công ăn lương, công chức viên chức, lao động nghèo. Rõ ràng là Luật Thuế TNCN đã không công bằng với người nộp thuế; không rõ ràng mục tiêu thu thuế ngoài cách hiểu tận thu cho ngân sách.

Còn bảo hiểm y tế thì sao? Đây là loại bảo hiểm mà mọi quốc gia, dù là tư bản hay XHCN đều áp dụng. Nhưng trong nhiều phiên họp Quốc hội, những vấn đề bất cập nhất được đề cập là chất lượng khám chữa bệnh với người có thể bảo hiểm y tế, nhiều đại biểu đề nghị báo cáo trình Quốc hội phải nêu rõ việc thực hiện khám chữa bệnh thế nào, y đức trong việc khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế ra sao? “Tôi đi tiếp xúc cử tri, các bác về hưu nói đi khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế mà không có tiền là mệt... Phó Chủ

tịch nước Nguyễn Thị Doan trước đây có lần lên tiếng". Hiện nay số kết dư quỹ bảo hiểm y tế 13.000 tỷ. Số này chưa chắc đã tốt, bởi nó liên quan đến việc chi trả cho người bệnh. Người có thẻ bảo hiểm kêu là được cấp toàn thuốc vớ vẩn, đi bệnh viện rất cực. Đa phần người có bảo hiểm y tế đến bệnh viện là than vãn... Đến tiền của các cháu dân tộc thiểu số mà hiệu trưởng cùng với một số cán bộ còn biển thủ đến gần 3 tỷ, vừa rồi mới khởi tố. Cái liều vaccin tiêm cho một cháu, nhưng lại san ra tiêm cho hai cháu ngay tại Hà Nội... Tôi càng đi càng thấy buồn, "*Họ ăn của dân không từ một cái gì*".

Hiếu với dân thế nào mà chỉ riêng vụ Formosa đã gây chấn động cả nước. Quý ngài "công bộc" không làm tròn trọng trách, cấp phép đến 70 năm với mức giá cho thuê "rẻ như biếu không" lại lơ là không giám sát ô nhiễm, hậu quả nghiêm trọng không chỉ đối với sản xuất và đời sống của người dân trong vùng mà còn hủy hoại môi trường sinh thái biển, mất thời gian dài mới tái tạo lại được, khiến đồng bào bốn tỉnh mất nguồn lợi, mà đến nay vụ việc cũng chỉ mới dừng ở mức công bố đền bù thiệt hại, còn chuyển đổi công ăn chuyện làm cho dân ra sao, tất cả còn mù mờ, không rõ.

Từ thực tế này, dư luận cho rằng tỉnh Hà Tĩnh cần xem xét lại trách nhiệm, vai trò của lãnh đạo tỉnh, của ngành tài nguyên môi trường tỉnh này. Nhưng tỉnh nào nghe ra cũng có vấn đề chứ không riêng gì Hà Tĩnh, nhất là việc cho nước ngoài khai thác tài nguyên, hay sử dụng công nghệ lạc hậu như Formosa Đồng Nai hay sắp tới là Nhà máy giấy Lee & Man ở Hậu Giang...

Hiếu với dân thế nào mà các đại biểu QH khi họp dân đều nghe than phiền về an toàn thực phẩm, lương tâm nghề nghiệp của người sản xuất và kinh doanh thực phẩm cũng như hoạt động quản lý tại các địa phương.

Hiếu với dân thế nào mà chúng ta đang đối diện nguy cơ giải thể, mất trắng hàng nghìn tỷ đồng vốn Nhà nước^(*). Một số tập đoàn, tổng công ty sử dụng tài sản sau đầu tư không hiệu quả, gây lãng phí vốn, thua lỗ; mua sắm, thanh lý tài sản không đúng quy định... Chưa kể những công trình ký kết vay vốn Trung Quốc, đội vốn mãi vẫn không xong, chẳng thấy ai xử lý hay chịu trách nhiệm (?).

Hoạt động kinh doanh của nhiều tập đoàn, tổng công ty Nhà nước chủ yếu dựa vào vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn chiếm dụng... dẫn đến hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao. Tính đến cuối năm 2015, Chính phủ đã phải bảo lãnh vay vốn hơn 26 tỷ USD cho các doanh nghiệp thuộc khối này^(**).

Hiếu với dân thế nào mà kiểm lâm tiếp tay lâm tặc, hải quan tiếp tay buôn lậu như nhiều vụ việc nổi cộm gần đây. Báo *Pháp luật TP.HCM* khi hỏi ông Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc hàng trăm khối gỗ sơ-mu nằm ở Hải quan huyện, ông trả lời: "... đây là vụ án hết sức nghiêm trọng. Đối tượng phá rừng rất *liều lĩnh và tự tin*. Tôi nói như vậy vì không dễ gì mà người

ta có thể mang những phách gỗ to như vậy và luồn sâu từ trong rừng ra ngoài này, đi cất giấu ngay những khu vực có rất nhiều cơ quan chức năng kiểm soát như biên phòng, hải quan... Đây là khu vực cấm nhưng tại sao chúng ta không phát hiện mà để người dân phát hiện?"^(***). Hối tặc là trả lời rồi vậy! Vì đây là khu vực trạm kiểm soát biên phòng cửa khẩu quản lý, là vùng cấm không vào được, phải có lệnh của cấp trên.

Chúng ta có buồn cho chữ hiếu của công bộc thời nay không? Nếu không "hiếu" với dân, liệu họ có trung với nước?

Ngẫm lại các triều đại hiển hách trong lịch sử, quan tướng luôn lấy sinh mệnh bá tánh làm trọng, vận nước làm đầu. Tấm gương điển hình là vua Trần Nhân Tông luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân. Sử thần Ngô Sĩ Liên đã ghi nhận về Ngài như sau: "Trần Nhân Tông trên nhờ từ cung tỏ rõ hiếu đạo, dưới dùng người hiền lập nên võ công, không phải bậc nhân minh, anh minh thì làm sao được như thế!" (*Đại Việt sử ký toàn thư*).

Ngài thấm nhuần giáo lý đạo Phật nên áp dụng vào công cuộc giữ nước, bình thiên hạ. Trong tinh thần "dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm" (lấy cái muốn của mọi người làm cái muốn của mình, lấy tâm của mọi người làm tâm của mình) mà vua đã triệu tập hai cuộc hội nghị dân chủ vô tiền khoáng hậu trong lịch sử là Hội nghị Bình Than (1282) và Hội nghị Diên Hồng (1285), huy động sức mạnh toàn dân chống giặc Nguyên Mông xâm lược.

Có thể thấy, đó là lần đầu tiên trong lịch sử thể hiện tinh thần dân chủ và bình đẳng, trước khi bước vào cuộc chiến tranh chống xâm lược để giữ yên bờ cõi, bảo vệ sự bình yên của trăm họ. Đó cũng là tận trung tận hiếu vậy! Làm nên thiên lịch sử uy hùng chói lọi.

"Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng".
(Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu).

Cởi áo hoàng bào, khoác áo cà-sa, Ngài vẫn để mắt theo dõi từng bước đi của triều đại, chăm chút đời sống tâm linh của muôn dân. Ngài du hóa khắp nơi, khuyên chúng dân làm lành lánh dữ, tu tâm. Tùy căn cơ mà Ngài truyền dạy pháp tu cho mọi người được an lạc tự thân. Đó chẳng phải là tư cách của một bậc minh quân "trả hiếu" cho dân đó sao? Giáo lý nhà Phật dạy rằng: Đạo hiếu chính là lòng từ bi. Đạo hiếu của người Việt từ xưa có nét đặc thù riêng được đề cập trong *Lục Độ Tập kinh*, hiếu đầu phải chỉ thương cha, thương mẹ là đã làm tròn hiếu đạo của một con người, mà còn phải hướng cha mẹ về đường ngay nẻo chánh, giúp cha mẹ vượt qua sai lầm, giúp nghèo cứu đói, thương nuôi quần sinh, là đứng đầu của trăm hạnh.

Đức Phật đề cập bốn trách nhiệm để hướng dẫn cha mẹ sống đúng theo Chánh pháp:



1. Nếu cha mẹ không có niềm tin, khuyến khích cha mẹ phát tâm tin tưởng Tam bảo.
2. Nếu cha mẹ xan tham, khuyên cha mẹ phát tâm bố thí.
3. Nếu cha mẹ làm ác thì khuyên cha mẹ hướng tâm làm việc thiện.
4. Nếu cha mẹ theo tà kiến thì khuyên cha mẹ theo chánh kiến.

Đây chính là “hiếu dưỡng mẹ cha là điềm lành tối thượng” trong sự thực thi đời sống hạnh phúc, an lạc mà bất cứ ai là Phật tử đều mong chờ. Làm sao cho muôn dân luôn “cư trần lạc đạo” mới là tâm nguyện của người.

Hôm qua, người bạn tôi, nhà văn Lê Văn Nghĩa có nhắc đến một bài thơ chấn động miền Nam cách đây 60 năm trên báo *Thanh Niên*... Anh viết “... 60 năm, ngồi đọc lại và xin được giới thiệu với bạn đọc những vần thơ:

*Cái gì bạo ngược là phi nghĩa
Là trái lòng dân, nghịch ý trời
Sắt thép tinh ròng, binh tướng dữ
Không sao thắng được trái tim người!*

của nhà thơ Truy Phong mà tôi nghĩ rằng những câu thơ trong “*Một thế kỷ, mấy vần thơ*” không chỉ viết cho lịch sử VN trong thế kỷ đã qua!

Cũng đáng để chiêm nghiệm chăng? ■

Ghi chú :

(*) Kết quả kiểm toán cho thấy trong số 38 tập đoàn, tổng công ty, công ty, có 5 đơn vị thua lỗ (Tổng Công ty Hàng hải, Tổng Công ty 15, Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp, Tổng Công ty Mía đường II và Công ty In Đắc Lắc). Trong đó

khoản lỗ tại Tổng Công ty Hàng hải (Vinalines) lên tới 3.478 tỷ đồng, Tổng Công ty 15 là 471 tỷ, Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam (Vinaincon) lỗ 131 tỷ đồng... Chưa kể Vinashin lỗ đến gần vài chục nghìn tỷ (!). Kiểm toán Nhà nước cho biết, nhiều tập đoàn, tổng công ty quản lý nợ chưa chặt, dẫn đến thất thu, quá hạn, nợ khó đòi... Một số đơn vị xóa nợ chưa đủ điều kiện, trích lập dự phòng chưa đúng quy định, nợ tạm ứng tổn đọng nhiều năm với số tiền lớn chưa được thu hồi... Chẳng hạn, MobiFone có khoản nợ khó đòi 312 tỷ đồng, Tổng Công ty Xây dựng 65,8 tỷ đồng, Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia 53,8 tỷ đồng, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc 49,8 tỷ đồng... Tình trạng lỗ lũy kế lớn hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu cũng xảy ra tại hàng loạt đơn vị như Công ty Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hạnh Phúc lỗ 852 tỷ đồng trong khi vốn đầu tư 210 tỷ đồng; Công ty Vận tải biển Viship lỗ 749 tỷ đồng trên vốn góp 32 tỷ, Công ty Tiếp vận Biển Đông lỗ 53 tỷ đồng trên phần góp 10 tỷ... Tại Vinalines, 51 đơn vị có vốn đầu tư của công ty mẹ thua lỗ hoặc hiệu quả thấp. Còn tại Tập đoàn Dầu khí, khoản đầu tư 800 tỷ đồng vào Oceanbank mất toàn bộ quyền, lợi ích. Số liệu nêu trên được Kiểm toán Nhà nước đưa ra sau khi xem xét báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2014 tại 38 tập đoàn, tổng công ty, công ty Nhà nước (tổng cộng 234 doanh nghiệp) (theo *Kinh tế Sài Gòn*).

(**) Một số doanh nghiệp âm vốn chủ sở hữu lớn (Đơn vị: tỷ đồng). Dẫn đầu trong số doanh nghiệp có nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao là các công ty thuộc Vinalines như Công ty Công nghiệp tàu thủy Cà Mau (154 lần), Công ty Phát triển Hàng hải (55 lần), Cảng Năm Căn (17 lần), Công ty Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (40 lần), Cảng Cái Lân (27 lần)... Công ty mẹ COMA cũng có số nợ gấp 12 lần vốn chủ sở hữu...

(***) Vì số lượng phát hiện lập biên bản tạm giữ khá lớn là 591 phách gỗ pơ-mu với khối lượng hơn 44m³.



Mục-liên cứu mẫu

KHÁNH UYÊN dịch

“**M**ục-liên cứu mẫu” là một câu chuyện thần thoại rất phổ biến của Phật giáo Trung Hoa, bắt nguồn từ thế kỷ III Tây lịch, được gợi hứng từ những truyền thần thoại của Ấn Độ kể về Tôn giả Maudgalyāyana (Mục-kiến-liên), người đã trở thành nhân vật Mục-liên trong các câu chuyện của Trung Quốc.

Mục-liên, một vị tu sĩ Phật giáo đầy đạo hạnh, cầu Phật Tổ cứu giúp mẹ mình đang bị giam hãm trong

tầng địa ngục thấp nhất và chịu đựng những hình phạt ghê gớm nhất để trả nghiệp quả cho những ác hạnh của bà. Mặc dù mọi nỗ lực cá nhân, Mục-liên vẫn không thể cứu được mẹ; nhưng đã được Phật Tổ chỉ dạy hãy cúng dường thực phẩm và đồ dùng cho các tu sĩ cùng các tu viện Phật giáo vào ngày rằm tháng Bảy âm lịch, sự kiện này đã thiết lập nên tảng cho một ngày lễ hội của nền văn hóa Trung Hoa gọi là Quỷ Tiết. Sự tận tâm đối với mẹ của người tu sĩ Phật giáo này đã làm

cho những người Trung Hoa yên tâm rằng Phật giáo không hề hủy hoại đạo hiếu của Khổng giáo, khiến Phật giáo trở thành một tôn giáo của người Trung Hoa.

Câu chuyện này được phát triển theo nhiều biến thể và xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Những văn bản đời Đường được phát hiện hồi đầu thế kỷ XX tại động Đôn Hoàng trong tỉnh Cam Túc hé lộ những mẫu chuyện phong phú dưới hình thức *truyện kỳ* hay *biển văn*. Nhân vật Mục-liên và thân mẫu còn xuất hiện trên sân khấu ca nhạc, đặc biệt là sân khấu ca nhạc dân gian (hí khúc), rồi đã trở thành chủ đề trong phim điện ảnh và phim truyền hình nhiều tập. Truyện thuyết này đã nhanh chóng lan tỏa đến những khu vực khác của vùng Đông Á, và là một trong những câu chuyện sớm nhất được viết lại trong các nền văn học Đại Hàn, Việt Nam, Nhật Bản.

Các giai đoạn phát triển của câu chuyện

1. Huyền thoại Ấn Độ trở thành truyện thuyết Trung Hoa

Sử thi *Mahabarata*, thuộc kho tàng kinh điển cổ Ấn Độ, có kể câu chuyện về một vị ẩn sĩ khổ hạnh nhìn thấy tổ tiên của mình bị treo ngược trong hỏa ngục chỉ vì ông không chịu cưới vợ để có kẻ nối dõi; và truyện thuyết Phật giáo cũng có một câu chuyện nói đến Maudgalyāyana, một vị đệ tử thân cận của Đức Phật Thích-ca, từng cứu mẹ thoát khỏi địa ngục.

Vào thế kỷ thứ III Tây lịch, kinh *Vu-lan bồn* được dịch từ tiếng Sanskrit ra tiếng Hán. Câu chữ trong bản văn tiếng Hán mô tả rõ ràng ngài "Mục-liên" - là tên của Tôn giả Maudgalyāyana, nay được gọi theo tiếng Hán - đã sử dụng "thần nhãn" như thế nào để thấy được sự đau khổ mà thân mẫu ngài đang chịu, rồi đến nài nỉ với Phật Tổ xin giúp đỡ.

Đức Phật giải thích rằng, "điều này trong phạm vi năng lực cá nhân của nhà người chẳng giải quyết được gì cả"; vì lẽ tội lỗi của người đang chịu hình phạt là sâu dầy và kiên cố. Thay vào đó, vào ngày rằm tháng Bảy âm lịch, người muốn cầu xin cho người đang chịu hình phạt phải thu thập "những phẩm vật thuần khiết nhất, tinh tế nhất trong đời" rồi mang cúng dường tất cả những vật ấy đến các vị tu sĩ Phật giáo; vào thời điểm ấy trong năm, các vị Tăng này vừa xuất hiện trở lại sau mùa an cư của họ.

Lễ hội Vu-lan bồn này kết hợp với việc cúng giỗ thần thức của tổ tiên đã qua đời - có khi đã trở thành "quỷ đói" - mang lại sự tương thích giữa giáo lý Phật giáo với lý tưởng hiếu đạo của người Trung Hoa.

2. Những câu chuyện về nghiệp báo và cứu chuộc dưới thời nhà Đường

Dưới thời nhà Đường, Mục-liên là một chủ đề phổ biến cho các cuộc "thuyết pháp" của các tu sĩ. Họ thường dùng những hình ảnh và các bài hát để giải khuây cho đám thính chúng thất học, làm phong

phú thêm câu chuyện về Mục-liên với nhiều biến thể và khiến câu chuyện trở thành hoàn toàn Trung Hoa. Người kể chuyện đẽo gọt câu chuyện của mình cho phù hợp với lời buộc tội rằng Phật tử là "bất hiếu" vì Phật giáo mang tín đồ của mình rời khỏi gia đình và ngăn cản họ sản sóc tổ tiên.

Các phiên bản được viết lại cho những câu chuyện loại này được gọi là "biển văn" mà một số lượng rất lớn còn được lưu trữ trong các thư viện hang động ở Đôn Hoàng, một ốc đảo ở vùng Trung Á và không hề được phát hiện mãi đến thế kỷ XX.

Quan trọng nhất và đầy đủ nhất trong số những bản văn lưu trữ tại Đôn Hoàng thuộc loại này là bản văn mang tên "Đại Mục-kiên-liên cứu Mẹ từ Địa ngục, có hình ảnh, một cuộn, có tựa". Trong bản văn này, tên tộc của Mục-liên là "La Bặc", có nghĩa là "cây cải", một biệt danh đặc trưng Trung Hoa, và mẹ ngài được đặt tên là Thanh Đề. Trước khi La Bặc trở thành một Phật tử, ông ra nước ngoài buôn bán, để lại tiền cho mẹ nhờ bà cúng dường các vị Tăng và chu cấp cho những kẻ ăn mày. Mẹ ngài bủn xỉn giấu biến đi, và chẳng bao lâu sau khi La Bặc trở về thì bà qua đời. Ngọc Hoàng thượng đế phán rằng bà phải được giải giao cho Diêm vương, người cai quản cõi âm, và bị xuống tầng thấp nhất của địa ngục do sự dối trá keo kiệt của bà. [La Bặc trở thành một Phật tử] với tên gọi mới là Mục-liên và sử dụng những thần thông mới có được để du hành thiên giới. Tại đây, cha ngài báo cho ngài biết rằng mẹ ngài đang chịu đau khổ cùng cực ở địa ngục A-tì, nơi khủng khiếp nhất trong tất cả những hỏa ngục. Mục-liên xuống địa ngục và gặp quỷ đầu trâu có nhiệm vụ buộc kẻ có tội phải qua sông để vào địa ngục rồi ôm cột đồng đang nóng đỏ đốt cháy ngục. Khi Mục-liên nhận ra mẹ thì bà đang bị đóng trần với 49 cây nọc bằng sắt. Ngài cầu sự giúp đỡ của Phật Tổ và được trao cho một cây gậy phép có năng lực đập vỡ thành ngục và giải thoát tội nhân để được chuyển lên một kiếp tái sinh cao hơn, chứ không được phóng thích. Mẹ của Mục-liên được tái sinh trong lột quỷ đói, không bao giờ được ăn no vì cổ họng quá bé. Mục-liên cố gắng gửi thức ăn cho mẹ bằng cách đặt thực phẩm lên bàn thờ tổ tiên, nhưng thực phẩm bốc cháy ngay khi thức ăn được đưa tới miệng bà mẹ.

Để cứu bà mẹ này khỏi sự hành hạ ấy, Phật Tổ dạy Mục-liên, và tất cả những người con hiếu thảo, lo liệu một cuộc lễ hội lớn của "những cái bát ngày Vu-lan" vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ bảy, thời điểm các vị Tăng xuất hiện trở lại sau kỳ an cư mùa hạ. Khi mẹ của Mục-liên tái sinh một lần nữa, lần này là trong lột một con chó đen, Mục-liên đọc kinh trong suốt bảy ngày bảy đêm, và mẹ ngài lại trở thành người. Sau cùng, bà có thể hưởng phúc cõi trời.

Tình cảm hiếu đạo thật sống động trong phiên bản này. Mẹ của Mục-liên gọi ngài là "đứa con vâng lời và hiếu thảo của mẹ", trong khi Mục-liên thì "lặng người đi

rồi nước nở với nước mắt ràn rụa như mưa”. Như thể hiện trong kinh *Vu-lan bốn*, bà mẹ chỉ có thể được cứu chuộc bởi hành động tập thể của tất cả chư Tăng chứ không phải chỉ của một người. Mục-liên, một người con hiếu của Trung Hoa, tuyên bố rằng điều quan trọng nhất là “tình thương và ơn đức của cha mẹ là sâu xa nhất”. Như một học giả nhận xét, “Phật giáo chấp nhận hiếu đạo có vẻ đã được cho là một điều hiển nhiên...”, và con đường đã được mở ra cho những sự tổng hợp sâu rộng hơn vào các triều đại sau.



Các câu chuyện đôi khi sử dụng việc mô tả tính cách nhân vật hết sức trần tục. Khi mẹ của Mục-liên tái sinh làm một con chó đen, Mục-liên nhìn ra mẹ mình và bà ta nhìn nhận rằng kiếp kiếp chó xem ra còn khá hơn là kiếp ngựa quý.

Với tính cách một con chó, bà ta nói: “*Ta có thể đi hay ở, nằm hay ngồi tùy thích. Nếu đói, ta luôn luôn có thể kín đáo ăn phân người; nếu khát, ta luôn luôn có thể liếm láp ở miệng cống. Vào buổi sáng ta nghe ông chủ niệm quy y Tam bảo; vào buổi chiều, ta nghe bà chủ tụng kinh. Là chó và phải chấp nhận toàn thể cõi giới bất tịnh là một giá quá nhỏ phải trả để không bao giờ còn phải nghe đến từ “địa ngục” nói vào tai ta.*”

Trong một phiên bản khác, “*Truyện thuyết Mục-liên*”, bà Thanh Đề, mẹ của Mục-liên, vẫn là người có lòng tin; nhưng sau khi chồng chết thì lại hiển tế súc vật, ăn thịt, xử sự thô bạo

và hay nguyên rủa. Khi bà chết, Ngọc Hoàng thượng đế phán rằng bà phải được đẩy vào địa ngục. Diêm vương, người cai quản địa ngục, phái quỷ sứ đến mang bà đi. Bà nói dối với quỷ sứ và con trai mình rằng bà không hề ăn thịt và cũng không làm gì sai trái; quỷ sứ vẫn lôi bà đi.

Những biến thể về sau sử dụng câu chuyện Mục-liên cho những mục đích khác. Chẳng hạn, trong *Huyết bốn kinh* xuất hiện vào thế kỷ thứ XIII, mẹ Mục-liên phải bơi trong một cái vũng đầy máu và phải uống máu để thụ phạt về tội bà đã rây máu kinh nguyệt của mình vào nguồn nước công cộng, nước ấy đã được các đệ tử của Phật Tổ - do không biết - lấy pha trà dâng Phật Tổ.

Ca kịch

Vở ca kịch dân gian về đề tài “*Mục-liên cứu mẫu*” được coi là “vở ca kịch tôn giáo lớn nhất toàn Trung

Quốc” thường được trình diễn vào dịp lễ hội Quý Tiết rằm tháng Bảy âm lịch hàng năm.

Việc trình diễn “thể hiện những huyền nhiệm của cái chết và sự tái sinh trong những cảnh diễn có ảnh hưởng lớn lao đối với khán thính giả”, đồng thời truyền đạt cho khán thính giả những giá trị tôn giáo và đạo đức, mặc dù không phải là những điều được giảng dạy ở hình thái chính thống.

Dưới triều đại nhà Minh, Trịnh Chí Trần (1518-1595) sinh trưởng tại hương Thanh Khê, trấn Huy Châu, tỉnh An Huy đã soạn một hí khúc lấy tên là “*Mục-liên Cứu Mẫu Hạnh Hiếu Hi Văn*”.

Theo truyền thuyết địa phương, Trịnh vốn mù và khi soạn hí khúc này, ông được sáng mắt nhờ ân đức của Phật bà Quan Âm (truyền thuyết còn kể thêm rằng sau này khi Trịnh viết một câu chuyện tình, ông bị mù trở lại). Vở hí khúc của Trịnh nhấn mạnh đến những giá trị gia đình theo Khổng giáo.

Mục-liên trong thế kỷ XX

Ở đại lục, sau một thời kỳ bị quên lãng trong dân gian kể từ thập niên 1920, hí khúc liên quan đến Mục-liên đã hồi sinh khi được liệt vào danh sách *Di sản phi vật thể* cấp quốc gia vào năm 2006.

Nhưng ngay cả những người ủng hộ bên trong nước Cộng hòa Nhân dân (Trung Hoa) vẫn thấy tương lai vở hí khúc này bị đe dọa bởi phim ảnh và truyền hình kỹ thuật cao. Vẫn còn nhiều thách thức khác. Trong quá khứ, vở hí khúc này được dạy theo lối truyền khẩu trong các nhóm kịch gia đình vẫn gìn giữ tổ nghiệp. Các nhóm kịch gia đình ấy nay không còn nữa. Vở hí khúc rất khó trình diễn. Vai ma quỷ liên quan đến khả năng nhào lộn đòi hỏi nhiều năm thụ huấn. Vì khán thính giả không đông, người trình diễn cần đến sự ủng hộ của chính phủ. Tuy vậy, một vài quan sát viên vẫn chỉ ra những điều hy vọng. Trong lúc khán thính giả truyền thống trong làng ngày càng thu hẹp, một số ngôi sao điện ảnh đã tiếp thu nghệ thuật hí khúc này. Các nhà cầm quyền thuộc thị trấn Hoàng Sơn tỉnh An Huy cũng đã thúc đẩy việc trình diễn như một hình thức thu hút du khách.

Các nhà nhân học báo cáo rằng ở Đài Loan, câu chuyện Mục-liên đã được đưa vào nghi thức tang lễ ít nhất là đến tận những thập niên cuối của thế kỷ XX.

Một nhà nhân học giải thích truyền thuyết này như là việc phản ánh thái độ đối với phụ nữ trong làng ở Đài Loan, rằng “*bởi bản chất ô nhiễm của họ, phụ nữ không thể đến gần chư thần chư thánh là những vị có thể giúp họ vượt qua những ràng buộc của quả báo gây nên bởi giới tính của họ*” và “*cần phải có người đàn ông hành động nhân danh họ...*” ■

Nguồn: *Mulian Rescues His mother* - from Wikipedia, the Free Encyclopedia.



Về Huế... thăm chùa

ĐỖ HỒNG NGỌC

Với tôi, Huế là về. Về Huế. Không phải đến. Không phải đi. Mà về. Mặc dù không sinh ra và lớn lên ở Huế. Chỉ nghe “về Huế” thôi mà đã thấy lòng xao xuyến, bâng khuâng, nao nao rồi.

Tôi có duyên với Huế. Năm 2008, dịp Tuần Văn hóa Phật giáo tổ chức tại Huế, tôi có buổi nói chuyện về “Thiền và Sức khỏe” tại chùa Từ Đàm. Một người bạn Huế nói anh đến đây như đến Tào Khê rồi đó. Run lắm chớ. Lo lắm chớ. Nhưng với cái nhìn từ y học, từ khoa học thực nghiệm, tôi thấy sáng rõ con đường Thiền Phật giáo mà không ngại sẻ chia. Chính lần nói chuyện này, về sau, tôi hoàn chỉnh và in thành cuốn *Thiền và Sức khỏe* để phổ biến rộng rãi hơn. Nói là “Thiền và Sức khỏe”, thực ra, đằng sau đó, đã mở ra một cõi tâm linh đi về tuyệt diệu khi đọc giữa những dòng chữ vậy.

Mấy năm sau, tôi lại có dịp trò chuyện đề tài “*Một nếp sống hạnh phúc*” ở Huế với khá đông người tham dự. Có cả các Thầy, các Ni, các anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ, nhà giáo, bác sĩ, sinh viên, bạn đọc... Người quen đã lâu, người mới biết, người chưa gặp bao giờ mà đã thân thiết từ lâu qua những trang sách. Dĩ nhiên, mọi người đến không phải để nghe “*Một nếp sống hạnh phúc*” chi đâu! Nếp sống hạnh phúc, đâu cần phải nói, phải nghe ở Huế. Về với Huế, tự dưng cũng đã thấy tràn một niềm vui đầm thắm, hiền hòa, một thứ hạnh phúc dễ thương với nắng, với gió, với dòng sông, với ngọn núi, với món ăn, cây cầu, con đường, bóng cây, bờ cỏ... Cho nên đến là đến với nhau, là tay bắt mặt mừng. Nay thì Huế đã có khác. Đường sá sạch đẹp hơn, thênh thang hơn. Phố xá sầm uất hơn. Xây cất triển miên hơn. Những cây cầu mới. Những khu “đô thị” mới. Những con đường mới...

Người bạn Huế đưa đi thăm đường Trịnh Công Sơn trước hết. Con đường đẹp, nghiêng nghiêng từ cầu Gia Hội đổ xuống, ôm sát tả ngạn sông Hương, nhìn qua cồn Hến. Hình như lúc đó còn có hơi nhiều quán nhậu! Rồi đi ngược về Kim Long, vào thăm một cái làng mới có tên làng Phú Mộng.

Kim Long thì đã nghe biết từ xưa:

Kim Long có gái mỹ miều

Trăm thương trăm nhớ trăm liêu trăm đi.

Còn Phú Mộng thì chưa. Nằm trong Kim Long êm đềm nhưng Phú Mộng có cái gì đó khác. Nó đẹp nhưng diêm dúa, nhiều tiệm ăn, nhà nghỉ, quán nhậu... Cái tên Phú Mộng nghe đã thấy hơi mệt rồi. Đi vào sâu thêm chút nữa thì có Bệnh viện Tâm thần. Ngược lên phía trên đã có Thiên Mụ, Huyền Không...

Trường Quốc Học, trường Đồng Khánh (Hai Bà Trưng) vẫn uy nghiêm. Vẫn những cô gái Huế đạp xe dịu dàng, bên cạnh những cô gái Huế vù vù xe đời mới, che mặt, quần short, không kém Sài Gòn, Đà Nẵng... Huế đang thay da đổi thịt, nhưng Huế sẽ vẫn giữ nét đặc thù của mình thôi, không lo.

Năm ngoái, lại có dịp về Huế. Lần này là buổi nói chuyện về đề tài “*Đức Phật, bậc Y vương*” tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán bên bờ sông Hương, gần khu triển lãm Lê Bá Đảng. Lại là một dịp được gặp gỡ các Thầy, các bạn, đông vui. Tay bắt mặt mừng. Nghiêng ngẫm Phật học nhiều năm, tôi càng thấy rõ Đức Phật là một bậc Y vương, đã đi từ “bệnh chứng” đến “chẩn đoán” tìm ra nguyên nhân, từ đó đưa ra những phương thức điều trị phù hợp, đâu đó chính xác như một khoa học thực nghiệm cho kiếp nhân sinh. Ở đây không chỉ chữa cái “đau” mà là chữa cái “khổ”. Con đường giải thoát chúng sinh.

Vừa rồi, tôi lại có dịp về Huế. Lần này đi cùng anh em trong Nhóm học Phật chùa Xá Lợi. Chương trình sẽ đi thăm một số chùa Huế mà những lần trước không có đủ thời gian.

Hẹn cả nhóm đúng 6 giờ sáng có mặt ở sân bay Tân Sơn Nhất, vậy mà mới 4 giờ đã thức loay hoay. Không hiểu sao. Chắc tại nôn quá. Máy bay hoãn nửa giờ vì sân bay Huế sương mù dày đặc, không đáp được. Hoãn là chuyện thường ngày ở huyện mà! Tự dặn mình “*ngoài không dính mắc là thiền/ trong không lay động là định*” (Huệ Năng). Và lại lâu lâu mới có dịp ngồi đợi ở sân bay



Nguồn: [wikimedia.org](https://commons.wikimedia.org/wiki/File:Thien_Mu_Bridge.jpg)

coi người ta qua lại như coi trình diễn thời trang chớ chơi sao. Nhiều thứ thời trang bây giờ quá dị, như có người hình như chỉ mặc áo đi qua đi lại. Rồi máy bay lại hoãn nửa giờ nữa. Rồi nửa giờ nữa. Cuối cùng cũng lên xe bus trung chuyển ra tàu bay thì một cô hành khách cùng đi chào hỏi có phải bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc không, rồi cô mở túi xách lấy cuốn *Nghĩ Từ Trái Tim* ra xin chữ ký! Ôi trời. Ngộ ghê. Cô nói nhóm cô đi Lào. Cô chỉ mang theo có mỗi cuốn này để đọc lại.

Đến Huế đã quá trưa nên bị bề kế hoạch, đành đi thăm lăng trước. Cũng hay. Lần này có Trần Đình Sơn, Thanh Nguyên gốc Huế nên chuyện thăm chùa chiền lăng tẩm cung vua... hoàn toàn khỏi lo!

Trần Đình Sơn quyết định cho đi thăm lăng Gia Long trước. Khá xa. Ít người thăm viếng so với các lăng Minh Mạng, Tự Đức... quen thuộc. Đường quanh co khúc khuỷu, sát bờ vực đầu nguồn sông Hương. Phong cảnh yên tĩnh. Một miền quê thanh bình.

Mỗi lăng thể hiện tính cách của mỗi ông vua triều Nguyễn! Tự Đức thì có cái "bay bướm" của nhà thơ, Minh Mạng thì nghiêm trang của nhà "quản lý"... Gia Long thì uy nghi, vừa trang nghiêm vừa thơ mộng. Đặc biệt ở lăng Gia Long phảng phất nhiều nét Nam Bộ... có lẽ do lúc còn bôn ba xuôi ngược ông đã gần bó nhiều với miền Nam. Quanh lăng nào xoài, nào vú sữa..., trước lăng mênh mông một đầm nước um tùm lau sậy có nhiều cá lóc từ phương Nam được nuôi nơi đây, người giữ lăng cho biết.

Điện Minh Thành ghi năm 1816. Vậy ra vừa đúng 200 năm! Khu lăng gồm 3 quần thể, giữa là lăng mộ, bên phải là điện Minh Thành và bên trái là Bi đình, có núi Thiên Thọ làm tiền án, sau có 7 ngọn núi làm hậu chẩm, bên trái và bên phải có 14 ngọn núi tả thanh long, hữu bạch hổ.

Người gác mở cổng khu lăng mộ cho đoàn vào viếng. Bên trong có hai ngôi mộ đá, xây cất hoàn toàn giống hệt nhau, song táng vua và hoàng hậu. Không ngờ từ thời đó, đã có sự bình đẳng giới tính hay vậy.

Một điều đáng ghi nhận khác: triều Nguyễn, khi lên

ngôi thì hình như vị vua nào cũng lo trước hết xây cho mình một cái lăng để đợi ngày... bằng hà! Phải chăng vị vua nào của triều Nguyễn cũng ý thức đời là vô thường, kiếp sống là giả tạm? Bởi vua chúa khi lên ngôi thì thường lo gồm thâu lục quốc, nhất thống giang hồ, muôn năm trường trị, cũng như lo xây tam cung lục viện, tìm thuốc trường sanh bất tử...?

Từ lăng Gia Long về, cả nhóm đến thăm nhà một thân hữu xứ Huế, anh NTN. Đó là một ngôi nhà rất đẹp, trên một đồi cao cạnh chùa Trúc Lâm.

Ở đó, đã có một số anh em thân hữu xứ Huế đợi sẵn, hẹn gặp nhau để hàn huyên vào một buổi chiều còn chút mưa vẫn mưa bay... Anh LVL, anh CHH, anh P, bác sĩ D...

Về Huế lần này tôi chỉ mang 2 cuốn sách mới vừa ra mắt ở Hội Sách ngày hôm trước. Cuốn *Cõi Phật đâu xa* để gửi anh LVL, nhà Phật học, và cuốn *Một hôm gặp lại* gửi PN, nhà thơ. Anh em trao đổi về con đường tu học Phật pháp, riêng bác sĩ Dũng, vừa Tây y vừa Đông y, đưa ra những "triết lý" về y học khá độc đáo, đã thể nghiệm trên bản thân như từng nhịn đói 49 ngày, sụt 20kg thể trọng nhưng vẫn bơi 3 vòng sông Hương! Anh CHH kể hành trình viết báo Phật giáo của mình như thế nào...

Ngày hôm sau Huế vẫn mưa. Lai rai thôi. Làm như mùa này không mưa thì không phải Huế. Giữa tháng Hai âm lịch rồi chứ! Lạnh 17 độ. Nghe nói "tháng Ba bà già chết rét" là vậy!

Không gì sáng khoái hơn sáng sớm được ngồi bên bờ sông Hương, khu vực Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, Lê Bá Đảng... nhâm nhi café và gặp gỡ bạn bè. Café Liễu Quán hay lắm. Dưới mỗi phin lọc có một khúc đèn cây sưởi nóng! Tôi nghĩ nếu được đặt một cục than hồng thì thú vị hơn. Để nhớ TCS:

*ngoài phố mùa đông
đôi môi em là đốm lửa hồng
ru đời đi nhé...*

Chương trình sáng nay đi Huyền Không Sơn Thượng thăm thầy Giới Đức và khi về sẽ ghé chùa Thiên Mụ.

Nghe nói sư Giới Đức sắp nhập thất 3 năm. Gần như là rửa tay gác kiếm, tuyệt tích giang hồ chờ gì nên phải cần gấp sớm! Sư vốn là một nghệ sĩ, một nhà thơ, nhà văn, nhà thư pháp nổi tiếng từ hơn bốn mươi năm trước: Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Vẫn mưa lất phất. Khá lạnh. Mây mù trên đỉnh núi xa. Đường quanh co đèo dốc. Hình như Sư đang phải bận tiếp khách nên anh em đợi hơi lâu dưới quán lương đình. Không bỏ lỡ cơ hội, phải sẵn một ít hình ảnh chứ.

Lang thang chợt thấy một túp lều tranh, giữa lòng hồ lớn, có dòng suối róc rách, có nhịp cầu bắc ngang... Lạ nhỉ. Ai mà chọn một chỗ đẹp như tranh vậy! Làm nhớ "Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước / Em đến tôi một lần / Bao lũ chim rừng hóp đàn trên khắp bến xuân..." (Văn Cao).

Lần theo chiếc cầu tre ọp ẹp nhiều đoạn như sắp gãy tìm chủ nhân. Chó bông sủa vang. Nhìn lên thấy một... sư trẻ râu ria rậm rạp, trông rất "tiên phong đạo cốt". Chó dữ không thấy? Không. Nó hù thôi. Mời vào. Thì ra đó là thầy Chơn Quán, đệ tử của sư Giới Đức. H và TN không biết tự lúc nào đã theo chân nên cùng kéo vào thảo am. Hùng giới thiệu tôi. Sư mừng rỡ, ủa vậy hả? Rồi vội vàng châm nước pha trà mời khách phương xa, tuy chưa quen mà không hề lạ. Chơn Quán là đệ tử "chân truyền" về thư pháp của sư Giới Đức thì phải, lại phụ trách website của Huyền Không Sơn Thượng... nên không lạ gì với chúng tôi! Đúng là tứ hải giai huynh đệ.

Rồi Chơn Quán đích thân đưa bọn tôi lên cốc của sư Giới Đức. Tôi với Sư thì đã khá quen nhau. Sư cười: anh leo dốc cao vậy mà không thấy mệt hả? Rồi Sư... "tâm tình" một buổi, cùng trả lời những thắc mắc của anh em đặt ra về Phật pháp. Phải nói bây giờ Sư đã có cái nhìn rộng mở, xuyên suốt. Sư nói đã có lời nguyện từ khi xây dựng Huyền Không Sơn Thượng, nay đã gần như hoàn thành tâm nguyện. Giờ đến lúc phải nhập thất. Bỏ hết thơ văn, thư pháp, không tiếp ai, không điện thoại, không vi tính, hoàn toàn tĩnh lặng... Sư nói hôm nay vui quá. Chưa có hôm nào vui như vậy. Sư mời mọi người cùng chụp với Sư một tấm hình kỷ niệm...

Rời Huyền Không Sơn Thượng, đoàn về chùa Thiên Mục. Đã quá trưa. Chùa đông du khách quá! Lễ Phật, tham quan các nơi rồi... kéo nhau xuống núi.

Vẫn mưa lất phất không ngơi. Sơn nầy ý để nghị mọi người đi thăm chùa Túy Vân, một danh thắng cách Huế khá xa, miệt biển, không có trong chương trình. Vẫn mưa.

Buổi tối áp thấp nhiệt đới. Sóng trên sông Hương mạnh dần lên nên chương trình đi thuyền trên sông, nghe ca Huế phải hủy. Thế nhưng, không nghe ca Huế trên sông thì các bạn tổ chức cho nghe ca Huế trên bờ tại thính phòng Bảo tàng Văn hóa do nhà thơ Võ Quê phụ trách!

Ngày mai, sẽ viếng các chùa Huế xưa...

Trước hết, viếng chùa Quốc Ân, Tổ đình thiền Lâm

Tế, do Sư Nguyên Thiều khai sơn, năm 1682, thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Một cõi Phật trang nghiêm, thanh tịnh. Lòng như nhẹ lâng. Mưa vẫn mưa bay. Rồi đến chùa Thuyền Tôn, do Thiền sư Liễu Quán khai sáng từ đầu thế kỷ XVII. Đây cũng là nơi đã nhiều lần mở các Đại giới đàn truyền giới cho hàng vạn tín đồ. Huế nay có Trung tâm Liễu Quán rất trang nhã bên bờ sông Hương và có giai phẩm *Liễu Quán* rất đẹp và giá trị. Ghé Ni viện Diệu Đức, được xây dựng từ năm 1932 bởi Sư bà Diệu Không, nay vẫn là một trung tâm đào tạo nổi tiếng cả nước.

Chùa Báo Quốc có từ đời chúa Nguyễn Phúc Tần, nơi ngài Liễu Quán từng đến học đạo nhiều năm, sau này trở thành trường cao đẳng Phật học, đào tạo Tăng tài. Các Hòa thượng Trí Tịnh, Thiện Hoa... ở phương Nam cũng từng đến học nơi này. Bác sĩ cư sĩ Lê Đình Thám, Hội trưởng An Nam Phật học hội, cũng sinh hoạt tại đây.

Chùa Báo Quốc đã được Hoàng hậu Hiếu Khương cho tái thiết năm 1808 và sau này Bà Từ Dũ cũng đã hỗ trợ sửa sang.

Tiếp đó viếng chùa Từ Hiếu và chùa Từ Đàm, hôm sau còn thăm Trúc Lâm Bạch Mã...

Rất tình cờ, không tính trước vậy mà đã có dịp viếng mười cảnh chùa Huế.

Đi sâu vào các chùa chiêm xứ Thần kinh mới thấy Phật giáo từ xa xưa đã được vua chúa quan tâm hỗ trợ, đặc biệt chúa Nguyễn Phúc Tần, vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... đã tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững, cũng đã được các công chúa, hoàng hậu... tích cực giúp đỡ xây dựng, trùng tu. Huế đúng là cái nôi của Phật giáo không chỉ của miền Trung mà gần gũi biết bao với miền Nam. Ngoài việc tu tập còn đào tạo Tăng tài, ra báo, tổ chức hệ thống Gia đình Phật tử. Đã có sự đóng góp không nhỏ của các cư sĩ, Phật tử.

"Gốc sâu thì nhánh tốt

Nguồn xa thì sông dài..."

Ở chùa Báo Quốc hiện nay còn thấy có trưng bày hình ảnh các vị Hòa thượng và cư sĩ Lê Đình Thám, cùng một bài thi kệ của Thầy Phước Hậu.

"Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,

Học hành không thiếu cũng không dư,

Năm nay nghĩ lại chừng quên hết,

Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ".

Phải, "Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như".

Vậy là đã đủ!

Hôm sau, rời Huế sớm để lên đường về Đà Nẵng. Cứ như học trò xứ Quảng ra thi! Lại cà-phê Liễu Quán. Lại sông Hương dùng dằng.

Con sông dùng dằng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu.

(Thu Bồn) ■



Bố thí hạnh tu thể hiện sự biết ân và báo ân

HOA THIÊN

Bố thí (*dāna*), cúng dường (*dakkhinā*), trợ duyên hay tạo điều kiện giúp cho người khác vui khổ hay đi đến thoát khổ là một hạnh tu căn bản được nói đến trong đạo Phật. Người Phật tử được khuyến thực hành hạnh bố thí cúng dường, vì đó là lẽ sống sáng suốt mang lại an lạc cho mình và lợi lạc cho người khác.

Đó là hạnh tu thể hiện sự biết ân và báo ân của người con Phật đối với cuộc đời, là việc làm nói rõ tâm thái tử bi và trí tuệ của những người học tu theo hạnh của

Phật. Tử bi, vì đó là nghĩa cử của tâm thương quý người khác. Trí tuệ, bởi đó là việc làm thể hiện sự sáng suốt của người Phật tử trong suy tư và nhận thức về hiện hữu. Đó là hạnh tu có liên quan mật thiết đến đời sống của con người, tức là hiện tượng cho và nhận diễn ra thường xuyên trong đời sống của mỗi người. Nói cách khác, đó là việc hân hoan đáng làm đối với những người hiểu rõ nguyên lý cộng sinh giữa cuộc đời.

Có ba hình thái bố thí được nói đến trong đạo Phật cho thấy quan niệm sáng suốt của người con Phật

trong tư duy và nhận thức về tính chất tương quan của cuộc sống. Đó là tài thí (*āmisadāna*), pháp thí (*dhammadāna*) và vô úy thí (*abhaya-dāna*).

Tài thí chủ yếu là giúp đỡ cho người khác về phương diện vật chất hay phương tiện mưu sinh, như hỗ trợ về nơi ăn chốn ở; tạo điều kiện cho người khác có cơ hội được học tập nhằm nâng cao kiến thức, nâng cao tay nghề chuyên môn; hay tạo công ăn việc làm cho người khác, giúp cho họ có được cuộc sống ổn định.

Pháp thí cơ bản là giúp cho người khác có được sự hiểu biết đúng đắn hay nhận thức sáng suốt, biết phân biệt về thiện ác, đúng sai; nói cho người khác biết đâu là thiện nên theo, đâu là ác cần phải từ bỏ; khuyến khích người khác phát huy nếp sống giới đức, tâm đức và tuệ đức; hay gợi cho người khác hiểu rõ về sự thật khổ đau, về nguyên nhân khổ đau, về nguyên lý khổ diệt và về con đường đưa đến chấm dứt khổ đau.

Vô úy thí nghĩa là giúp cho người khác có được sự an tâm và tin tưởng vào lẽ sống chân chánh hiển thiện, không rơi vào nghi ngờ, hoang mang, lo âu sợ hãi; nêu gương cho người khác về phương diện đạo đức, cụ thể là thể hiện nếp sống có giới đức (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu), tâm đức và tuệ đức, khiến cho người khác hoàn toàn yên tâm và tin tưởng vào lẽ sống chân chánh hiển thiện mà mình theo đuổi, giúp cho họ thoát khỏi mọi tâm lý nghi ngờ, lo âu, sợ hãi trong cuộc sống.

Người con Phật được khuyến học tập và thực hành ba loại bố thí trên, cũng có nghĩa là thể hiện sự tri ân và báo ân đối với cuộc đời, vì đó là những gì mà bản thân mỗi người đã nhận được trong quá trình hiện hữu và cần hiển tặng lại cho người khác, cho cuộc đời.

Tùy thuộc vào điều kiện và năng lực của mỗi người mà ba hình thái bố thí trên được thực hiện ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, mọi việc làm mang tính chia sẻ đều nói lên sự hiểu biết và đều mang ý nghĩa quan trọng đối với đời sống con người và cuộc đời. Có ai lớn lên trong đời này mà không cần đến sự ban bố và giúp đỡ của người khác về cái ăn cái mặc (tài thí), về tri thức và đạo lý (pháp thí), về niềm tin yêu để sống (vô úy thí)?

Xét về nguyên lý tương hệ sinh tồn thì quá trình hiện hữu của con người trên cuộc đời không gì khác là một quá trình nhận và cho. Con người nhận suốt đời và cho suốt đời. Nhận suốt đời, vì con người không tự hiện hữu, không tồn tại độc lập, phải nhờ đến sự trợ duyên của nhiều thứ khác ở bên ngoài mới tồn tại. Cho suốt đời, vì nhất cử nhất động của con người đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến người khác, đến thế giới chung quanh.

Theo quan niệm của đạo Phật thì mọi thứ trên cuộc đời đều hiện hữu và tồn tại nhờ vào nhân duyên, nghĩa là nhờ sự hỗ trợ của những thứ khác. Con người cũng vậy, sở dĩ tồn tại được là nhờ sự gia ân của nhiều người

khác và nhiều thứ khác ở bên ngoài. Đến lượt mình, đời sống của mỗi người - những ý nghĩ, lời nói và việc làm - tác động trở lại đến người khác và đến thế giới chung quanh. Chính vì thế mà đạo Phật khuyến mọi người cần phải biết nhớ ân và báo ân cuộc đời bằng cách phát tâm bố thí cúng dường, nghĩa là phải thể hiện nếp sống chơn chánh hiển thiện, nỗ lực làm các việc lành, làm các việc công đức để tri ân cuộc đời.

Đọc và suy ngẫm đoạn kinh văn sau đây nói về tương hệ giữa Đức Phật và nữ mẫu Mahàpajàpati Gotami để thấy rằng đời sống của mỗi người không gì khác là một quá trình cho và nhận:

"Bạch Thế Tôn, Mahàpajàpati Gotami đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thức mẫu, là dưỡng mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh, thân mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa. Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahàpajàpati Gotami. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahàpajàpati Gotami đã quy y Phật, quy Pháp, quy Tăng. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahàpajàpati Gotami từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahàpajàpati Gotami có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahàpajàpati Gotami không còn nghi ngờ đối với Khổ, không còn nghi ngờ đối với Khổ tập, không còn nghi ngờ đối với Khổ diệt, không còn nghi ngờ đối với Con đường đưa đến Khổ diệt. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahàpajàpati Gotami".

Bà nữ mẫu Mahàpajàpati Gotami đã chăm lo cho Đức Phật bằng cả tấm lòng thương yêu của bà mẹ; bà đã hết lòng chăm sóc nuôi nấng Đức Phật từ lúc Ngài còn tằm bé cho đến lúc lớn khôn. Đức Phật đã tiếp nhận tình thương và sự chăm sóc của bà Mahàpajàpati Gotami nhờ đó Ngài mới trưởng thành. Đến lúc thành đạo xong thì Đức Phật quay trở về báo ân cho bà Mahàpajàpati Gotami; Ngài thuyết giảng đạo lý giải thoát cho bà, khuyến khích bà quy y Tam bảo, tuân giữ nếp sống giới đức trong sạch, giúp cho bà thiết lập lòng tin vững chắc đối với Phật-Pháp-Tăng, tạo duyên lành cho bà thực hành hạnh bố thí cúng dường, khai thị cho bà thấy rõ và quyết chắc về Bốn chân lý: khổ, khổ tập, khổ diệt và con đường đưa đến khổ diệt hiện hữu trên cuộc đời (đồng nghĩa là đắc quả Dự lưu). Như vậy, bà Mahàpajàpati Gotami đã giúp đỡ rất nhiều cho Đức Phật và Đức Phật cũng đã giúp ích rất lớn cho nữ mẫu Mahàpajàpati Gotami.

Tương hệ giữa cuộc đời Đức Phật và nữ mẫu Mahàpajàpati Gotami giúp cho chúng ta hiểu thêm tầm quan trọng của bố thí và vì sao bố thí được xem là hạnh tu thể hiện sự biết ân và báo ân của người con

Phật. Bà Mahàpajàpati Gotamì đã bố thí công lao dưỡng dục cho Đức Phật bằng tất cả tấm lòng thương yêu của người mẹ. Đáp lại, Đức Phật đã ban bố lẽ sống giải thoát cho bà Mahàpajàpati Gotamì bằng trí tuệ và tâm từ bi của một bậc Giác ngộ. Hai sự bố thí không giống nhau nhưng có chung một tấm lòng: mong cho người khác được hạnh phúc an lạc, thoát khỏi phiền não khổ đau.

Hiểu như trên thì bố thí chính là một đạo lý của sự sống mà mọi người cần quan tâm nỗ lực thực hiện vì lợi ích cho mình và lợi lạc cho người khác. Đó là hành vi bảo tồn sự sống, khiến cho sự sống được bảo vệ, được che chở, trở thành an ổn, thoát khỏi mọi nguy cơ đưa đến tàn hại. Nói khác đi, bố thí là trách nhiệm cao quý mà mỗi người cần nỗ lực thực hiện trong cuộc đời nhằm góp phần làm cho đời sống trở nên tốt đẹp. Lý Duyên sinh (*Patīcasamuppāda*) hay quan niệm tương hệ nhân quả của đạo Phật cho thấy một ý nghĩa trong sáng hay không trong sáng sinh khởi trong một người có tính cách quyết định đến sự trong sạch hay ô nhiễm của môi trường sống trên thế giới.

Chưa nói đến việc bố thí rộng rãi cho nhiều người khác, hãy quan tâm làm tốt và thể hiện tốt việc bố thí đối với những người thân yêu và gần gũi với mình. Đó là yêu cầu cơ bản của bố thí, được hiểu như là trách nhiệm đạo đức mà mỗi người cần làm cho nhau trong các mối quan hệ. Đức Phật dạy mọi người thực hành hạnh bố thí theo cách cụ thể như vậy:

"Này Gia chủ tử, có năm cách người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông: 'Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bổn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống; tôi sẽ bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời.' Này Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác; khuyến khích con làm điều thiện; dạy con nghề nghiệp, cưới vợ xứng đáng cho con; đúng thời trao của thừa tự cho con.

Này Gia chủ tử, như vậy là cha mẹ được con phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách và cha mẹ có lòng thương tưởng con theo năm cách. Như vậy phương Đông được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Này Gia chủ tử, có năm cách đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam: Đúng dậy để chào, hầu hạ thầy, hăng hái học tập, tự phục vụ thầy, chú tâm học hỏi nghề nghiệp. Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy, các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách: Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện; dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thục các nghề nghiệp; khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc; bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt.

Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và sư

trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách. Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Này Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây: Kính trọng vợ, không bắt kính đối với vợ; trung thành với vợ; giao quyền hành cho vợ; sắm đồ nữ trang cho vợ. Này Gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình; khéo tiếp đón bà con; trung thành với chồng; khéo gìn giữ tài sản của chồng; khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.

Này Gia chủ, như vậy là người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách và người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách. Như vậy phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, không lường gạt. Này Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách: Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng; bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng; trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm; không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn; kính trọng gia đình của vị thiện nam tử.

Này Gia chủ tử, như vậy là bạn bè được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách và bạn bè có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phương Bắc được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Này Gia chủ tử, có năm cách một vị chủ nhân đối xử với hạ tầng nô bộc như phương Dưới: Giao việc đúng theo sức lực của họ; lo cho họ ăn uống và tiền lương; điều trị cho họ khi bệnh hoạn; chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ; thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép. Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách như kia, có lòng thương tưởng đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau: Dậy trước khi chủ dậy; đi ngủ sau chủ; tự bằng lòng với các vật đã cho; khéo làm các công việc; đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, như vậy là các hàng nô bộc được vị chủ nhân đối xử như phương Dưới theo năm cách, và các hạ tầng nô bộc có lòng thương tưởng đối với chủ nhân theo năm cách. Như vậy phương Dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên: Có lòng từ trong hành động về thân; có lòng từ trong hành động về khẩu; có lòng từ trong hành động về ý; mở rộng cửa để đón các vị ấy; cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết. Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như

vậy, có lòng thương tưởng vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây: Ngăn họ không làm điều ác; khuyến khích họ làm điều thiện; thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, như vậy là các Sa-môn, Bà-la-môn được vị thiện nam tử đối xử như phượng Trên theo năm cách và các Sa-môn, Bà-la-môn có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phượng Trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sợ hãi².

Như vậy, cứ theo lời Phật thì một người mà làm tốt trách nhiệm đạo đức của mình trong các mối quan hệ với người khác tức là đang thực hành hạnh bố thí. Vì điều đó đem lại hân hoan an lạc cho người khác, khiến cho sự sống được che chở, được tiến triển theo chiều hướng tốt đẹp, trở thành an ổn, thoát khỏi các sợ hãi:

- Con cái mà sống có hiếu thảo với cha mẹ tức là đem lại hân hoan an lạc cho cha mẹ. Cha mẹ mà khéo chăm lo giáo dưỡng con cái tức là đem lại hân hoan lợi lạc cho con cái.

- Học trò mà biết vâng lời thầy và chăm chỉ học tập tức là đem lại hân hoan an lạc cho người thầy. Thầy mà hết lòng dạy dỗ và trao truyền kinh nghiệm cho học trò tức là đem lại hân hoan lợi lạc cho học trò.

- Vợ mà nhất mực trung thành và thương yêu chồng tức là đem lại hân hoan an lạc cho người chồng. Chồng mà hết lòng trung thành và yêu quý vợ tức là đem lại hân hoan an lạc cho người vợ.

- Bạn bè mà biết quý mến và đối xử tốt với nhau tức là đem lại hân hoan an lạc cho bạn bè.

- Chủ nhân mà có lòng thương quý và đối xử tốt với người làm công, kẻ giúp việc tức là đem lại hân hoan an lạc cho kẻ ăn người ở. Kẻ làm công, người giúp việc mà trung thành và biết cách làm lợi cho chủ tức là đem lại hân hoan an lạc cho người chủ.

- Người thiện tín mà có lòng tôn kính cúng dường cho các Sa-môn hay Bà-la-môn tức là đem lại hân hoan an lạc cho các Sa-môn hay Bà-la-môn. Các Sa-môn hay Bà-la-môn mà tận tâm giáo giới và khuyến thiện cho kẻ thiện tín tức là đem lại hân hoan lợi lạc cho người thiện tín.

Nhìn chung, bố thí là hạnh tu hết sức căn bản được khuyến khích trong đạo Phật, là hành vi hiểu biết đưa đến lợi ích cho mình và lợi lạc cho người khác, lợi lạc cho cuộc đời. Đó là hạnh tu nói rõ tâm thương người của người con Phật, là việc làm thể hiện lòng tri ân và báo ân của những người hiểu rõ tính tương quan nhân duyên của sự sống. Đó là hành vi mở tâm lắng nghe dòng đời trôi chảy thế nào để dự phần khơi nguồn cho dòng chảy ấy được trong sáng, êm ả, mang lại sức sống an vui cho nhiều người. Cuộc sống tồn tại hỗ tương nên bố thí chính là trách nhiệm đạo đức của mỗi người và mọi người.

Tùy thuộc vào tâm tâm lượng hiểu biết mà khả năng chia sẻ (bố thí) được thể hiện ở các cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, mọi việc làm mang tính chia sẻ dù khiêm tốn



đến đâu cũng nói lên tâm thái hiểu biết và đều cần thiết cho đời sống của con người và lợi lạc cho cuộc đời.

Người con Phật được khuyến học tập đầy đủ các hình thái bố thí và thực hành chúng trong đời sống hàng ngày, tùy theo nhân duyên hay điều kiện cụ thể của mỗi người.

Con người và xã hội ngày nay vẫn đang cần đến nhiều tấm lòng bố thí và chia sẻ, không chỉ về cái ăn cái mặc (tài thí), mà còn là tri thức, đạo lý (pháp thí) và nhất là niềm tin (vô úy thí).

Người con Phật có nhiều thứ đáng quý có thể chia sẻ cho cuộc đời. Phật tử không có nhiều tiền tài vật chất nhưng có trí tuệ, không có địa vị chức quyền nhưng có lòng tin, không có nhiều tài năng nhưng có giới đức.

Đức Phật xác chứng rằng một người mà biết quy y Tam bảo và thọ trì năm giới cấm (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu) tức là đã thực hành "đại bố thí" (*mahādāna*) và thi ân lớn cho cuộc đời, vì người đó "đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sinh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sinh, đem cho không tổn hại cho vô lượng chúng sinh"³.

Hoặc trong lời khuyên dành cho thanh niên Singalaka⁴, Đức Phật dạy mọi người biết thể hiện trách nhiệm đạo đức đối với nhau trong các mối quan hệ (cha mẹ và con cái, thầy và trò, chồng và vợ, bạn bè và bạn bè, chủ nhân và người giúp việc, tu sĩ và cư sĩ) tức là đã bố thí cho nhau, trợ duyên cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau đi đến tiến bộ, cùng nhau xây dựng và thực nghiệm đời sống hạnh phúc an lạc trên cõi đời. ■

Chú thích:

¹ Kinh Phân biệt Cúng dường, *Trung Bộ*.

² Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, *Trường Bộ*.

³ Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.

⁴ Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, *Trường Bộ*.

Phương tiện

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

P hương tiện của chư Phật, theo kinh *Pháp Hoa*, là để khai, thị, ngộ, nhập cái thấy biết của Phật cho chúng sanh, khiến họ vào Nhất thừa Phật tánh.

“Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một nhân duyên đại sự mà xuất hiện nơi thế gian. Chư Phật Thế Tôn muốn cho chúng sanh khai mở cái thấy biết của Phật để được thanh tịnh mà xuất hiện ở đời; muốn chỉ cho chúng sanh cái thấy biết của Phật mà xuất hiện ở đời; muốn cho chúng sanh ngộ cái thấy biết của Phật mà xuất hiện ở đời; muốn cho chúng sanh nhập cái thấy biết của Phật mà xuất hiện ở đời...”

Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai dùng vô lượng vô số phương tiện, thầy thầy nhân duyên thí dụ ngôn từ, mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật thừa, các chúng sanh theo Phật nghe pháp, rốt cuộc đều được nhất thiết chủng trí...

Xá-lợi-phất! Như vậy đều vì để được một Phật thừa nhất thiết chủng trí”.

(Phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Đối với chúng sanh, phương tiện là những pháp môn tu hành để có thể ngộ nhập cái thấy biết của Phật, mà theo kinh, vốn sẵn có nơi mỗi chúng sanh. Những pháp môn, những hạnh tu hành được nói trong suốt cuốn kinh, nhưng tập trung nhiều nhất là những phẩm cuối, nói về hạnh tu hành của các Đại Bồ-tát: Phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự thứ 23, phẩm Diệu Âm Bồ-tát thứ 24, phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát phổ môn thứ 25, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự thứ 27, phẩm Phổ Hiền Bồ-tát thứ 28.

Tất cả mọi phương tiện đều để đưa đến Nhất thừa, và Nhất thừa này chính là Phật tánh, mà khai mở trọn vẹn cũng được gọi là Nhất thiết chủng trí:

*Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có pháp Nhất thừa
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói
Vì nói trí huệ Phật
Chư Phật ra nơi đời
Duy một sự này thật
Hai thứ chẳng phải chân.*

(Phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Thừa nghĩa đen là chiếc xe, vật chuyên chở. Thừa là phương tiện chuyên chở. Trong kinh *Pháp Hoa*, mọi thừa, mọi phương tiện, mọi pháp môn đều quy về Nhất thừa, quy về Phật tánh:

*Chư Phật đời vị lai
Dẫu nói trăm nghìn ức
Vô số các pháp môn
Kỳ thật vì Nhất thừa.
Chư Phật lưỡng túc tôn
Biết pháp thường không tánh
Phật chủng tùy duyên khởi
Thế nên nói Nhất thừa.*

(Phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Nền tảng của kinh *Pháp Hoa* là hai phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16 và Như Lai thần lực thứ 21. Nền tảng ấy là nền tảng của chúng sanh, của thế giới và của các bậc thánh. Nền tảng ấy là Phật tánh và vô lượng vô biên, không thể có cái gì ở ngoài nền tảng ấy. Các thừa, các phương tiện, các pháp môn đều ở trong nền tảng ấy, và hơn nữa, khởi phát từ nền tảng ấy.

Các thừa, các phương tiện, các pháp môn phát xuất từ nền tảng Phật tánh ấy, đi trong nền tảng Phật tánh ấy và thành tựu, chấm dứt trong nền tảng Phật tánh ấy. Thế nên, trong mọi con đường, trong mọi pháp môn, chúng ta luôn luôn có thể bắt gặp Phật tánh. Gặp gỡ và thấy trực tiếp Phật tánh được nhiều hay ít là do sự che chướng của phiền não chướng và sở tri chướng của riêng chúng ta có nhiều hay ít, còn toàn bộ Phật tánh, “toàn bộ thân Như Lai” (phẩm *Hiện bửu tháp*, thứ 11) vẫn luôn luôn có đó, từ đầu cho đến cuối con đường của mỗi chúng ta.

Cứu cánh nằm ngay nơi phương tiện, Phật tánh nằm ngay trong các pháp môn, đích đến nằm ngay trong mỗi bước chân đi:

*Nếu có loài chúng sanh
Gặp chư Phật quá khứ
Nếu nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới, kham nhẫn
Tinh tấn, thiền, trí tuệ
Thầy thầy tu phước huệ
Những người như vậy thật
Đều đã thành Phật đạo
Chư Phật diệt độ rồi*

Nếu người tâm thiện hòa
 Các chúng sanh như thể
 Đều đã thành Phật đạo.
 Chư Phật diệt độ rồi
 Người cúng dường xá-lợi
 Dụng muốn ức loại tháp
 Vàng bạc và pha lê
 Xa cừ và mã não
 Ngọc mai khôi, lưu ly
 Thanh tịnh rộng nghiêm sức
 Trang hoàng nơi các tháp
 Hoặc dựng lên miếu đá
 Chiền-đàn và trầm thủy
 Gỗ mật cùng gỗ khác
 Gạch ngói đất sét thầy
 Hoặc ở trong đồng trống
 Gom đất thành miếu Phật
 Nhấn đến trẻ con chơi
 Nhóm cát thành tháp Phật
 Những người như vậy thầy
 Đều đã thành Phật đạo.

(Phẩm Phương tiện, thứ 2)

Khi Đức Phật thọ ký cho các vị Vô học và Hữu học Thanh văn cho đến Đề-bà-đạt-đa là Ngài đã đứng trên nền tảng Nhất thừa Phật tánh mà nói các vị sẽ thành Phật. Khi nhiếp tất cả các vị tu hành trong Thanh văn thừa về Nhất thừa thì đồng thời cũng nhiếp tất cả các pháp môn của Thanh văn thừa vào Nhất thừa hay Phật thừa.

Đại thừa không loại bỏ các pháp môn của Thanh văn thừa, mà nâng cấp chúng lên bằng cách đặt chúng trên nền tảng Nhất thừa hay Phật tánh. Chẳng hạn, Thanh văn thừa quan niệm tu Bốn Niệm xứ là để đạt đến thực tại tối hậu là Niết-bàn, thì Đại thừa thấy rằng Bốn Niệm xứ xảy ra trên chính nền tảng Niết-bàn.

Bốn Niệm xứ là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, là bốn lãnh vực thuộc sanh tử, vô thường. Trong khi Thanh văn thừa quan niệm rằng đó là bốn phương tiện, bốn pháp môn, bốn con đường sẽ dẫn đến cứu cánh Niết-bàn thì Đại thừa thấy rằng bốn quán niệm về bốn lãnh vực thuộc sanh tử ấy xảy ra trên chính Niết-bàn, vì sanh tử và Niết-bàn không khác.

Niết-bàn cùng thế gian
 Không có chút sai khác
 Thế gian cùng Niết-bàn
 Cũng không chút sai khác.
 Thật tế của Niết-bàn
 Và thật tế thế gian
 Hai tế ấy như vậy
 Không mấy may sai khác.

(Quán Niết-bàn; 19-20; Trung luận)

Như vậy, nền tảng của Bốn Niệm xứ không phải là sanh tử, mà nền tảng của chúng là Niết-bàn tánh Không.



Một thí dụ khác là nền tảng của mười hai duyên sanh không phải là sanh tử, mà nền tảng của chúng chính là tánh Không vô sanh, nên trong bất cứ nhân duyên nào của mười hai duyên sanh người ta đều có thể bắt gặp nền tảng vô sanh ấy:

Các pháp chẳng tự sanh
 Chẳng từ cái khác sanh
 Chẳng cùng (sanh), chẳng vô nhân
 Nên biết chúng vô sanh.

(Quán Nhân duyên; 3; Trung luận)

Đoạn kệ từ kinh *Pháp Hoa* ở trên, “Vô số các pháp môn... Chư Phật lưỡng túc tôn, biết pháp thường không tánh”, chúng ta hiểu rằng tất cả các pháp môn đều được thiết lập từ nền tảng của chúng là tánh Không, tiến hành trong tánh Không, và thành tựu trong tánh Không. Các pháp môn, các phương tiện là sự biểu lộ của tánh Không.

Phương tiện chính là cứu cánh, các pháp môn chính là tánh Không, “các pháp đều là Phật pháp” (*Kinh Kim Cương*), đây là một chủ đề chính của kinh *Pháp Hoa* mà người tu học chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ.

Phương tiện tức là cứu cánh, “sắc tức là Không”; như thế, Khai Thị Ngộ Nhập không phải là bốn giai đoạn nối tiếp nhau, mà là một tiến trình duy nhất. Pháp môn là sự biểu lộ của Mười Như Thị, cũng là sự hiển hiện của Chân Như. ■

Những quan hệ thẩm mỹ về Đạo hiếu

THÍCH THIÊN NHƠN

Bằng nhận thức nhân bản, con người là căn bản của tất cả hành động đạo đức cũng như ý nghĩ về đạo đức, đạo đức về thế gian và đạo đức xuất thế gian, đạo đức thuộc lãnh vực xã hội và tâm linh. Do đó, phi con người thì không có những hệ quả tất yếu về đạo đức, giải thoát, đồng thời cũng không thể xác định được vấn đề cơ bản của đạo Hiếu.

Theo đạo Phật, Hiếu không những xuất phát từ tự tâm con người, mà còn tùy thuộc vào điều kiện khách quan. Do xuất phát từ tự tâm sâu thẳm, tự đáy lòng của mỗi người, đáy lòng ấy chính là Tâm. Vì vậy, Hiếu đôi khi còn gọi là Tâm Hiếu và Tâm Hiếu ấy được cụ thể bằng những hành động thực tế, như Hiếu thuận, Hiếu đạo, Hiếu hạnh, Hiếu trung, Hiếu nghĩa, Hiếu nhân v.v...

Thế nên ca dao Việt Nam có câu:

*Dù là bát nước, nén nhang
Còn hương Hiếu hạnh, còn mùa Vu lan.*

Do đó, vào các ngày lễ kỷ niệm, tưởng niệm trong đó có Phật giáo, những người còn sống đã đến đặt vòng hoa, thắp nén hương, nghiêng mình tưởng niệm trước đài liệt sĩ và những di tích lịch sử khác, chính là biểu thị tấm lòng tri ân, báo ân, tấm lòng hiếu nhân, hiếu nghĩa của đạo Phật. Quả thật: *"Lô nhô sóng gợn, trời xanh thẳm. Chiến trường dấu cũ lấp vùi sâu. Nước đục lờ trôi bao người mất. Cho đến ngày nay đã mấy thu. Chiến công rực rỡ gương Thần võ. Ngàn năm sáng tỏ triệu lòng dân. Muôn kiếp uy nghi gương dũng sĩ. Khói vẽ nên hình bóng vĩ nhân"*.

Mặt khác, Hiếu tâm có cùng nền tảng như Hiếu nhân. Nhân chính là Tâm từ bi. Từ bi thương xót hết thảy mọi loài, mọi chúng sanh. Thương xót không phải thương xót mỏng lung, thương xót chung chung mà phải tích cực và chủ đích. Đó là làm cho con người, cho chúng sanh với bớt khổ đau, đem lại an lạc, hạnh phúc vĩnh cửu và cứu cánh. Thế nên, trong *Quan Âm Nam Hải truyện* có đề cập: *"Chơn như đạo Phật nhiệm mầu. Trong Tâm chữ Hiếu, niệm đầu chữ Nhân. Hiếu thì độ được song thân. Nhân thì cứu vớt trăm luân muôn loài"*.

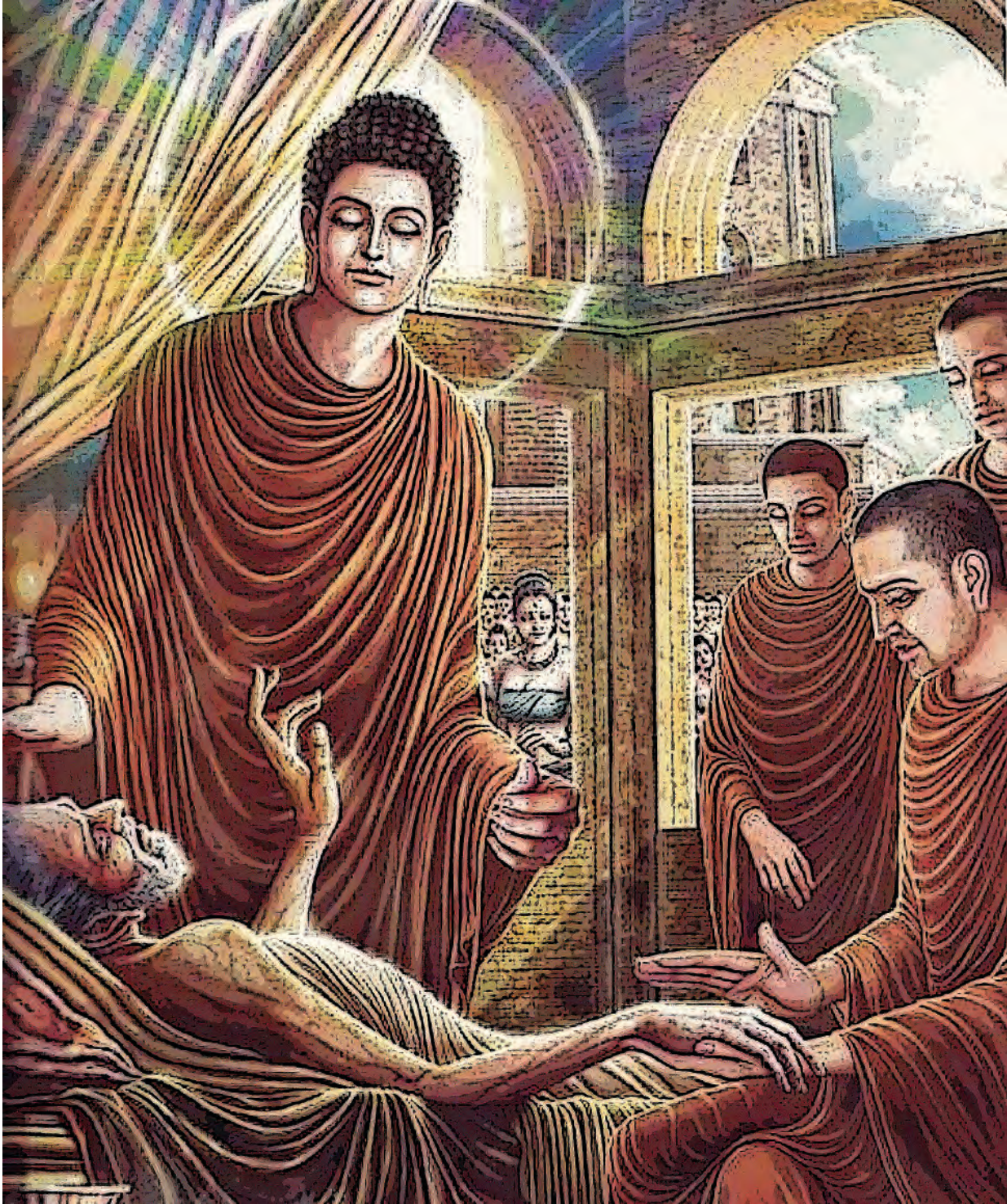
Như vậy, sự cứu khổ độ sanh, xây dựng hạnh phúc cho con người, cho cuộc đời trong hiện tại và mai sau,

chính là Đạo hiếu và Đạo hiếu đó được đồng hóa, đồng nghĩa với Đạo nhân. Như cổ đức nói: *"Một kiếp không tu, muôn kiếp khổ. Một người chứng đạo, cứu huyền, thất tổ siêu thăng"* (Nhất kiếp bất tu vạn kiếp khổ. Nhất nhơn thành đạo cứu huyền thăng).

Từ đó suy ra, mọi hành động, ý nghĩ có lợi ích cho chúng sanh, cho thế gian đều là Hiếu và phù hợp với đạo đức giải thoát và chân lý tuyệt đối. Vì chân lý tuyệt đối không tách rời những hình thức thông tục và cũng chính từ những hình thức thông tục mà đạt được tuyệt đối. Nói cách khác là từ phạm vi thông tục dẫn đi từ Hiếu nhân đã được cụ thể hóa bằng những hành động thực tiễn mang tính xã hội, môi sinh.

Như Đức Phật dạy: *"Không được đốn cây, phá chỗ ở quý thân, không được đổ nước dơ vào đám cỏ v.v..."*. Những điều ấy chính là Giới của Thanh văn, của Bồ-tát cũng là nhằm bảo vệ môi trường nuôi dưỡng cây xanh, tạo cảnh thiên nhiên. Cho đến không phá rừng, đốn cây vô cớ, để tạo vẻ đẹp thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên cũng gọi là làm đẹp cho đời, cho thế gian. Theo quan niệm của đạo Phật, trang nghiêm cho thế gian là trang nghiêm Tịnh độ của chư Phật, phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật. Đó chính là những hành động Hiếu nhân của con người từng quản lý cây xanh, nha kiểm lâm, người làm vườn, người chăm sóc bồn cỏ ở công viên v.v... đều là những ý nghĩa thực tiễn của Đạo hiếu, Hiếu nhân. Quả thật, như người xưa đã nói: *"Xin cho tôi làm một hạt cát, để tạo thành sa mạc của thế gian. Xin cho tôi thắp cánh đại bàng, để tô điểm trần gian thêm tươi đẹp"*. Hay nói khác hơn, như Toàn Nhật Quang Đài đã dạy: *"Xưa nay việc nước, việc nhà. Cứu dân giúp nước sao mà chẳng nên. Luật rằng phương tiện xảo quyền, Từ bi lợi vật pháp truyền xưa nay"* (Hứa Sứ truyện).

Cũng như thuở xưa, Thái tử Tất-đạt-đa nói với Xa-nặc: *"Ta bỏ cả gia đình, vợ con, quyền thuộc, đất nước, ngai vàng để tìm chân lý, mai sau chứng đạo Ta sẽ có được những cái to hơn, nhiều hơn, rộng lớn hơn, là tất cả chúng sanh là con của Ta, ba ngàn đại thiên thế giới là đất nước của Ta"*. Như vậy, sự xuất gia tầm đạo, cứu khổ độ sanh của Thái tử Tất-đạt-đa là Đạo hiếu, Hiếu nhân, là Từ bi vô hạn và tuyệt đối, mà ngày nay những ai còn



đủ duyên lành và những nhân tố cơ bản ấy, nhất định vẫn còn nổi chí đi theo, đã, đang và sẽ tiếp tục thực hành có hiệu quả, từ đời này đến đời sau, liên tục cho đến khi chứng quả giải thoát, thành Phật. Như Từ Vân Pháp Sư nói: *"Từ nay cõi Thánh bước lên, Bồ-đề thêm lớn muôn phần cao xa..."*.

Mặt khác, thưở xưa trước khi Đức Phật rời khỏi Bồ-đề Đạo tràng đi hóa đạo, Đức Phật đã nhìn cây Bồ-đề một cách sâu thẳm và triu mến. Sau này, Đức Phật đã giải thích hành động ấy cho các thầy Tỳ-kheo: *"Chính cây này có ích, nó che nắng che mưa cho Đức Như Lai trong thời gian tu hành, cho đến khi thành Đạo, do đó phải biết ơn và trân trọng"*. Vì chính sự trân trọng, biết ơn cây Bồ-đề mà từ đó về sau, nói rộng ra là Đức Phật

không cho các đệ tử của Ngài đốn hoặc chặt cây cối v.v... nhằm phát huy ý nghĩa lợi ích và nuôi dưỡng môi sinh, bảo vệ môi trường sinh thái cho con người và xã hội từ ngàn xưa đến nay. Vì vậy, một bóng mát, một tàng cây, một hàng cây, một luống cỏ, một bãi cỏ xanh, đều là do công lao của con người tạo ra, bảo trì và chăm sóc, là người tu theo Đạo hiểu, Đạo nhân và người biết tôn trọng, giữ gìn, chăm sóc vun tưới cũng chính là Đạo hiểu, Đạo nhân.

Hiếu cũng gọi là Giới, cũng là đồng nghĩa với Giới. Giới chính là không làm các điều ác, thực hành các hạnh lành, giữ tâm cho thanh tịnh. Nói thế, có nghĩa là không làm các điều ác về thân, miệng và ý, ba nghiệp thanh tịnh. Do ba nghiệp thanh tịnh, nên Phật tánh

hiển hiện. Như vậy, Tâm hiếu là Tâm Phật cũng chính là Tâm giới, đầy đủ ba đức: Pháp thân thường trụ, sáng suốt và giải thoát. Do ý nghĩa thường trụ, nên thành tựu ý nghĩa vĩnh cửu, bất sanh bất diệt là chân lý tuyệt đối. Dù Phật ra đời hay không có Phật ra đời, thì chân lý, ý nghĩa Hiếu Tâm này vẫn còn tồn tại miên viễn vì là Pháp giới tánh. Đầy đủ ý nghĩa sáng suốt, tức trí tuệ, nhận rõ điều đáng làm và không đáng làm, nên tùy thuận Hiếu đạo, thực hành Hiếu hạnh, thành tựu Hiếu quả, như vậy sẽ đạt đến giác ngộ cứu cánh giải thoát, thành Phật. Vì giải thoát nên không còn phiền não, không tạo nghiệp ác, nghiệp bất hiếu, nghiệp ngũ nghịch, nên không đọa ba đường ác, chứng Niết-bàn thanh tịnh. Do đó, kinh *Hiếu Tử Đức Phật* dạy: *"Tâm hiếu là Tâm Phật, Hạnh hiếu là Hạnh Phật. Muốn chứng quả đồng với chư Phật, thì việc làm đầu tiên là phải Hiếu thảo với song thân"*.

Chính vì lẽ đó, mà ý nghĩa Giới là Hiếu, Hiếu là Giới, là những vấn đề liên quan hữu cơ, từ phạm vi thông tục, đến phạm vi xuất thế, từ phạm vi thấp đến phạm vi cao, từ phạm vi thế gian đến lãnh vực xuất thế gian. Như kinh *Phạm Võng*, Đức Phật dạy: *"Hiếu thuận với Sư Tăng (Tam sư, Thất chúng), Tam bảo, Hiếu là Giới cũng gọi là Cấm ngăn"*. Từ đó suy ra, phụng sự Tam bảo cũng chính là Hiếu, cũng chính là Giới và làm cho thế gian Trụ trì Tam bảo được tồn tại lâu dài, lợi ích cho chúng sanh, cho thế gian, đó là công đức rất lớn. Vì còn Tam bảo là còn Giác ngộ, giải thoát, không có Tam bảo thì không có Giác ngộ, giải thoát, thành Phật. Nói như thế, có nghĩa là tu Tam bảo bên ngoài, Tam bảo hình thức, để chúng Tam bảo Tự tánh, chúng Tam bảo tự tánh của chúng sanh. Thế nên, Phó Đại sĩ nói: *"Ta có nhà Tam bảo. Trong vốn không sắc tướng, ngài ngài tự tại chẳng làm chi. Phơi phơi rồi thì sẽ thấy kỹ"* (Nhạc Lâm Đại sĩ Ngũ lục).

Cũng dòng tư duy ấy, ngài Triệu Châu sau này cũng xác định: *"Phật đồng không khỏi lửa lò. Phật cây không khỏi lửa đun. Phật đất không khỏi nước làm tan. Nhưng Phật thật ở trong đó"*. (Kim Phật bất độ lò. Mộc Phật bất độ hỏa. Thổ Phật bất độ thủy. Chơn Phật tự kỳ trung). Chính là cách thức tu tập, thờ cúng Phật bên ngoài như thế nào để chúng sanh đạt được Phật tánh bên trong mỗi con người. Quả thật: *"Chân bước nhẹ lên thêm hoa cửa Phật. Lòng từ bi nở nở nở bông dâng trào. Nhìn khói hương nghi ngút từ bàn cao. Thấm khấn nguyện tiêu tan bao khổ lụy"*.

Trong ý nghĩa thực tiễn, Hiếu cũng chính là Trung nghĩa. Trung nghĩa cũng là Hiếu. Điều đó xác định lòng trung thành với đất nước, với dân chúng, chúng sanh, thế giới là một Đạo hiếu cao đỉnh và phổ quát. Vì ai cũng không thể từ bỏ quê hương, quê cha đất tổ, từ bỏ dân tộc, ông bà tổ tiên. Do đó, trong mỗi trường hợp đều thể hiện sự cầu mong cho đất nước bình an, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc. Đó là ý nghĩa cụ

thể mà Toàn Nhật Quang Đài đã nói: *"Lung mang bức tượng Di-đà, Chử trung, chử hiếu, việc nhà vẹn phân. Dù cho đi trọn đường trần, Đạo tâm đầu để một lần phơi pha"*. Cho nên *"Đem thân tâm phụng sự cõi trần, trần duyên mai một Pháp thân sáng ngời"* là một đạo lý nhân quả cứu cánh, siêu việt mà ai cũng đạt được, nếu thực hiện đúng tinh thần Trung với Nước, Hiếu với Dân. Hết lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự đất nước, phục vụ chúng sanh không biết mỏi, như kinh *A-hàm* có câu: *"Minh hãy vì mọi người"*. Về sau thế gian thêm một vẻ thứ hai là *"Mọi người sẽ vì mình"*, đó là lý nhân quả hỗ tương tác động cùng chiều. Bằng ngược lại, thì kết quả trái hẳn cũng có nghĩa là tạo tội bất hiếu, bất trung, có tội với dân tộc, đất nước, xã hội và chúng sanh.

Một vấn đề khác, có thể không bỏ qua là đạo đức, tu đạo đức là tu Hiếu, là có Hiếu. Đối với gia đình, xã hội, một ông cha, bà mẹ có đủ đức hạnh, nếp sống văn hóa lành mạnh, tôn trọng nhân phẩm, hạnh phúc gia đình, bảo vệ thuần phong mỹ tục, văn hóa xã hội, văn hóa dân tộc, cũng là đạo Hiếu, Hiếu nhân, Hiếu nghĩa, Hiếu hạnh. Con cái nhìn thấy cha mẹ có nếp sống văn hóa đạo đức, phù hợp thuần phong mỹ tục, tôn trọng phẩm giá và hạnh phúc gia đình mình và người khác, thì con cái sẽ bắt chước noi theo tu đạo, tu Hiếu, trên thuận, dưới hòa, con thảo, cháu hiền. Cha mẹ thấy con sống có đạo đức, biết kính trên nhường dưới, không xa hoa, phung phí, không giao du bạn ác, nỗ lực học hành, hoàn thành công việc, đỗ đạt, có công danh sự nghiệp trong đời, cha mẹ sẽ hài lòng, hoan hỷ. Tạo được hạnh phúc cho gia đình, cho quyến thuộc chính là Hiếu. Như cổ đức nói: *"Con ơi cố gắng học hành, mai sau đỗ đạt hiển danh tông đường"*.

Tóm lại, những quan hệ thẩm mỹ hữu cơ về đạo Hiếu thật vô vàn, vô số, nhưng điều cơ bản vẫn là tấm lòng. Nếu không có tấm lòng thì không có tất cả. Mà khi đã có tấm lòng thì sẽ có tất cả, do đó, thế gian thường lấy cái bụng ở đời là thế. Bụng đây chính là cái lòng, tốt bụng cũng là tốt lòng, là tâm tốt, đều là những phạm trù luân lý đạo đức cơ bản, rất thâm sâu, mẫu nhiệm và tuyệt đối.

Như cổ đức nói: *"Tâm ư trung xuất hành ư ngoại"* (Trong tâm như thế nào thì biểu hiện hành vi như thế đấy). Nói khác đi là *"Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh. Hữu tướng vô tâm, tướng tùng tâm diệt"* (Nếu có tâm mà chưa có tướng, thì chắc chắn sẽ có tướng sinh từ tâm. Nếu có tướng mà không có tâm, thì tướng ấy hoàn toàn không có thật, là giả tướng, là không). Như vậy, điều căn bản là phải có Tâm, thấy Tâm và dụng Tâm cho đúng pháp, thì mới thành tựu mọi hạnh lành, hạnh hiếu và thành tựu mục đích cứu cánh, giải thoát, thành Phật. Như kinh *Nhẫn Nhục* nói: *"Thờ cha kính mẹ trong nhà. Thích-ca từ phụ, Di-đà mẫu thân. Cúng dường phụng dưỡng ân cần. Tương lai thành Phật một vầng hào quang"*. ■

Vài suy nghĩ về vấn đề trụ trì trong giai đoạn hiện nay

THÍCH HẠNH TUỆ

Vấn đề trụ trì là một trong những vấn đề vô cùng bức thiết, mang tính chiến lược và không kém phần nan giải của Phật giáo hiện nay. Những người có tâm huyết với vận mệnh tồn vong của Phật giáo, không khỏi lo ngại trước dòng thác thế giới vật chất mạnh như vũ bão tưởng chừng như không có bất cứ thứ gì ngăn cản nổi, cuốn phăng đi những giá trị tinh thần đạo đức tốt đẹp vốn hình thành và tồn tại hàng ngàn năm trong lòng dân tộc Việt Nam. Người viết bài này luôn mong nghĩ, rằng các vị trụ trì của các ngôi chùa trên khắp mọi miền của đất nước Việt Nam phát huy được sức mạnh vô biên của lòng từ bi và trí tuệ bản thân mình, tận lực gìn giữ và xiển dương kho báu tinh thần vô giá của Như Lai; là một trong những giải pháp khả thi, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và phát triển đất nước nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

Chúng ta dễ dàng thấy rằng trong thực tế, trụ trì là người nắm giữ vai trò rất quan trọng trong việc truyền trì mạng mạch của Như Lai trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trụ trì chính là linh hồn của một ngôi chùa - nơi Phật tử, bá tánh nương tựa mọi mặt của đời sống tinh thần, là tế bào trọng yếu quyết định sự hưng suy của Giáo hội. Hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta có 12 ban, 1 viện trung ương, thì có thể nói rằng nếu, trụ trì là người đại diện 13 ban, viện của Giáo hội ở cấp cơ sở độ chúng và giáo hóa Phật tử trên tinh thần phụng sự Tam bảo thì nơi đó Phật pháp chắc chắn sẽ được hưng thịnh; ngược lại, nếu người trụ trì của chùa nào chỉ nghĩ đến việc hưởng thụ vật chất, sống tùy tiện, phóng túng, không chịu tu hành, không hiểu kinh luận, không giữ giới luật thì tất yếu Phật pháp sẽ suy đồi.

Hai chữ "Trụ trì" thường được giải thích là "Trụ Pháp Vương gia, trì Như Lai tạng" nghĩa là ở, sống trong ngôi nhà Pháp Vương, ngôi nhà Phật pháp, giữ gìn và truyền bá kho báu Chánh pháp của Như Lai, của Phật. Đương nhiên người nào hiểu rõ về ngôi nhà Phật pháp, biết rõ kho báu Chánh pháp của Như Lai như thế nào thì mới

sống, giữ gìn và truyền bá Phật pháp được. Trụ trì là những người nhận lãnh sứ mạng tiếp Tăng độ chúng, truyền trao giáo pháp của Đức Thế Tôn cho chúng hữu tình, làm sáng tỏ lời Phật dạy, giúp cho Tăng Ni, Phật tử nhận thức được đạo lý giác ngộ, giải thoát, hầu chuyển hóa tâm thức, tạo dựng một đời sống tinh giác an lạc và hạnh phúc ngay tại thế gian, hướng đến cảnh giới Niết-bàn an tịnh.

Trên thực tế hiện nay, trụ trì một ngôi chùa là người đại diện chịu trách nhiệm mọi mặt về phương diện pháp lý đối chính quyền địa phương; chịu trách nhiệm hướng dẫn Tăng chúng và Phật tử tu học đúng Chánh pháp đối với Giáo hội, mọi sinh hoạt phải tuân theo Nội quy Tăng sự quy định. Tức là, vị trụ trì phải là người thông suốt và tuân thủ giới luật, pháp luật làm gương cho Tăng chúng và Phật tử.

Nói như vậy, nhưng để làm được "Tốt đạo, đẹp đời" trên cương vị trụ trì không phải ai cũng làm nổi, làm tốt được.

Trong tình hình thực tế của đời sống xã hội với sự phát triển như vũ bão của các ngành khoa học kỹ thuật - công nghệ, cũng như nhu cầu phát triển Phật giáo, hoàng dương Chánh pháp của Giáo hội thế kỷ XXI, thì có rất nhiều những tiêu chí, những điều kiện cần thiết cho một vị trụ trì đúng nghĩa. Ở đây người viết chỉ nêu ra một số yêu cầu cơ bản nhất mà một vị trụ trì cần có mà thôi.

1. Trụ trì phải là người am hiểu Phật pháp

Nhiệm vụ và bổn phận quan trọng nhất của bất kỳ người xuất gia nào cũng là trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, hướng chỉ là một vị trụ trì của một ngôi chùa. Nếu một người không học hiểu Phật pháp một cách kỹ càng cặn kẽ, không thông suốt những lời dạy của Đức Phật, thì bản thân vị đó cũng không biết sống và tu như thế nào cho đúng Chánh pháp thì làm sao hướng dẫn giảng dạy Phật pháp cho Tăng chúng và Phật tử tu tập được. Một trong những nguy cơ tiềm ẩn lớn nhất của Phật giáo là một bộ phận trụ trì các chùa không am hiểu Phật pháp hoặc hiểu Phật pháp một cách phiến diện, lệch lạc, mà lại hướng dẫn bá tánh Phật tử làm các việc cầu cúng mê tín đồng cốt...



Thật ra, vị trụ trì am hiểu Phật pháp không thôi vẫn chưa đủ, mà còn phải sống, thực hành, đích thân trải nghiệm lời dạy của Đức Phật, tức là tri hành hợp nhất thì mới làm mô phạm cho Tăng chúng và Phật tử noi theo tu tập được. Nếu như chỉ biết mà không thực hành, chỉ nói suông kiểu năng thuyết bất năng hành thì lời nói của vị trụ trì đó chẳng những không có tác dụng tích cực mà còn có ảnh hưởng tiêu cực đến việc giáo hóa.

Giáo lý căn bản của Phật giáo không ngoài Ba mươi bảy phẩm Bồ-đề, mà cốt lõi là Bát chánh đạo (Tám con đường chân chánh): Chánh kiến (Nhận thức chân chánh), Chánh tư duy (Suy nghĩ chân chánh), Chánh ngữ (Lời nói chân chánh), Chánh nghiệp (Hành nghiệp chân chánh), Chánh mạng (Nghề nghiệp chân chánh), Chánh tinh tấn (Siêng năng chân chánh), Chánh niệm (Nghĩ nhớ chân chánh), Chánh định (Chuyên nhất chân chánh).

Nhất là trên lộ trình tu tập, hành đạo, vị trụ trì phải thông suốt triết lý duyên khởi và triết lý nhân quả. Không thấu rõ lý duyên khởi, lý nhân quả thì không thông suốt thực tính, bản chất của các pháp, không hiểu được quy luật của mọi sự vật hiện tượng, không nắm chắc đường lối tu hành tiến đến giải thoát, không giải quyết được những nghi ngờ khúc mắc của Tăng chúng và Phật tử. Như vậy còn ai muốn nương vào chùa để tu tập hướng đến giác ngộ giải thoát nữa.

2. Trụ trì phải là người sống theo tinh thần giới luật

Người thế gian còn nói: *"Nói chín thì phải làm mười, nói mười làm chín kẻ cười người chê"*, huống chi là một vị đệ

tử xuất gia của Phật, mà còn giữ cương vị trụ trì, đại diện cho Phật, thay mặt Giáo hội xiển dương Tam bảo, mà lời nói không đi đôi với việc làm thì chắc chắn sẽ khó đạt kết quả. Đời sống của vị trụ trì phải gương mẫu cho Tăng chúng và Phật tử từ lời ăn tiếng nói, đi đứng nằm ngồi, oai nghi tế hạnh, cử chỉ việc làm phải tuân theo giới luật, học theo khuôn phép của bậc Thánh, bậc Tổ sư, không nên tùy tiện, buông lung. Bởi vì mỗi hành vi cử chỉ lời nói, suy nghĩ của vị trụ trì có ảnh hưởng rất lớn đến Tăng chúng và quần chúng, chỉ cần lỡ lời đã không có cách khắc phục, huống chi là những việc khác. Muốn làm được điều này, vị trụ trì phải luôn sống tỉnh giác, chánh niệm, làm chủ được suy nghĩ, làm chủ được hành vi, làm chủ được lời nói. Chí ít, vị trụ trì phải có đời sống đạo đức, có tư cách đàng hoàng, không có tâm quá ích kỷ riêng tư, biết chăm lo cho Tăng chúng và quan tâm sâu sát đến đời sống của quần chúng Phật tử thì chắc chắn sẽ được địa phương và đồng bào quý mến, Phật sự được hanh thông.

3. Trụ trì phải lấy phát triển trí tuệ và từ bi làm lẽ sống

Đạo Phật lấy trí tuệ, từ bi làm nền tảng, người tu hành lấy việc phát triển trí tuệ, từ bi làm mục đích. Xu hướng văn minh của loài người phải lấy sự nâng cao phẩm chất trí tuệ và từ bi của con người làm tiêu chuẩn thì mới là văn minh đúng nghĩa và có giá trị miên viễn. Vị trụ trì phải lấy việc hoàn thiện trí tuệ và từ bi làm mục tiêu duy nhất. Đức Phật được tôn xưng là bậc Lưỡng Túc Tôn, nghĩa là bậc tôn quý có trí tuệ và từ bi đạt đến mức viên mãn, đương nhiên là đệ tử Phật thì phải đi theo con đường của Đức Phật đã đi. Một điều chắc chắn, ai muốn tu hành thành Phật thì phải hoàn

thiện hai đức trí tuệ và từ bi đạt đến mức viên mãn, thiếu một trong hai thì không thể thành Phật được.

Trí tuệ là sự hiểu biết các pháp đúng như thật không còn sai lầm, trí tuệ cao nhất là thấu rõ thực tính vô ngã của các pháp đạt đến giải thoát Niết-bàn. Muốn nâng cao trí tuệ thì phải thường xuyên ngồi thiền, tụng kinh, nghe pháp, gạn gùi bậc hiền trí, luôn học hỏi những điều chưa biết, chưa thông; tuyệt đối không được ngã mạn tự cao, cho mình là bậc cao, bậc trên người khác.

Từ bi là thương yêu mọi người, mọi loài mà hoàn toàn không có tâm phân biệt và chấp thủ. Tình thương yêu của thế gian thường đeo mang cái tâm phân biệt và chấp thủ nên chuốc lấy hệ lụy khổ đau.

“Từ” là lòng thương, tình thương chân thật đối với mọi người, mọi loài; “Bi” là thương xót khi thấy chúng sinh khổ đau. Lòng từ mang đến niềm vui cho mọi người, mọi loài; Lòng bi cứu giúp chúng sinh, làm cho họ bớt khổ, tiến tới hết khổ.

Vị trụ trì lấy trí tuệ từ bi làm mục đích, làm lẽ sống thì Phật pháp nơi đó chắc chắn hưng thịnh.

4. Trụ trì phải dung hòa đạo - đời

Trụ trì nên quán triệt phương châm tốt đạo đẹp đời để sống và hành đạo. Tức là vị trụ trì phải có kiến thức rộng về cả hai mặt đạo và đời. Thiếu một trong hai thì khi làm Phật sự sẽ gặp khó khăn là tất yếu. Trong thời đại ngày nay, nếu mỗi ngôi chùa trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta vừa là nơi tu hành làm biểu tượng đạo đức của xã hội, vừa là địa chỉ từ bi cứu giúp người nghèo khó khổ đau thì sẽ có những đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng đất nước và phát triển Phật giáo trong lòng dân tộc.

Trụ trì mà không hiểu thấu đạo thì làm sao tu hành và hoằng dương Chánh pháp được. Trụ trì mà không biết Hiến pháp, pháp luật, không am tường phong tục tập quán, nếp sống văn hóa tinh thần của địa phương, không tìm hiểu thực trạng đời sống sinh hoạt, suy nghĩ của người dân địa phương thì làm sao gạn gùi và hòa đồng với bà con Phật tử được. Ví dụ như một vị trụ trì tại một ngôi chùa tại huyện Củ Chi mà không biết câu: “*Nhất Củ Chi, nhì Gò Nổi*” thì làm sao hành đạo hiệu quả ở địa bàn Củ Chi được.

5. Trụ trì phải luôn trau dồi uy đức

Trong kinh *Tăng nhất A-hàm, phẩm Lục, thứ 31*, Đức Phật dạy: Có sáu kiểu sức mạnh:

- Trẻ con lấy tiếng khóc làm sức mạnh, muốn đòi điều gì trước tiên nó khóc lên.

- Người nữ lấy giận hờn làm sức mạnh, trước dựa vào sự giận hờn rồi sau mới nói.

- Bậc Sa-môn, Bà-la-môn thường dùng hầm nhục làm sức mạnh, thường nghĩ đến khiếm hạ với người, rồi sau đó mới tự giải bày.

- Quốc vương dùng sự kiêu ngạo làm sức mạnh, dùng uy thế để ban truyền quân lệnh.

- Bậc A-la-hán dùng sự chuyên tinh làm sức mạnh để tự tu tập.

- Chư Phật Thế Tôn thành tựu Đại từ bi, dùng Đại từ bi làm sức mạnh, làm lợi ích rộng lớn khắp chúng sanh.

Theo tinh thần kinh này, vị trụ trì nên lấy sức mạnh nào để hóa độ chúng sanh? Theo dấu chân hoằng hóa của Đức Phật và các vị Bồ-tát, vị trụ trì phải lấy Đại từ bi để thành tựu sự nghiệp tu hành và giáo hóa chúng sinh của mình. Vì thế, vị trụ trì phải luôn luôn thể hiện sự hoan hỷ, hòa nhã, điềm đạm nhu hòa và tỉnh giác trong mọi thời, mọi khắc, mọi hoàn cảnh. Tu tập phát triển Đại từ bi chính là trau dồi uy đức cho vị trụ trì.

6. Trụ trì phải sống với tinh thần vô ngã vị tha

“Vô ngã” là một trong những đặc chất của Phật giáo khu biệt với những hệ tư tưởng khác. Vô ngã là thực tính của các pháp, là bản chất của mọi sự vật hiện tượng. Các pháp vốn không có tự tính, không có tự ngã. Ví dụ như con người là tập hợp của ngũ uẩn vốn không có tự ngã nào, vốn vô ngã, bị quy luật vô thường chi phối dẫn đến khổ đau. Ai thấu triệt lý duyên sinh vô ngã thì người ấy tự tại giải thoát khỏi mọi nỗi khổ đau.

“Vị tha” là sống vì mọi người, mọi chúng sinh chứ không vì bản thân mình. Nói đơn giản “Vô ngã vị tha” là tinh thần “mình vì mọi người”, tinh thần của Bồ-tát phát nguyện vì lợi ích cho chúng hữu tình, vì sự an lạc và hạnh phúc cho tất cả chúng sinh, sẵn sàng xả thân phụng sự Chánh pháp, phục vụ con người, không kể gian lao, chẳng từ khó nhọc. Bởi vì vô ngã là không chấp ngã, là không chấp vào cái ta nhỏ bé của mình. Cũng chính cái ta này cản ngăn chúng ta thành tựu sự nghiệp giác ngộ giải thoát, dẫn dắt ta bước vào con đường tội lỗi, khổ đau. Vì thế, vị trụ trì cần phải thường xuyên tu tập quán sát vô ngã, để trên bước đường hành đạo, giáo hóa chúng sanh thể hiện được tinh thần vô ngã vị tha thì mới đem đến cho mình và mọi người niềm an lạc thật sự.

Lời kết

Trụ trì là một trong những nhân tố vô cùng quan trọng quyết định vận mệnh của Phật giáo trong mọi thời đại, nhất là trong thời đại ngày nay. Vị trụ trì phải có sự nhận thức xác quyết việc định hướng cho việc tu tập hành đạo sao cho vừa giữ được tông chỉ, tinh ba, phong thái cốt cách của Phật Tổ, vừa phải phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện đại và sự trông mong của quần chúng Phật tử. Trụ trì đóng một vai trò trọng yếu, nhận lãnh một sứ mạng thiêng liêng: “*Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*” của Đức Thế Tôn và Giáo hội giao phó. Vị trụ trì luôn tâm tâm niệm niệm, rằng tương lai của Phật pháp đang nằm trong tay của mình, Phật pháp có hưng thịnh hay không, chính là ở sự nỗ lực cố gắng tu tập phát triển đức trí và hoằng pháp lợi sanh của bản thân mình. ■

Nhà sư Tây Tạng vượt bờ tôn giáo

BALAN MOSES
NGUYỄN GIÁC giới thiệu và dịch

Bản tin sau đây viết về nhà sư có danh hiệu tôn quý His Holiness Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche, người hiện là Trưởng phái của dòng tu Drikung Kagyu, bản thân là cháu nội của vị Tể tướng Tây Tạng có tên là Tsarong Dazang Dramdul (1888-1959), thường được học giới gọi tắt là Tể tướng Tsarong - Minister Tsarong. Vị Tể tướng Tsarong là cố vấn thân cận nhất của Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ XIII (1876-1933) và trước đây là Tư lệnh Quân lực Tây Tạng. Ông bị Nhà nước Trung Quốc bắt vào tháng 3-1959, sau đó chết trong tù ở Lhasa. Tể tướng Tsarong sinh thời đã đón nhận nhà sư Minh Tịnh Nhẫn Tế (1888-1951) từ Việt Nam sang trú ngụ và lưu học (1936-1937) tại nhà khách Tể tướng.

Một số anh chị em đệ tử dòng Drikung (trong đó có người là thành viên của Viet Nalanda) có cơ duyên với ngài Chetsang Rinpoche, cháu nội Tể tướng Tsarong, đã cung thỉnh ngài tới thăm chùa Tây Tạng Bình Dương hồi tháng 8/2015, nơi còn lưu giữ hình ảnh và áo mũ Tỳ-kheo Tây Tạng của Sư ông Nhẫn Tế.

Sau đây là bản dịch bản tin "Tibetan monk who went beyond religion" (Nhà sư Tây Tạng, người bước qua bờ tôn giáo) của phóng viên Balan Moses, đăng trên báo The Malay Mail Online ngày 18-7-2016.

oOo

Kuala Lumpur, ngày 19-7-2016. Một vị lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng lưu vong đang thay đổi khuôn mặt tôn giáo xưa cổ này với một nghị trình đầy năng lực nhằm cải thiện đời sống và môi trường của những người mà vị sư này vẫn thường trực cầu nguyện cho.

Drikung Kyabgon Chetsang, người thiết lập dòng tu Drikung Kagyu lưu vong ở thị trấn Dehra Dun, Ấn Độ, sau khi đào tỵ ra khỏi quê nhà Tây Tạng năm 1975, đã đẩy những luống cày để tăng tốc cho Phật giáo đáp ứng nhu cầu thế kỷ XXI.

Ngài đã khởi động một phong trào trồng trọt được quốc tế biết với tên gọi Go Green & Go Organic (Sống Màu Xanh & Sống Hữu Cơ) tại thị trấn Ladakh, Kashmir (nơi còn gọi là Little Tibet, Tây Tạng Nhỏ), xuyên qua đó ngài hy vọng ngưng nạn hâm nóng địa cầu và ngăn cản tác hại đó bằng chương trình phủ màu xanh lên mặt đất.

Nhà sư kiêm Đại sứ Đối tác Vùng núi Toàn cầu Liên Hiệp Quốc (the United Nations Global Mountain Partnership Ambassador) nói, "Quý vị phải cầu nguyện, nhưng quý vị cũng phải bước ra thế giới để biến đổi những cuộc đời

xuyên qua phương pháp thực dụng để người dân hưởng lợi trong những cách thực dụng", trong một cuộc phỏng vấn dài 45 phút hôm qua tại nơi nhà sư ngôn ngữ từ ái này bày tỏ một gắn bó với những người bên ngoài tu viện.

Nhà sư sắp 71 tuổi đã trở thành một "nhà cách mạng tôn giáo" với sức năng động mới trong đó sẽ làm Phật giáo gắn kết hơn với các Phật tử - và những người tôn giáo khác.

"Tôi khởi sự bước vào chuyện này khi tôi nhận ra từ nhiều năm trước rằng một dòng sông nước chảy tràn bờ trong nhiều năm đã cạn dần tới mức trở thành một dòng suối chúng ta có thể nhảy qua được", nhà sư nói về một hiện tượng thiên nhiên như thể không tin được.

Đối với nhà sư Chetsang Rinpoche, đó là những gì xa thật xa so với những dòng sông chảy tràn ngập thời trẻ của ngài.

Thế rồi tiếp sau đó, lúc khác trong năm, là "mây tuôn xuống" mưa kinh hoàng trên những dân làng chưa quen với các trận lụt cuốn trôi cả các căn nhà của họ.

Thời tiết quá độ làm nhà sư nhận ra rằng cần có hành động khẩn cấp để ngừa trước sự tệ hại thêm của hiện tượng thiên nhiên.

Chính thời điểm đó, nhà sư nhận thêm cương vị người bảo vệ môi trường tại thị trấn đó và cả ở hải ngoại, nhường vai trò giảng dạy Phật pháp cho các nhà sư trẻ hơn, trong khi ngài đi khắp thế giới kêu gọi bảo vệ môi trường với nhiệt tâm tôn giáo.

Nhà sư trong bộ y màu vàng và đỏ, Trưởng phái một dòng tu có từ năm 1179, nói, "Tôi làm một số việc làm vì hòa bình và môi trường. Mọi người cũng phải làm như thế, bất kể tôn giáo nào, bất kể biên giới lãnh thổ nào hay bất cứ gì khác", trong khi tôi phỏng vấn ngài trong một căn phòng khách sạn ở lầu 10 ở Kuala Lumpur.

Không khí lại quá nóng đối với một nhà sư đã quen với thời tiết lạnh gần đóng băng.

Nhà sư lứa tuổi thất thập này vừa trở về từ chuyến đi mệt nhọc tới Penang và Alor Star bên cạnh việc tham dự các sự kiện trong nghị trình ở Kuala Lumpur, trông không thấy vẻ mệt mỏi, mới là ngạc nhiên.

Ngài bước tới để xem xét nút vặn máy điều hòa không khí gần nơi tường, cho thấy sự đơn giản của ông tới mức tận cùng.

Nhà sư Chetsang có vài điều tốt đẹp nói về Chính phủ Ấn Độ, nơi đã bao cấp cho người dân công việc phủ xanh môi trường.



Ngài bây giờ tích cực kêu gọi trồng loại cây có tên là Sea Buck Thorn - loại cây sẽ giúp tăng kinh tế địa phương vì được dùng làm dược thảo và mỹ phẩm.

Nhà sư Chetsang Rinpoche, trưởng thành gần rặng núi Hy Mã Lạp Sơn nơi cao nhất thế giới, lo ngại vì ngày càng giảm lượng tuyết rơi ở vùng núi này (ít hơn 15% so với 30 năm trước).

Ngài nói, "Hâm nóng địa cầu đã ảnh hưởng thấy rõ ở Hy Mã Lạp Sơn. Tôi hiểu rằng những tảng băng lớn đã trôi về sông Yangtze ở Trung Quốc".

Nhà sư cũng giỏi tiếng Quan thoại, nhưng ngài nói bằng tiếng Anh mà ngài đã học trong khi làm việc ở các tiệm thức ăn nhanh tại Hoa Kỳ trong thời trẻ của ngài, nói về những 'tháp băng' (các tảng băng nhân tạo) mà ngài và các nhà bảo vệ môi trường thiết lập trong suốt mùa đông để cung cấp nước cần thiết khi vào mùa xuân.

Ngài nói, "Chúng tôi thiết lập một hệ thống nơi nước mang xuống từ trên cao tới một dòng sông sẽ trở thành các tảng băng nơi thấp hơn để sẽ trở thành nước dẫn thủy nhập điền khi thời tiết ấm lại".

Chính phủ Thụy Sĩ muốn ngài giúp làm một hệ thống tương tự để giữ băng nơi đất nước này cũng cần có thêm nước cung cấp một thời gian trong năm.

Nhà sư nói, "Nhóm kỹ sư của chúng tôi tới Thụy Sĩ sau đó trong năm để chỉ về cách làm những tháp băng".

Tâm nhìn xanh của ngài đã ảnh hưởng tới dân địa phương và các nhà sư dưới quyền ngài thế nào?

Khi còn trẻ đã ưa chơi bóng đá, cũng bơi rất nhiều những khi có thể trong khi đi lại để giữ thể lực, bên

cạnh việc tập thể dục, nhà sư đã tổ chức một loạt các buổi họp với cộng đồng hồi 3 năm trước để cùng cứu môi trường.

"Tôi đã gặp các nhà sư ở các tu viện, các trường học và các viên chức chính phủ cùng với nhiều người khác, để lôi kéo mọi người vào dự án xanh", ngài nói rằng cách trồng hữu cơ ngài đề ra đã được nông dân áp dụng.

Nhà sư cũng nhiệt tâm với những cuộc đối thoại liên tôn vì "tất cả các tôn giáo phải làm việc vì hòa bình".

"Sẽ không còn biên giới nữa, và sẽ không còn cổng rào giữa những người theo các tôn giáo khác nhau. Tất cả chúng ta - những người Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Phật giáo - phải học về các tôn giáo khác. Làm cách nào chúng ta làm việc với nhau nếu chúng ta không biết lẫn nhau?"

Những gì chờ đợi trước mặt đối với nhà sư xông xáo kiêm người bảo vệ môi trường, người không có bao nhiêu thì giờ để làm việc ở Ladakh trước khi lên phi cơ để thực hiện các nhiệm vụ khác trên thế giới?

Nhà sư Chetsang Rinpoche có chương trình 10 năm "nếu tôi sống thọ như thế" trong đó có kế hoạch huấn luyện thế hệ kế tiếp để giữ các vai trò này.

Nhà sư rất là khác biệt này đã sẵn sàng tiếp tục để lại dấu ấn của ngài trên thế giới của Phật giáo và xã hội nói chung với lòng đại từ bi cho nhân loại. ■

Nguồn: "Tibetan monk who went beyond religion" Balan Moses, The Malay Mail Online, tham khảo tại: https://sg.news.yahoo.com/tibetan-monk-went-beyond-religion-012400335.html?soc_src=social-sh&soc_trk=fb.



Có một ngôi chùa mang tên Vu Lan

Bài & ảnh: ĐINH THỊ TOÀN

Vu-lan được biết đến là một trong những ngày lễ chính của Phật giáo Đại thừa. Vào dịp này, các Tăng Ni, Phật tử thi triển đức hạnh báo đền công ơn cù lao của đấng sinh thành, đặc biệt là mẹ. Lễ Vu-lan nay không chỉ thịnh hành trong nhà Phật mà với những người ngoại đạo, đây là ngày để tri ân người quá cố và là dịp báo hiếu của những ai còn cha mẹ. Ở Đà Nẵng, nơi mà đạo Phật từ lâu đã gắn bó gốc rễ thì Vu-lan thực là một dịp lễ long trọng, thu hút sự tham gia của đông đảo mọi người. Nhưng nhắc đến Vu-lan, người dân thành phố còn biết đến nó với tư cách là danh xưng của một ngôi già lam có hơn 100 năm tuổi, Vu Lan tự.

Chùa Vu Lan tọa lạc tại số 84 đường Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, cách Trung tâm Hành chính TP.Đà Nẵng khoảng 4km về hướng Nam. Đến những năm đầu thế kỷ XX, vùng đất nơi chùa tọa lạc vẫn là một vùng đất trũng, cư dân thưa thớt; trải qua một quãng thời gian dài tụ cư cùng với quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị, nơi này trở nên sầm uất, bốn phía chùa nhà cửa mọc san sát, xe cộ đi lại tấp nập. Về thanh u, tịch tĩnh ngày nào nay đã không còn.

Không rõ vì sao người ta lại đặt tên chùa là Vu Lan? Bốn phổ của chùa cũng mang danh xưng ấy. Vậy là chùa đặt theo tên gọi của phổ, hay phổ đặt tên theo danh xưng của chùa? Những câu hỏi này khó mà có được câu trả lời cho chính xác. Nhưng về thời điểm dựng chùa, chúng ta có thể biết được đôi nét qua nội dung văn bia còn lưu

tại đây. Theo như văn bia chùa dựng năm đầu niên hiệu Khải Định cho biết, thì những năm Thành Thái thứ 15, 16, (1903, 1904), bốn phổ chùa Vu Lan “*quyên góp của cải kén mua một mảnh đất vườn, sung làm vật hạng, rồi làm đơn xin cho phép dựng chùa. Tỉnh đường thừa sức chiếu lệ, không hứa xây mới nhưng sẽ phụng cúng một số hạng vật. Sắc tứ Tăng cang bốn sư Nguyễn Từ Trí ở hai chùa ngự chế Tam Thai, Linh Ứng, sắc chuẩn Trú trì Lê Từ Nhẫn và bốn sư Nguyễn Phước Trí rủ lòng từ bi, chước lượng cùng làm đơn bẩm trình, sau đó vâng lệnh bàn bạc, cùng cử Tăng mục Phạm Hưng Long ở chùa Tam Thai làm Trú trì, hiệp đồng cùng chúng tôi (tức bốn phổ chùa Vu Lan - ĐTT) lo liệu tự vụ. Tú tài Hồ Tiên Phong cùng được chọn cử. Đến năm Bính Ngọ Thành Thái thứ 18 (1906) bắt đầu việc kiến tạo bên trong. Năm Duy Tân thứ ba (1909), chùa cho đúc chuông đồng lớn. Kế đó, tượng ảnh và các đồ tế tự ít được chiêm dụng nên lúc ấy mới kêu gọi sự trợ xuất tài lực”.*

Trên nhiều trang mạng, không hiểu căn cứ vào đâu, người ta khẳng định chùa được dựng vào năm 1905⁽¹⁾. Có thể bốn phổ Vu Lan bắt đầu kén mua đất và hưng công xây dựng chùa từ năm 1903 và đến năm 1905 mới lạc thành? Những trang web trên cũng cho rằng sư Hưng Long là người khai sơn chùa này. Tác giả Thích Như Tịnh trong cuốn *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh* cũng khẳng định sư Hưng Long là người khai sơn chùa Vu Lan ở Đà Nẵng⁽²⁾. Trên bia tháp hiện còn lưu tại vườn chùa có ghi rõ “Khai sơn Vu Lan tự Trú trì Lâm Tế tứ thập thế, thượng Chơn hạ Quyên, tự Đạo Cát, hiệu Hưng

Long giác linh bảo tháp” (nghĩa là bảo tháp thờ giác linh ngài Trú trì khai sơn chùa Vu Lan, đời 40 phái Lâm Tế, thượng Chơn hạ Quyên, tự Đạo Cát, hiệu Hưng Long) do hai chùa Tam Thai, Linh Ứng hợp cùng môn đệ bốn chùa và bốn đạo lập vào mùa xuân năm Ất Sửu niên hiệu Khải Định (1925), cải tạo vào tháng 5 năm Phật lịch 2509 (1965). Nhưng theo tôi, từ “khai sơn” không đơn giản chỉ người giữ chức Trú trì đầu tiên của chùa (!).

Cho đến thời Bảo Đại, Vu Lan tự đã là chốn thiền môn có tiếng, thu hút nhiều thiện tín trong và ngoài tỉnh tới đây dâng hương dâng lễ và cúng dường Tam bảo. Rất nhiều tiểu công trình của chùa được trùng tu tôn tạo là nhờ vào sự tín cúng này. Văn bia⁽³⁾ dựng năm Mậu Thìn (1928) cho biết lúc này, tiền đường, chánh điện, lầu bia... của chùa đều được xây dựng trang nghiêm, chỉ còn nhà Tăng ở đông đường vẫn còn làm bằng cỏ tranh; may nhờ Tinh binh Chánh suất đội Phạm Vinh Lương cùng phổ Vu Lan tâm thành khuyến trợ nên đã dựng mới được đông đường. Năm này, thập phương ở các tỉnh Hà Nội, Tuyên Quang đã cúng 155 đồng bạc, thập phương một phủ ở tỉnh Cao Miên cúng 237 đồng bạc. Cũng vào mùa thu năm đó, vợ chồng Tinh binh Chánh suất đội Phạm Vinh Lương ở thôn Nam, xã Trà Nhiêu, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên đã trợ xuất tài lực giúp chùa dựng mới tam quan.

Năm Canh Ngọ (1929), chùa tiếp tục nhận được tài lực từ các thiện nam tín nữ: *Vu Lan phổ cúng 100 đồng dùng vào việc dầu đèn vĩnh viễn. Bốn Thiện phổ cúng 100 đồng để lo vào dịp lễ Quan Âm ngày 19 tháng 2 hằng năm. Hoàn H hóa phổ cúng 40 đồng để lo vào dịp lễ Thích-ca ngày 8 tháng 4 hằng năm. Quán Đào phổ phụng cúng 50 đồng để lo vào dịp Thánh đản ngày 14 tháng 6 hằng năm. Vợ chồng nghị viên Nguyễn Đồng và Phạm Thị An cúng 50 đồng để lo hương đèn.*

Phụng cúng để lo việc tế tự thì có: *Các đồng môn phụng cúng 100 đồng để lo việc tế tự Trần tiên sinh, ngày kỵ chính là mồng 5 tháng 7. Trần Thị Tiêu phụng cúng 30 đồng. Trần Thị Chính phụng cúng 50 đồng. Võ Thị An phụng cúng 50 đồng. Thái Như Tài phụng cúng 50 đồng. Lý Quý Thiêm phụng cúng 30 đồng.*

Từ đây có thể thấy, chùa Vu Lan trong quá khứ đã nhận được sự quan tâm của nhiều người, và thực sự là nơi lui tới thường xuyên của dân làng sở tại lẫn thiện tín thập phương.

Không rõ diện mạo của chùa trong thời gian đầu xây dựng ra sao. Nhưng ngày nay, chùa hoàn toàn mang dáng dấp của một công trình hiện đại, tất cả đều được xây dựng bằng xi-măng, cốt thép, ngay cả vườn tháp cũng được vôi vữa hóa toàn diện. Trải qua hơn 100 năm tồn tại, như một lễ tất yếu của thời gian, chùa phải trải qua các cuộc trùng tu, tân tạo. Gần đây nhất năm 2012, tòa chánh điện được dựng mới hoàn toàn thành hai tầng lầu, cổng tam quan ngoài được nâng cấp. Vị trú trì chùa cho biết, trong vài năm tới chùa sẽ tiến hành xây dựng lại

một số tiểu công trình để hoạt động Phật sự được tiện lợi hơn. Nhưng canh cánh trong lòng vị sư già 87 tuổi này là quyền sở hữu đất đai của chùa, vì mặc dù tọa lạc trên một diện tích rộng hơn 400m² trải qua hơn 100 năm có lẽ rồi, chùa vẫn chưa được cấp sổ đỏ. Lý do là có sự tranh chấp giữa nhà chùa và một hộ dân nằm ngay trong khuôn viên chùa. Sư Như Thọ⁽⁴⁾ cho biết, trong chiến tranh, chùa mở rộng lòng từ bi cho nhiều gia đình đến tạm trú. Chiến tranh đi rồi, vẫn có gia đình ở lại đây, dựng nhà cửa kiên cố. Họ ra điều kiện phải mua đền bù hai lô đất ở quận trung tâm Hải Châu thì mới chịu dời đi, mà rõ ràng với tài chính hiện tại của chùa không thể thực hiện được. Thế mới hay, nhân tâm khó đoán!

Trong vườn chùa ngoài tháp mộ thiền sư Hưng Long còn hai ngôi tháp khác. Một của sư Tôn Bảo, được sắc tứ trú trì nối tiếp ngài Hưng Long, một của sư Ấn Chiếu, tự Tổ Minh, hiệu Đương Niệm. Về sư Ấn Chiếu, văn bia tháp cho biết ngài là truyền nhân đời thứ 39 phái Lâm Tế, sinh năm Mậu Thìn, thị tịch ngày 15 tháng 5 năm Ất Mão tại chùa Vu Lan.

Một mùa Vu-lan nữa lại về. Mùa Vu-lan năm nay, vẫn như mọi năm trước, chùa tổ chức trai đàn cầu siêu bạt độ và chẩn tế. Mới cuối tháng 6 mà số người đến đăng ký cầu siêu cho người thân đã khá nhiều, trong đó có những người không phải là Phật tử. Xem ra, Vu-lan dù hiện diện là một dịp lễ hay là một ngôi chùa thì cũng đang ngày càng được chú trọng hơn. Xét rõ, chùa Vu Lan chỉ là một già-lam nhỏ bé trong vô số ngàn ngôi già-lam khác là nơi hộ trợ để đạo pháp ngày thêm vững mạnh. Nhưng nhờ có nó, Phật tử ở đây ngày càng nhất tâm hướng đạo, hướng thiện. Và ai biết được có bao nhiêu người chưa quy y Tam bảo nhưng tâm lành luôn hướng về Phật pháp! ■

Chú thích:

1. <http://wikimapia.org/25898141/vi/Chu%CC%80a-Vu-Lan>. Ngày truy cập: 25/7/2016 và <https://sites.google.com/site/mjnhchan/dhia-chi-cac-chua-tai-tp-dha-nang>. Ngày truy cập: 25/7/2016.

2. Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông, tr.138.

3. Hiện nay tại chùa còn lưu lại ba bia đá, trong đó mộ bia niên hiệu năm đầu Khải Định, hai bia còn lại niên đại thời Bảo Đại thứ 3. Tuy nhiên, theo như bản lưu còn lại tại Bảo tàng Đà Nẵng trước đây thì chùa còn có thêm một bia đá thời Bảo Đại thứ 5. Tiếc là bia này nay không còn. Việc bảo quản và phát huy giá trị những tư liệu Hán Nôm quý này xem ra cũng không mấy được chú ý, hai trong ba bia được gắn ở nơi nếu không được chỉ dẫn của các sư chắc không ai tìm ra được và cũng không mấy nhả quan.

4. Sư Thích Như Thọ trước đây giữ chức trú trì chùa Long Thơ (quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Sau khi vị trú trì Thích Như Nghĩa ở chùa Vu Lan qua đời, sư kiêm quản trú trì luôn cả chùa Vu Lan.

Đọc tác phẩm mới nhất của Thiền sư Thích Nhất Hạnh

THÍCH NHƯ' ĐIỂN

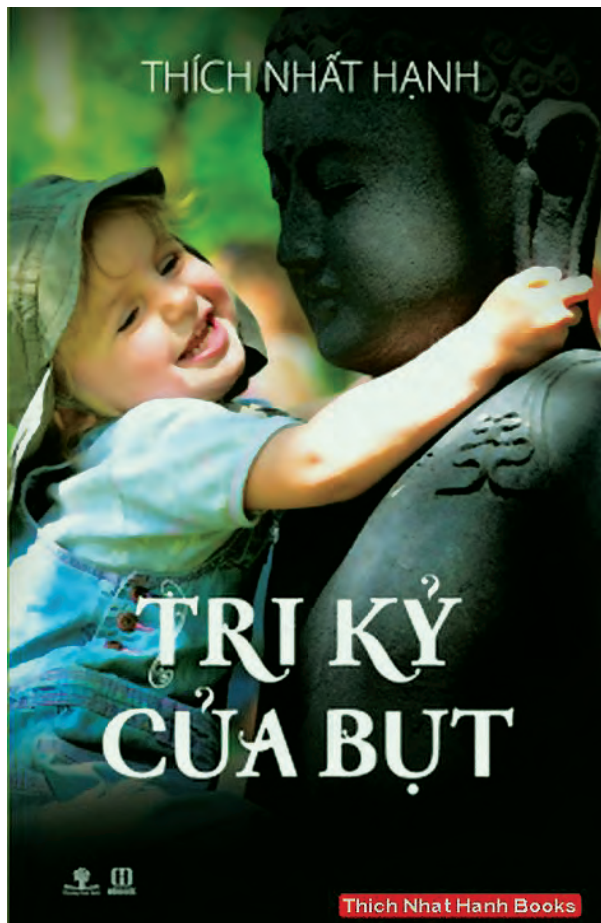
Đạo hữu Thông Giác là một Phật tử tại gia đến từ Neuss, có mang theo một quyển sách thật dày của Thiền sư Nhất Hạnh do *Nắng Mới* tại Đức xuất bản tặng cho tôi. Tôi thấy sách dày thì không ngán, nhưng chỉ ngán là không có thời gian. Vì lẽ, tôi hay đọc *Đại tạng kinh*, có quyển dày đến hơn 1.000 trang cũng chẳng có sao cả. Rồi tôi cứ để mặc đó, nhưng kỳ này trước khi đi Chicago, Hoa Kỳ tham dự lễ tang của thầy Hạnh Tuấn và đi Ấn Độ, mỗi nơi chỉ có ba ngày và tôi lợi dụng thời gian ngồi trên máy bay hay thời gian chờ đợi ở phi trường để đọc cho xong tác phẩm này.

Đó là quyển *"Tri kỷ của Bụt"* dày 660 trang và tôi đã đọc trong sáu tiếng đồng hồ, mỗi lần đọc hai tiếng trong khoảng thời gian cách nhau nhiều ngày. Đọc kinh, sách là niềm vui của tôi, vì tôi muốn tìm hiểu thêm để học hỏi từ những tác giả khác. Đạo hữu Thông Giác còn viết thêm mấy chữ ở một miếng giấy rời là: *"Đây có thể là tác phẩm cuối cùng của Thiền sư Nhất Hạnh"*.

Đó cũng là lý do chính đáng để tôi phải đọc tác phẩm này. Vì sao vậy? Vì lẽ tên tuổi của thầy Nhất Hạnh ai mà không biết, ngay cả đi ngoài phi trường hay vào nhà sách Âu Mỹ, người địa phương thường hỏi tôi rằng: Có phải Lạt-ma Tây Tạng hay có biết thầy Thích Nhất Hạnh không? Chỉ chừng ấy thôi cũng để cho chúng ta cần quan tâm đến.

Tôi không biết là mình đã bắt đầu đọc sách của thầy Nhất Hạnh lúc nào, nhưng sớm nhất có thể là vào năm 1964 khi tôi mới vào chùa. Trong đó có những tác phẩm như: *Nói với tuổi hai mươi*, *Bông hồng cài áo*, *Cửa Tùng đôi cánh gà*, *Hoa sen trong biển lửa*... Một điều tôi không bao giờ quên là năm 1964 tôi đã bắt đầu học thuộc lòng bài *Sám quy mạng nghĩa* do thầy Nhất Hạnh dịch sang tiếng Việt, câu văn rất trong sáng, mà Tăng chúng chùa Viên Giác tại Hannover cho đến ngày nay mỗi tuần đều có trì tụng một lần. Sau này có thêm bài dịch của Ni trưởng Thích nữ Trí Hải dịch rất văn chương và thâm trầm với ý nghĩa vãng sanh về Tịnh độ, thì chúng tôi cũng đã, đang và sẽ hành trì cả bản văn chữ Hán và hai bản văn dịch này hằng tuần để nhớ và niệm ân người xưa đã vì thế hệ đi sau mà mở khai phương tiện như vậy. Ôn nghĩa ấy thật là nghìn trùng.

Thế hệ của chúng tôi xuất gia từ thập niên 60 nên có cơ duyên tham cứu, học hỏi sách vở cũng như tư tưởng của thầy Nhất Hạnh không ít. Ví dụ như việc học cả hai chương trình thế học và Phật học hay nói đúng hơn là ngoại điển và nội điển. Nếu không có những thế hệ tiên phong như thầy Nhất Hạnh vào thời gian trước đó, thì chúng tôi khi xuất gia, đều bị đóng khung trong bốn cánh cửa của chùa. Do vậy, chúng ta cũng phải nên cảm ơn thầy Nhất Hạnh là một trong những vị Tăng sĩ Việt Nam đầu tiên muốn thực hiện việc hiện đại hóa Phật giáo và tinh thần ấy vẫn còn có giá trị đến ngày hôm nay cho cả trong lẫn ở ngoài nước. Việc tốt,



xấu, khen, chê, tán dương ca ngợi hay đả phá... tôi không đề cập đến trong bài này, vì lẽ tư tưởng của một người có ảnh hưởng đến quần chúng thì phải cần thời gian và năm tháng mới có thể thành công được.

Từ phong trào "*Thanh niên phụng sự xã hội*" của thầy đã chủ trương cho đến "giới Tiếp Hiện" cho cư sĩ lẫn tu sĩ hay còn gọi là Tăng thân. Mãi cho đến năm 1988 thầy Nhất Hạnh vẫn còn chú trọng sâu vào hai lãnh vực trên, nhưng kể từ năm 1988 trở đi thầy thấy rằng không thể thiếu hình ảnh của Tăng đoàn, nên thầy đã thâu nhận người xuất gia và trong hiện tại, thầy là một thiền sư Việt Nam có nhiều đệ tử xuất gia nhất, có thể trên 1.000 vị chứ không ít. Như vậy vai trò của người xuất gia không thể thiếu trong việc truyền thừa giáo lý của Phật-đà.

Nay thì Thiền sư đang chữa bệnh tại Hoa Kỳ, hy vọng ngài sẽ chóng bình phục và nhân tiện này với cá nhân tôi, xin niệm ân ngài không ít, nhất là vào thời điểm năm 1975 khi quê hương đất Việt đã thay ngôi đổi chủ, việc tài trợ kinh phí không còn nhận được nữa, thì chính ngài đã kêu gọi một Hội thánh Tin Lành tại Stuttgart, Đức quốc hỗ trợ cho Tăng Ni sinh Việt Nam du học tại Nhật Bản lúc bấy giờ, mỗi tháng được trợ cấp 100USD cho đến khi ra trường. Nếu ngài có đọc được bài này thì việc niệm ân này chắc cũng không đến nỗi quá trễ.

Năm 1989 chùa Viên Giác tại Hannover có thỉnh ngài sang để giảng một thời Pháp và tôi cũng đã hai lần ghé thăm Làng Hồng (Mai) để tham cứu học hỏi, nhưng vì thiếu duyên nên không liên hệ nhiều với ngài. Tuy nhiên đệ tử quy y năm giới với tôi, đã xuất gia với ngài không ít. Năm 2013 tôi có dịp ghé Waldbroll, nơi Viện Phật học Ứng dụng nằm gần Koln, đi cùng với thầy Pháp Trú để thăm ngài, lúc ấy ngài đã bắt đầu bệnh nhẹ và tôi cũng đã tặng cho ngài một số tác phẩm cũng như dịch phẩm của mình.

Nội dung của quyển "*Tri kỷ của Bụt*" chắc quý vị đang nóng lòng chờ đợi để được biết, mà tôi thì nhập đề lung khởi quá dài dòng phải không? Đúng thế! Vì cuộc đời và tư tưởng của một con người sống trên 90 tuổi thì không thể chỉ nói và viết trong một vài trang giấy được, mà bút mực thì có hạn, còn tư tưởng của con người thì lại vượt ra khỏi không gian và thời gian rồi. Gần đây một số báo chí Tây phương cũng có xếp hạng những người có uy tín đối với đời sống tinh thần của họ, thì Đức Đạt-lai Lạt-ma dẫn đầu và thầy Nhất Hạnh đứng hàng thứ 4 trong 100 vị có uy tín nhất trên thế giới và ngày nay nếu có ai đó ra tiệm sách Đức để mua sách tôn giáo và khi nhìn phía sau những bìa sách này thường có ghi bằng tiếng địa phương là: "*Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ XIV là người lãnh đạo tinh thần có uy tín nhất trên thế giới và Thiền sư Thích Nhất Hạnh được xếp vào vị trí thứ hai*". Có lẽ do họ đọc sách và tư tưởng của các ngài nên mới có được những thống kê cụ thể như thế.

Tri kỷ có nghĩa là gần gũi, hiểu biết, chứ không phải ở xa để nói và viết về một người, ngay cả là Đức Phật. Đọc xuyên suốt 660 trang sách ta có nhận thức là thiền sư đã thấm thấu qua kinh điển *Đại thừa* và truy nguyên kinh điển *Nam truyền* ở thời gian sau này để thầy Nhất Hạnh cụ thể hóa hơn về những lời dạy của Đức Phật, khiến cho mọi người dễ hiểu. Đây là một thành công của thầy ấy. Còn chữ Bụt thì lâu nay đã có nhiều sách vở luận bàn, thiết nghĩ tôi không cần phải nhắc lại ở đây nữa. Riêng tôi vẫn tôn trọng theo truyền thống và dùng chữ Phật như ngài Huyền Trang đã dịch, để tuyên dương giáo lý Phật-đà. Mỗi dân tộc, mỗi ngôn ngữ đều có cách phát âm riêng, điều quan trọng là ta nắm bắt được gì từ tư tưởng ấy để hành trì hay không, chứ bị kẹt vào văn tự thì mãi cho đến bao giờ chúng ta vẫn là những con tầm nằm trong cái kén, khó thoát ra ngoài vỏ kén để tạo nên tơ lụa và dệt nên những gấm hoa để trang điểm cho cuộc đời này.

Thiền sư Nhất Hạnh điếm qua các Pháp số về Tứ Y (bốn nơi nương tựa), Tứ Diệu Đế, Tứ Tất Đàn (thế gian tất đàn, vị nhân tất đàn, đối trị tất đàn và đệ nhất nghĩa tất đàn) và Tam Pháp Ấn. Thầy nhấn mạnh về tư tưởng Tương Túc vốn là tư tưởng tuyệt đối của Đức Phật khi nói đến bất cứ một vấn đề gì, cho nên thầy Nhất Hạnh rất quan tâm và đào sâu về lãnh vực này.

Ví dụ thầy dùng: *There is no way to peace, peace is the way* (không có con đường nào dẫn đến hòa bình (hạnh phúc), hòa bình chính là con đường). Đây chính là tư tưởng Tương Túc hay tư tưởng Tất Đàn. Thầy ví dụ khi một người muốn đi Paris, lên tàu TGV chạy nhanh từ Bordeaux hướng về Paris thì người ấy trước sau gì cũng sẽ đến Paris, chỉ trừ khi người ấy có ý định đi ngược hướng lại thì khác. Từ đó thầy chứng minh pháp môn của Làng Mai (Pháp môn này thầy cũng đã dạy cho Tăng Ni trong khóa An cư Kiết đông tại Làng vào năm 2011 và 2012 và những bài giảng ấy đã là sự thành tựu của tác phẩm này).

Thầy viết: *There is no way to Nirvana, Nirvana is the way* (không có con đường nào dẫn đến Niết-bàn, Niết-bàn chính là con đường). Tư tưởng này rất hay và ngài chứng minh rằng: Khi người ta đi và hướng đến có nghĩa là người ta đang và đã chứng thực được hạnh phúc hay Niết-bàn rồi, không cần phải đến cuối điểm Paris mới gọi là đến, mà mục đích đích thực đã đạt được trên đường đi đến rồi.

Từ đó trong phần sau của quyển sách này thầy đã hệ thống hóa lại tư tưởng của Thập Nhị Nhân Duyên, không còn là 12 chi như Đức Phật đã dạy, mà rút gọn lại còn 5 hay 6 chi. Điều này thầy lấy ra từ tư tưởng Trung Đạo của ngài Long Thọ và tư tưởng Nhân Duyên Sanh của Đức Phật đã dạy. Nghĩa là: Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Không ai sanh ra ai cả, ngay cả cha và con. Khi người cha chưa sinh con thì người ấy không thể gọi là



cha, mà cha và con là một, trong cha có con và trong con có cha. Giống như trời mưa, tuyết rơi, gió lạnh.... không có cái nào là chủ thể cả. Nếu lấy chữ trời rời khỏi chữ mưa thì mưa vẫn là mưa và mưa không cần chủ thể, rồi mưa đi về đâu? Thành nước, thành mây rồi lại thành mưa... Cái tương duyên ấy rất quan trọng trong giáo lý duyên khởi của đạo Phật.

Quán sát qua tư tưởng Trung Đạo của ngài Long Thọ chủ trương thì có tám loại của Trung Đạo. Đó là: Không đến, không đi, không còn, không mất, không tăng, không giảm, không một mà cũng chẳng phải là một. Ấy là Trung Đạo, là vượt lên trên mọi sự đối đãi của có, không, còn mất v.v... Không trong đạo Phật qua lời Phật dạy không phải là không gì cả, mà cái không này vượt lên trên cái có và cái không theo nhận thức

bình thường của thế gian pháp. Không đây có nghĩa là: Không sinh, không diệt và vượt lên trên mọi sự đối đãi thường tình.

Đọc văn của thầy Nhất Hạnh cảm thấy nhẹ nhàng dễ hiểu, dù cho tác phẩm ấy có khó đến đâu đi nữa mà qua sự giải thích trình bày của thầy ấy bằng Việt ngữ, Anh ngữ hay Pháp ngữ, chúng ta vẫn cảm thấy nhẹ nhàng để lãnh hội những tư tưởng cao siêu từ thời Đức Phật còn tại thế, mãi vang vọng và tồn tại cho đến ngày nay trên hành tinh này. Trong sách này cũng còn đề cập đến rất nhiều khía cạnh của các pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và ngài đã bỏ qua việc niệm Thiên như giáo lý Nam truyền vẫn thường hay dùng đến. Thầy cũng đã chứng minh về Tứ Pháp Ấn thời Phật còn tại thế khác với Tứ Pháp Ấn hay Tam Pháp

Ấn mà ngày nay cả Nam tông cũng như Bắc tông đang hành trì. Thấy chứng minh rằng: Ngày nay bên Nam tông chú Tăng thường hay chỉ dùng đến Vô thường và Khổ để giảng dạy cho Phật tử, còn tư tưởng Không và Niết-bàn thì hầu như không được đề cập đến, trong khi tư tưởng Đại thừa thì phong phú hơn, ngoài Vô thường và Khổ ra, còn có Không và Vô ngã (Niết-bàn) nữa. Như vậy giữa hai sự truyền thừa, qua thời gian và năm tháng có nhiều sự khác biệt nhau. Nếu ai hiểu được Phật thì sẽ là người *Tri Kỳ* với Phật vậy. Vì người ấy hiểu được Pháp của Ngài.

Nếu chúng ta đọc lịch sử Phật giáo và những lời dạy của Đức Phật qua sự truyền thừa cũng như những lời giáo huấn căn bản của Đức Phật thì chúng ta thấy có nhiều sự khác biệt về việc truyền thừa cũng như tư tưởng ấy phải trải qua từng giai đoạn khác nhau. Ví dụ như tư tưởng Phật giáo khi du nhập vào Trung Hoa lại khác với Nhật Bản, Đại Hàn lại khác với Việt Nam và ngay cả các xứ theo Phật giáo Nam tông như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan... về cách hành trì cũng khác nhau, mặc dầu các nước này vẫn còn dùng ngôn ngữ để tụng đọc tụng chung là tiếng Pali. Trong khi đó Đại thừa thì quá đa dạng, mỗi nước thu thập và chuyển đổi tư tưởng của Phật nguyên thủy dạy không còn giống như thời nguyên thủy nữa.

Theo tôi nhận xét và chỉ là ý kiến riêng của mình mà thôi. Nghĩa là: Tư tưởng nào, sự cải cách nào cũng phải được trải qua thời gian và năm tháng từ nhiều trăm năm trở đi, nếu được nhiều người truyền tụng thực hành v.v... thì sự cải cách ấy mới có giá trị và trụ vững lại trên cõi đời này. Nếu sự cải cách ấy chỉ vài mươi năm và số người thực hành chưa thành nếp, thì sự cải cách ấy chưa thành công được. Khi nhìn lịch sử Phật giáo Trung Hoa hay Nhật Bản chúng ta thấy riêng Thiên tông mà cũng đã có nhiều tông phái khác nhau: Tào Động khác với Lâm Tế, Quy Ngưỡng khác với Vân Môn v.v... Tông nào còn tồn tại lâu dài được với đời thì sự cải cách của các vị Tổ sư ấy mới có giá trị.

Ở cuối sách, ngài có đề cập đến một ít tư tưởng trong kinh *A-di-đà* và tuy thấy không bài bác pháp môn Tịnh độ, nhưng ngài khuyên Phật tử nên phân biệt rõ ràng giữa một tôn giáo (một Đức Phật) lịch sử với một niềm tin tôn giáo (tín ngưỡng) nó không giống nhau.

Do vậy hành giả cần phải thận trọng hơn, khi chọn pháp môn để tu tập và thực hành. Đối với Thiên Chánh Niệm như của Thiên sư Nhất Hạnh thì "here and now" là quan trọng bậc nhất, nghĩa là trong bất cứ một động tác nào cũng phải lưu tâm sâu xa đến để tài quán niệm của mình. Do vậy đôi khi ta bắt gặp được tư tưởng của nhiều Thiên sư trong đó kể cả Thiên sư Nhất Hạnh qua tư tưởng Tịnh độ là đây, chứ không phải là nơi nào khác. Đó chính là tư tưởng của thầy. Trong khi đó ngài Thánh Nghiêm ở Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan thì quan niệm rằng có bốn cảnh giới Tịnh độ.

Đó là: Nhân gian Tịnh độ, Thiên quốc Tịnh độ, Phật quốc Tịnh độ và Phật tánh Di-đà Tịnh độ. Riêng tôi thì nghĩ rằng: Tịnh độ có rất nhiều cõi mà một Thiên sư cũng có thể nương về trong các cõi Tịnh độ như: Thường Tịch Quang Tịnh độ, Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh độ, Đông Phương Tịnh độ của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Đâu-suất Tịnh độ (nội cung) của Đức Phật Di-lặc và không nhất thiết phải là vắng sanh về Tây phương Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà.

Nói chung thì Tịnh độ có vô lượng cõi, còn Cực lạc thì chỉ có một mà thôi. Cõi ấy do Đức Phật A-di-đà đang giáo hóa ở Tây phương qua 48 lời nguyện của Ngài, khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ-kheo đã phát ra 48 lời nguyện như vậy.

Nhìn chung thì tác phẩm này là một tác phẩm quý giá đáng đọc, mà cũng có thể đây là tác phẩm sau cùng của thầy Thích Nhất Hạnh như Đạo hữu Thông Giác đã nói, vì lẽ năm nay ngài đã hơn 90 tuổi rồi, chắc gì sau khi khỏi bệnh, ngài còn minh mẫn để giảng giải khúc chiết tỉ mỉ như tác phẩm này, vốn là một tác phẩm được đúc kết bởi một cuộc đời tu học và hoằng pháp của ngài xuyên suốt trong gần một thế kỷ qua. Đọc xong một tác phẩm chúng ta học hỏi được một vài điều nhắn gửi từ tác giả là quý hóa lắm rồi. Vì cuộc đời này hay nẻo đạo cũng thế, những gắm hoa được trang sức cho nền Đạo học ấy không phải chỉ có vài sợi tơ lụa được dệt thành một tấm thảm vô giá, mà chính từ sự đóng góp của mỗi một cá thể trong chúng ta mới có thể tạo nên một tác phẩm giá trị kia.

Nói như thầy Nhất Hạnh đã nói ở đâu đó rằng: "*Nếu con tầm ăn dâu mà chỉ thái ra toàn là chất dâu thì dâu có ích lợi gì cho đời này. Lá dâu kia phải được con tầm xay nhuyễn ra để tự làm thức ăn cho mình, rồi từ đó tạo thành chiếc kén để quay thành tơ, dệt nên lụa là... thì sự tiêu thụ lá dâu ấy mới có ý nghĩa*".

Quả thật đúng như vậy, nếu chúng ta học Phật mà không tiêu hóa giáo lý của Đức Phật đã dạy thì hóa ra chúng ta chỉ là những con tầm, cũng biết ăn dâu đấy, nhưng chưa tiêu hóa được giáo lý thậm thâm vì diệu kia, thì làm sao có thể trang điểm được cho đời này bằng những hành trang cần thiết để lướt đi trên con đường thiên lý, giác ngộ, giải thoát ấy.

Tôi viết bài này để niệm ân ngài, vì lẽ trong sự tương tức nào đó, nếu không có cái này thì sẽ không có cái kia, thì tôi cũng là một cá nhân đã chịu ân của ngài trong khi còn du học tại Nhật Bản từ những năm 1975 đến năm 1977, thì đây chính là một cái nhìn, một sự nhận xét thiên cận của mình sau khi đọc trọn tác phẩm "*Tri kỷ của Bụt*" mà ngài đã dày công giảng dạy cho Tăng Ni Làng Mai trong suốt hai mùa An cư Kiết đông của năm 2011 và 2012 vừa qua.

Khi nhận định về một tác phẩm, chắc chắn có phần chủ quan, thiếu khách quan. Kính mong ngài hoan hỷ đoãn nạp cho. ■

Hiếu nghĩa

JAMES LINDERMAN NELSON
PHẠM CHÁNH CÀN dịch

“**H**iếu nghĩa” được hiểu một cách tổng quát là những nghĩa vụ đặc biệt - những loại hành động, những sự giúp đỡ và những thái độ đặc trưng - mà con cái phải mang lại cho cha mẹ của mình chỉ vì mình là hậu duệ của những bậc cha mẹ ấy.

Ý niệm về việc con cái phải có nghĩa vụ đối với cha mẹ từng có ảnh hưởng trong nhiều nền văn hóa của nhân loại và vẫn là điều quen thuộc trong thế giới ngày nay. Chẳng hạn, từ xưa, nền văn hóa Thiên Chúa-Do Thái giáo vẫn kêu gọi “*hãy kính trọng cha người và mẹ người*”. Thế nhưng hiếu nghĩa luôn là một khái niệm phức tạp và gây tranh cãi. Những vấn đề được đặt ra có thể bao gồm: ai được coi là “cha mẹ” và ai được coi là “con cái”; liệu cha mẹ có thể đánh mất việc đòi hỏi hiếu nghĩa ở con cái do họ có sơ suất hay lạm dụng hay không; chính xác là con cái thực sự phải giúp đỡ gì cho cha mẹ; và căn bản nhất, tại sao những nghĩa vụ đó cần phải được thừa nhận. Tầm quan trọng của những vấn đề được nêu ra như trên không chỉ vì các thành viên trong gia đình có thể bị lúng túng về việc họ phải đối xử với nhau như thế nào. Thật vậy, đôi khi những chính sách xã hội nhắm đến những người cao tuổi lại giả định rằng có những loại trợ giúp mà con cái của họ phải thực hiện, chứ không thuộc trách nhiệm của các tổ chức nhà nước. Thiếu sự minh định về bản chất và những giới hạn của hiếu nghĩa, cả gia đình lẫn xã hội đều có thể trông chờ nhau đóng vai chính trong việc cung cấp sự giúp đỡ cho người cao tuổi, dẫn đến kết quả là những nhu cầu căn bản của người già không được đáp ứng.

Trọng tâm của bài viết này sẽ là nghĩa vụ của những người con đã trưởng thành và đã tự lập thân đối với cha mẹ. Những người con vị thành niên cũng thường được cho là phải có hiếu nghĩa - chủ yếu là phải biết kính trọng và vâng lời cha mẹ - nhưng ngay cả những nghĩa vụ như vậy cũng có phần gây tranh cãi, khi những hoạt động của phong trào về “quyền trẻ em” đã được công nhận. Dù sao thì những nghĩa vụ gán cho những người con còn phụ thuộc cũng dễ nhận thức. Còn việc khẳng định rằng những người con đã trưởng thành vừa phải kính trọng vừa phải cung cấp cả sự phục vụ lẫn tài vật cho những người đã từng mang nặng, đẻ đau và nuôi dưỡng mình thì khó thuyết phục hơn nhiều.

Những đe dọa đối với hiếu nghĩa

Việc công nhận lòng hiếu nghĩa vẫn tiếp tục bị đe dọa theo hai cách chính, một mang tính thực hành, và một thuộc phần lý thuyết. Chắc chắn là vẫn có nhiều người con trưởng thành tiếp tục chăm sóc cha mẹ của họ thật chu đáo và bày tỏ sự chăm sóc ấy trong chính cách sống của mình. Tuy vậy, vẫn có những dấu hiệu cho thấy con cái có thể nghĩ rằng nhu cầu của các bậc cha mẹ đang vượt quá điều họ có thể giúp đỡ; kể cả khi họ vẫn mong muốn giúp đỡ được cho cha mẹ. Về mặt thực hành, những người con trưởng thành và các bậc cha mẹ đang phải đối mặt với một thế giới trong đó ngày càng ít những người con có thể đáp ứng những nhu cầu dai dẳng và ngày càng tăng của các bậc cha mẹ cao tuổi.

Những biến đổi về công nghệ và xã hội cho phép con người hạn chế quy mô của gia đình chặt chẽ hơn; các kế hoạch an sinh xã hội mang lại “sự dự phòng cho tuổi già của mọi người” khiến người ta không muốn có nhiều con; và những tiến bộ y khoa giúp cho con người ngày càng sống thọ. Kết quả là nhiều người phải đối mặt với khả năng có thời kỳ bệnh tật và năng lực suy giảm kéo dài. Chi phí chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng và nhận thức xã hội về việc chăm sóc sức khỏe lâu dài cho người già không được đầy đủ cho thấy áp lực ngày càng đè nặng trên vai những người con trưởng thành có trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng cha mẹ, trong khi gánh nặng của sự chăm sóc nặng nề hơn và thời gian chăm sóc kéo dài hơn; nhất là khi ngày càng có ít con cái sẵn lòng chịu trách nhiệm chăm sóc cha mẹ, cũng như ý thức về việc đảm nhận sự chăm sóc cha mẹ ngày càng kém.

Một sự minh họa đầy ấn tượng về những hậu quả có thể xảy ra của những khuynh hướng như vậy được cung cấp bởi *The American College of Emergency Physicians*, mới đây đã báo cáo rằng hiện hằng năm có khoảng 100.000 đến 200.000 người cao tuổi bị bỏ rơi trong các phòng cấp cứu của những bệnh viện trên khắp nước Mỹ.

Những thay đổi nhận thức trong việc giáo dục lòng hiếu nghĩa cũng mang lại một sự đe dọa mang tính lý thuyết nhiều hơn. Trước hết là vấn đề trách nhiệm chăm sóc được phân phối như thế nào trong phạm vi gia đình. Trách nhiệm chăm sóc các bậc cha mẹ cao tuổi đã là một bổn phận thường được gán cho con gái



- và kể cả con dâu - hơn là cho con trai. Trong một nền văn hóa có nhận thức về sự bất công trước việc phụ nữ phải chịu những gánh nặng không tương thích, việc phân bổ lao động dựa trên thành kiến giới tính như thế đã khiến nhiều người nghi ngờ ý niệm hiếu nghĩa.

Nhưng ngay cả ở nền tảng, sự hiểu biết lý thuyết về hiếu nghĩa trong các xã hội phương Tây đương đại - có thể đặc biệt là ở Hoa Kỳ - vẫn dựa trên những ý niệm về sự đồng thuận và hợp đồng. Lại nữa, những quan điểm đương đại có ảnh hưởng nhất về mặt đạo đức luôn đề cao sự công bằng. Nếu con người chỉ có nghĩa vụ dựa trên hợp đồng hoặc lời hứa, thì thật khó để thuyết phục rằng người ta phải có một số nghĩa vụ nào đối với cha mẹ của họ, nói chi đến những nghĩa vụ nặng nề phiến toái! Nếu con người phải xem tất cả mọi người là như nhau về phương diện đạo đức - vốn là một lý tưởng của sự công bằng - thì lại càng khó hiểu hơn vì sao một người lại phải giúp đỡ những người chỉ vì đó là bậc cha mẹ mình, trong khi vẫn có những người khác cần đến sự giúp đỡ của người ấy nhiều hơn.

Có những sự biến đổi khác về mặt văn hóa làm cho hiếu nghĩa khó có thể được coi trọng như thời trước. Không nói đến những vấn đề căn bản về sự công bằng như vừa trình bày ở trên, những năm sau cùng của thế kỷ XX đã chứng kiến sự bành trướng về vai trò xã hội của phụ nữ trong các quốc gia phương Tây. Ở Hoa Kỳ chẳng hạn, ngày càng có nhiều phụ nữ đảm nhận những công việc toàn thời gian hay theo đuổi

sự nghiệp có những đòi hỏi khắt khe ở bên ngoài gia đình. Cùng lúc, con cái vị thành niên của họ lại có khuynh hướng lệ thuộc vào cha mẹ của chúng trong những thời kỳ giáo dục kéo dài hơn so với các thế kỷ trước. Điều đó khiến năng lực chăm sóc của người con đã trưởng thành bị căng ra.

Lại nữa, tình trạng phổ biến của việc ly dị khiến cho nhiều trẻ em không được sống chung với cả bố lẫn mẹ trong suốt thời kỳ trưởng thành của chúng. Đối với người cha (hay người mẹ) xa cách hoặc thường xuyên vắng mặt ấy, con trẻ khó hình thành cảm tưởng là phải có một nghĩa vụ nào đối với người ấy (mặc dù cũng nên ghi nhớ rằng gia đình luôn luôn có một sự bất ổn định nào đó - nếu không bị đe dọa bởi sự ly dị thì cũng có thể bị đe dọa bởi sự chết trẻ).

Khi con người tiếp tục nhận thức được về những bổn phận đặc biệt đối với cha mẹ của mình, xã hội cũng nên có một số hình thức trợ giúp họ; chẳng hạn, cần có sự linh động hơn trong kế hoạch làm việc phải thực hiện ngoài gia đình; cần có sự nhận biết về tầm quan trọng của công việc của con cái trong sự đáp ứng đúng mực những nhu cầu của cha mẹ già. Có thể cũng cần thừa nhận rằng nhiều bậc cha mẹ già tiếp tục giúp đỡ được cho con cái và kể cả cho gia đình riêng của những người con đã trưởng thành. Thật là nhầm lẫn khi nghĩ rằng chỉ những bậc cha mẹ cao tuổi mới luôn luôn là bên nhận, còn con cái luôn luôn là bên cung ứng, sự giúp đỡ và chăm sóc!



Những biện minh mang tính đạo đức cho hiếu nghĩa

Về mặt xã hội, người ta có thể xem xét những nhu cầu của các công dân cao tuổi dễ bị tổn thương thuần túy trên phương diện định chế tổ chức, không cần dựa vào quan hệ gia đình. Tuy nhiên, nếu xã hội phải cung cấp sự giúp đỡ to lớn hơn cho lý tưởng hiếu nghĩa, ta cũng cần có một số những lý do có khả năng thuyết phục về việc tại sao hiếu nghĩa cần được thừa nhận, mặc dù tư duy đạo đức đương thời vẫn có một vài khuynh hướng trái nghịch hiển nhiên.

Thuận tiện nhất là chia những lý do biện minh mang tính đạo đức cho hiếu nghĩa thành hai phạm trù. Trước hết, xem hiếu nghĩa như là dựa trên ý niệm *có vay có trả* của quan niệm thị trường: con cái từng nợ cha mẹ rất nhiều sự giúp đỡ và của cải trong lúc tuổi trẻ, và điều cần bản nhất là cha mẹ đã đưa con cái vào đời.

Triết gia cổ đại Aristotle lập luận rằng: *"... chẳng điều gì người con có thể làm để đền đáp cho cha mẹ của mình mà được coi là xứng đáng đáp trả những gì cha mẹ đã mang lại cho mình, và như vậy, người con luôn luôn mang nợ cha mẹ mình"*. Triết gia và nhà thần học có ảnh hưởng ở thời trung cổ là Thomas Aquinas tuyên bố, rằng ngay sau Thượng đế, thì cha mẹ chính là *"những nguyên lý của sự hiện hữu và sự định hướng của chúng ta"*, cho nên chúng ta nợ các bậc cha mẹ sự kính trọng, sự quan tâm và sự phục vụ.

Một số tác giả hiện đại, phối hợp ý niệm hợp đồng với quan điểm về "món nợ tự nhiên" như vậy để lập luận rằng trong xã hội hiện nay, sự chăm sóc mà các bậc cha mẹ đã dành cho con cái được hiểu là có mang đến một lời hứa không minh thị về phần con cái, rằng đến lượt mình, chúng sẽ cung cấp cho các bậc cha mẹ sự chăm sóc của chúng.

Nhưng quan điểm *có vay có trả* này - ngay cả theo công thức hiện đại của nó - cũng có vẻ không mang tính thuyết phục cho lắm trong thời buổi ngày nay. Người ta có khuynh hướng cho rằng chính cha mẹ mới nợ con cái những nghĩa vụ nặng nề; vì ít nhất thì trong

nhiều trường hợp, chính cha mẹ đã lựa chọn việc có con; trong khi con cái "không hề yêu cầu được sinh ra".

Hơn nữa, chính các bậc cha mẹ đã đặt con cái vào tình trạng dễ bị tổn thương trước nhiều loại họa hại có thể xảy ra. Ai đó sẽ phải can thiệp nếu như muốn những điều họa hại đó đừng xảy ra cho con trẻ; và còn ai thích hợp hơn chính những người đã sinh ra những đứa trẻ con ấy? Những suy nghĩ này ủng hộ quan điểm cho rằng hiếu nghĩa không xuất hiện từ một mối quan hệ có vay có trả [*"Cha mẹ đã chăm sóc con lúc con còn phụ thuộc, bây giờ đến lượt con"*], mà đúng hơn là dẫn xuất từ *sự yêu thương và cách nhìn nhận* mà con trẻ dành cho cha mẹ chúng.

Triết gia xã hội đương đại là Joel Feinberg ủng hộ quan điểm này. Ông tin rằng hiếu nghĩa dựa trên lòng biết ơn mà con cái cần phải cảm nhận được về cha mẹ mình. Theo ông, lòng biết ơn *"không có gì giống với sự hàm ơn cả"*. Ông tiếp tục biện luận rằng: *"... người có lòng tốt đối với tôi đã tự nguyện phục vụ tôi khi tôi cần đến. Như thế, tôi chẳng cần phải làm gì ngoài việc thể hiện lòng biết ơn sâu xa của tôi... Nhưng bây giờ, hoàn cảnh xảy ra là người ấy cần đến sự giúp đỡ, và tôi ở địa vị giúp đỡ được người ấy. Chắc chắn, lúc này tôi nợ người ấy sự giúp đỡ của tôi, và người ấy có quyền bực bội nếu tôi không thực hiện sự giúp đỡ ấy đến nơi đến chốn"*.

Tuy nhiên, mối liên kết giữa lòng biết ơn với những nghĩa vụ chăm sóc cụ thể cho các bậc cha mẹ vẫn khiến một số quan sát viên dao động. Những người này cho rằng thực ra cha mẹ chỉ làm những gì mà họ buộc phải làm trong việc chăm sóc con cái; nói khác đi, cha mẹ thực hiện những nghĩa vụ của họ đối với con cái. Về việc ấy, con cái vẫn có lòng biết ơn. Nhưng làm thế nào để lòng biết ơn ấy lại biến thành những nghĩa vụ của con cái phải chăm sóc cho cha mẹ, có thể cũng nặng nề và phiến toái tương đương?

Triết gia Jeffrey Blustein cho rằng khi chúng ta biết ơn, chúng ta không quan tâm đến việc người làm ơn cho ta có nợ ta gì không; nhưng ta cần biết lý do nào khiến người ấy lại giúp ta. Sự chuyển dịch về tư duy này thật thú vị, vì Blustein chú tâm hẳn vào một sự thực là nghĩa vụ của bậc làm cha mẹ đã bắt nguồn từ tình thương yêu. Cuối cùng, theo Blustein, hiếu nghĩa chỉ là sự đáp ứng đối với một thực tế là cha mẹ đã yêu thương con cái.

Triển khai một tinh thần đi xa hơn ý niệm này, các triết gia Hilde Lindemann Nelson và James Lindemann Nelson cho rằng cha mẹ có nghĩa vụ không chỉ mang lại cho con cái những vật phẩm cần thiết và sự phục vụ, nhưng còn là tình thương yêu và "sự chia sẻ chính bản thân họ" với con cái. Nói cách khác, cha mẹ không chỉ thiết lập một mối quan hệ đáng tin cậy trong việc cung cấp của cải và sự phục vụ cho con cái, mà còn là điều gì hơn thế nữa; đó là một mối quan hệ thân thiết. Khi thương yêu con cái của mình đến như vậy, cha mẹ đã

tự đặt họ vào trong một tình thế rất dễ bị tổn thương: Nếu con cái không đáp ứng bằng cách duy trì mối quan hệ thân thiết ấy, chắc chắn là các bậc cha mẹ sẽ cực kỳ đau khổ. Khi còn ít tuổi, con trẻ được nuôi dưỡng đầy đủ sẽ thương yêu cha mẹ chúng “một cách tự nhiên”. Tuy nhiên, khi con trẻ đã trưởng thành và có thể biểu thị tính khí thông qua những quyết định của chúng, những lựa chọn mà con trẻ đưa ra liên quan đến cha mẹ chúng thể hiện một cơ hội xác nhận sự yêu thương. Sự yêu thương này không có tính chất như một thứ công cụ của cái mối quan hệ trước đó.

Thật vậy, những lựa chọn của người con trưởng thành cũng có thể cho thấy rằng bao lâu mà những lựa chọn ấy còn được quan tâm, mối quan hệ cha mẹ-con cái chỉ có giá trị về những gì mà họ đã gặt hái được ở đó. Nếu cha mẹ đã thực sự có những chia sẻ đối với con cái, việc người con trưởng thành có khả năng từ chối sự thân thiết bằng cách phủ nhận mối quan hệ sẽ làm thương tổn các bậc cha mẹ, và hành động của con cái có thể bị đánh giá là thiếu đạo đức nếu họ từ chối sự thân thiết mà không đủ lý do.

Cách giải thích về hiếu nghĩa dựa trên tình yêu thương hay sự thân thiết này có tính cách hấp dẫn ở chỗ nó cung cấp một nền tảng cho sự hiểu biết về những giới hạn có thể có đối với những bổn phận dẫn xuất từ lòng hiếu nghĩa. Sự biết ơn có thể được biểu thị không phải là theo lối có vay có trả, mà là trong việc giữ gìn một mối quan hệ thân thiết. Chính mối quan hệ thân thiết này khẳng định ý nghĩa đặc biệt về những điều khiến cho một người được biết ơn trong vai trò của bậc làm cha làm mẹ. Con cái đã trưởng thành chỉ cần thể hiện để cha mẹ thấy rằng mình đã hiểu rõ và biết quý trọng những gì cha mẹ đã chia sẻ với mình.

Để minh họa, hãy xét trường hợp một người cha (hay mẹ) lớn tuổi đang bị bệnh ở giai đoạn cuối, nhận

được sự chăm sóc cuối đời ở ngay trong nhà riêng của mình. Một người như thế có thể có rất nhiều nhu cầu vật chất: chẳng hạn, việc kiểm soát sự đau đớn và việc giữ gìn vệ sinh. Nhưng người hấp hối cũng có nhu cầu kiểm điểm cuộc đời của mình, cố gắng chiến đấu với cái chết của chính mình, tán dương hay hòa giải với những người thực sự quan trọng đối với mình. Những nhu cầu vật chất đặc biệt của một người cha (hay mẹ) có thể được lo liệu bởi con cái, nhờ vậy mà có những giá trị đặc biệt. Nhưng đó là những nhu cầu sau rốt - những nhu cầu liên quan đến người ở trong sự riêng tư tuyệt đối của người sắp chết - mà về những điều đó con cái có thể bị đòi hỏi theo một cách riêng, và để thành tựu những điều đó con cái có thể có một nghĩa vụ đặc biệt.

Tổng quát hóa từ thí dụ này, có thể lập luận rằng, về phương diện xã hội, trong lúc con cái có những nghĩa vụ về đạo đức là phải chú tâm đến những nhu cầu của cha mẹ mình, chẳng có gì khiến những nghĩa vụ ấy trở nên không tương thích với việc các công dân quyết định để đưa thêm những dự liệu khác về hiếu nghĩa.

Điều mà hiếu nghĩa được quan tâm một cách đặc biệt là những nhu cầu của các bậc cha mẹ có thể không bao giờ được đáp ứng trọn vẹn bằng bất kỳ cách nào nếu mối liên hệ thân thiết với con cái của họ không được duy trì. ■

Nguồn: *Filial Obligations*, James Lindermann Nelson, Encyclopedia of Aging.

- James Lindermann Nelson là một triết gia và là giáo sư về đạo đức sinh học, hiện giảng dạy tại Michigan State University. Ông thường có bài viết trên các tạp chí triết học và đạo đức của Hoa Kỳ như *The Journal of Bioethical Inquiry*; *Metaphilosophy*; *The Kennedy Institute of Ethics Journal*; *Journal of Clinical Ethics*; *Theoretical Medicine and Bioethics*.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Chư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Kẻ thù của ta là ai và làm sao để có bình an

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Tôi đi châu Âu chuyến này và nằm trong tâm chấn hai câu chuyện rất bất an của châu Âu nói riêng và thế giới nói chung. Đó là hai cuộc khủng bố, thứ nhất là ở sân bay Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó là tại thành phố Nice miền Nam nước Pháp. Có thật sự nằm trong lửa, thật sự có mặt ở đây mới cảm nhận được sự bất an trong tâm người dân và xã hội, mới thấy rõ những lo lắng hiện ra trên những khuôn mặt xung quanh mình. Có mặt ở nơi đây, tôi không thể không nghĩ tới bình an cho chính mình và bình an cho cả thế giới. Có trải nghiệm thật, ta có thể tự giác ngộ và biết mình nên và có thể làm gì.

Tôi có mặt tại miền Nam nước Pháp. Sự bình an của thành phố Nice ở miền Nam nước Pháp này đã ngay lập tức bị phá vỡ sau khi chiếc xe tải khổng lồ 19 tấn do kẻ khủng bố Mohamed Bouhlel lao rất nhanh, lao thẳng vào giữa đám đông đang xem bắn pháo hoa mừng Quốc khánh Pháp 14 tháng 7. Tang thương lớn và bất ngờ vô cùng.

Xem trên truyền hình hay trên internet ai cũng thấy cảnh tên khủng bố Mohamed Bouhlel lái xe đâm chết bao người sau đó bước ra khỏi xe và tiếp tục nổ súng giết những người vô tội. Rất nhiều nạn nhân nằm la liệt trên đường. Ít nhất 84 người đã thiệt mạng. Hàng chục người khác bị thương. Chấn thương tâm lý của những ai trực tiếp chứng kiến sự kiện thật là khủng khiếp. Hậu quả còn rất dài, rất dài cho nhiều năm sau. Có thể nỗi ám ảnh sẽ đi theo suốt cuộc đời của nhiều nạn nhân và nhân chứng, thậm chí của cả những ai chỉ đọc báo, xem ti-vi, xem trên mạng. Quá khủng khiếp. Nhất là đối với tôi, khi tôi có mặt ở nơi đây. Thành phố Nice rất bình an. Tôi rất thích Nice. Nice được coi là thành phố bình an nhất nước Pháp.

Trước đó, đêm 28 tháng 6, ba kẻ khủng bố đã tấn công sân bay Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ bằng

súng AK và bom tự chế. Theo thống kê, chúng đã làm ít nhất 41 người thiệt mạng và gần 150 người bị thương. Trong số những người bị mất mạng có 13 người nước ngoài. Hai kẻ khủng bố tấn công ngay trong khu vực nhà ga quốc tế còn kẻ thứ ba kích hoạt khối thuốc nổ bên ngoài nhà ga, tại khu vực đỗ xe của sân bay. Chúng tôi vừa hạ cánh xuống chính sân bay Istanbul này trước đó vài ngày. Sự mất an ninh tại sân bay Istanbul nơi có số lượng chuyến bay rất lớn hàng ngày gây nên nỗi lo lắng lớn vô cùng cho hành khách.

Trên chiếc máy bay của hãng Turkish Airlines mà tôi bay từ Paris đến sân bay Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ, tôi cứ nghĩ về nguyên nhân của chiến tranh và chết chóc, của vũ lực và phá hoại, của độc ác và tham lam. Có phải do con người gây nên hay không. Tại sao những kẻ kia lại làm như vậy. Tại sao?

Và tôi ngộ ra nguyên nhân rồi. Kẻ thù của ta đâu có phải là người. Tôi tình cờ tìm thấy khi mình đã lớn, khi tôi biết đến đạo Phật. Nguyên nhân đã được tìm thấy trong một sáng tác của nhạc sĩ nổi tiếng Phạm Duy. Bài hát này, thú vị thay, được nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác đúng năm tôi sinh ra trên thế gian này.



Kẻ thù gây ra những việc ác, kể cả giết người không phải là người, không phải là ba kẻ đánh bom ở sân bay Istanbul nơi tôi đang có mặt hay người lái

xe giết hàng loạt sinh mạng tại thành phố thanh bình nhất nước Pháp. Kẻ thù của chúng ta không phải là người, mà đó là cái tâm gian ác, là vô lương, là hận thù. Chính cái tâm bất thiện mới sinh ra các hành động tội lỗi. May thay tôi đã tìm ra nguyên nhân.

Lời bài hát này như sau:

"Kẻ thù ta đâu có phải là người

Giết người đi thì ta ở với ai?

Kẻ thù ta tên nó là gian ác

Kẻ thù ta tên nó là vô lương



Tên nó là hận thù
Tên nó là một lũ ma.

Kẻ thù ta đâu có ở người ngoài
Nó nằm đây nằm ngay ở mỗi ai
Kẻ thù ta tên nó là vu khống
Kẻ thù ta tên nó là vô minh
Tên nó là lòng tham
Tên nó là tị hiềm
Tên nó là sự ghét ghen.

Kẻ thù ta đâu có ở người ngoài
Nó nằm đây nằm ngay ở mỗi ai
Kẻ thù ta trong mắt thèm lơ láo
Kẻ thù ta trong góc đầu tự kiêu
Trong cõi lòng quạnh hiu
Trong óc hẹp tiêu điều
Trong giặc mộng xâm chiếm nhau”.

Trong bài hát này chúng ta cũng có ngay giải pháp của vấn đề, có ngay cách để có bình an.

“Người người ơi yêu mến người mãi mãi
Người người ơi yêu mến người không nguôi
Yêu mến người đầy vơi
Yêu mến người đêm ngày
Yêu mến người ta nắm tay”.

Tôi mở tiếp cuốn “Muốn an được an” ra đọc. Đây là cuốn sách do dịch giả Hội Nghiê dịch từ cuốn “Being Peace” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Sách được viết gần ba chục năm về trước mà giữ nguyên tính thời sự, có ngay giải pháp cho ngày hôm

nay, cho thế giới hôm nay, cho Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ và cho tất cả chúng ta. Tôi chú tâm vào đoạn văn nói rất rõ rằng mặc dù cuộc sống có nhiều khổ đau như vậy, nhưng cũng tràn đầy mẫu nhiệm.

“Mặt trời mọc sáng nay rất đẹp, những đóa hoa hồng nở ven đường sáng nay là một màu nhiệm”.

Tôi đọc kỹ giải pháp cho bình an mà tác giả đưa ra. Rằng chúng ta phải biết tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống, bởi bất cứ lúc nào, những màu nhiệm ấy cũng có mặt khắp nơi trong ta và quanh ta.

Tác giả viết: “Nếu tự thân ta không có hạnh phúc, bình an thì chúng ta không thể hiến tặng hạnh phúc và bình an cho người khác... Có bình an, hạnh phúc thì chúng ta sẽ mỉm cười và nở ra như một bông hoa, khi đó, mọi người chung quanh ta, từ gia đình cho đến xã hội, ai cũng được thừa hưởng”.

Trong khủng bố và bạo loạn, trong chiến tranh và bạo động, chúng ta phải làm gì? “Chúng ta phải bình tĩnh để nhìn nhận sự việc một cách rõ ràng, sáng suốt. Thiền tập là ý thức được những tình trạng đang xảy ra và tìm cách cứu chữa cho những tình trạng đó”. Mỗi ngày mỗi chúng ta cần biết nhận diện và xử lý từng cảm thọ đó để được an lạc.

Bình an nằm ở bản thân mỗi chúng ta. Xã hội cần được giải quyết từ tâm bình an của mỗi cá nhân chúng ta. Chúng ta kêu gọi hòa bình, kiến tạo hòa bình và không thể thành công nếu trong tâm có nhiều hận thù và giận dữ. Chúng ta cần tự kiến tạo bình an trong tâm chính chúng ta.

Tôi ngồi trên máy bay và hành thiền. Tôi thực tập thiền ngay lập tức để có bình an trong tâm. Và tôi đang rất bình an. ■

Đón nhận cái chết

chìa khóa bí mật của hạnh phúc?

TRẦN TƯỜNG NHÌ

Nỗi sợ hãi về sự chết luôn ám ảnh con người. Có lẽ con người là loại động vật sợ chết nhất thế giới. Vì có bộ não phát triển hơn các loài khác nên các xúc cảm, tình cảm, bao gồm sự sợ hãi của chúng ta về cái chết và những gì xảy ra trước và sau khi chết dai dẳng và nặng nề hơn chăng? Sự tự vệ, đấu tranh sinh tồn là một bản năng của hầu hết các loài động vật, nhưng việc suy tư và sợ hãi về cái chết có vẻ là một đặc tính riêng biệt của con người và chính điều này mang lại khổ đau cho chúng ta. Người ta có thể sợ hãi cái chết hàng ngày, hàng tháng, hàng năm và có khi là mấy chục năm khi còn đang sống.

Từ nỗi lo sợ và ám ảnh về cái chết, chúng ta thường né tránh suy nghĩ về nó. Trong văn hóa của hầu hết các nước phương Đông và phương Tây, việc nhắc đến sự chết trong những câu chuyện bình thường có thể bị xem là điều cấm kỵ. Người đang còn khỏe mạnh, trẻ trung không nói chuyện chết chóc không nói làm gì; người già cả, người bị bệnh nặng hay cả người thân của họ thường cũng không muốn đề cập đến cái chết vì bị xem là bi quan, tiêu cực, xui xẻo.

Tuy nhiên nỗi sợ hãi về cái chết vẫn không ngăn được con người đôi khi suy nghĩ về nó, nhưng đó là suy nghĩ mà đa số chúng ta không muốn có, muốn đè nén nó để không bị xuống tinh thần, chán nản, buồn

phiền. Tại sao cái chết lại đáng sợ như vậy? Tại sao người ta không muốn nghĩ hoặc nói đến sự chết trong khi ai cũng biết đây là điều tự nhiên nhất đang diễn ra mọi nơi, hàng giờ, hàng ngày trên trái đất? Bởi vì cái chết thường được liên hệ với sự mất mát, mất người thân yêu, của cải vật chất, đau khổ, cô đơn, đau đớn thể xác phải trải qua trước khi chết, về việc không còn được tiếp tục hưởng thụ những điều tốt đẹp mà cuộc sống mang lại, vân vân và vân vân.

Per Fugelli, một bác sĩ đa khoa người Na Uy, Giáo sư bộ môn Y khoa Xã hội của Đại học Oslo, là người đã chọn cách cởi mở hơn về cái chết khi chính ông bị mắc bệnh ung thư. Là tác giả của cuốn sách có nhan đề *"Cái chết, chúng ta cùng khiêu vũ nhé?"* được xuất bản năm 2010, ông được trao tặng giải thưởng của Quý Tự do Diễn đạt năm 2013. Cuốn sách này là một tiếng nói đại diện cho các bệnh nhân ung thư và những người phải đối diện với cái chết quyết định nói về cái chết như là một phần tự nhiên của cuộc sống, và rằng nó nên được đón nhận thay vì chống chọi lại khi đến lúc nó phải đến. Ông ta nói rằng: *"Xã hội ngày nay nên trả lại tự do cho cái chết khỏi nhà tù của những ngôn từ cấm đoán"*.

Có một cách tiếp cận về cái chết rất độc đáo và sáng tạo tại Bhutan, đất nước được đánh giá là có chỉ số Tổng Hạnh phúc Quốc gia (Gross National Happiness) cao nhất thế giới. Tại quốc gia này, nơi người dân hưởng

thụ cuộc sống một cách vui tươi và vô tư mỗi ngày khi mà của cải vật chất của họ ở mức tối thiểu, nền kinh tế của đất nước được đánh giá là nhỏ nhất và kém phát triển nhất trên thế giới, chủ yếu dựa vào nông nghiệp và lâm nghiệp căn bản và thô sơ. Nhiều người phương Tây đã kinh ngạc khám phá rằng vương quốc của dãy Himalaya nhỏ bé này, xứ sở nơi mà người dân sinh sống theo kiểu tư cung tự tiêu khác xa với kiểu sống văn minh hiện đại, lại là mảnh đất nơi mà hạnh phúc thực sự ngự trị và đau khổ không thể bước vào.

Theo phong tục của Bhutan, mỗi ngày người dân suy gẫm về cái chết đến năm lần. Điều khám phá quả là quá kinh ngạc cho một xứ sở như Bhutan, nơi được xem hạnh phúc hơn bất cứ nơi nào trên trái đất. Liệu có phải là, đằng sau tất cả có một bí mật được che giấu, là đây thực ra là xứ sở của tâm tối và tuyệt vọng?

Sự thật không hẳn như vậy. Chỉ là người dân Bhutan đã khám phá ra điều kỳ diệu bằng cách nào đó. Trong một cuộc nghiên cứu của Đại học Kentucky (Hoa Kỳ) năm 2007, các giáo sư chia sinh viên ra làm hai nhóm. Một nhóm được yêu cầu suy nghĩ về cuộc viếng thăm nhà sĩ và trải nghiệm đau đớn của họ tại đó, và một nhóm được yêu cầu suy ngẫm về cái chết. Sau một thời gian, hai nhóm được yêu cầu điền các chữ để hoàn thành một từ, ví dụ như là "jo...". Kết quả là nhóm thứ hai, nhóm được yêu cầu suy ngẫm về cái chết đã đưa ra nhiều từ tích cực hơn nhóm kia, ví dụ như là "joy" (niềm vui). Điều này dẫn đến kết luận của các nhà nghiên cứu là, cái chết là một sự đe dọa thuộc về tâm lý, nhưng khi người ta suy ngẫm về nó, hệ thống tự động trong cơ thể chúng ta bắt đầu tìm kiếm những suy nghĩ tích cực.

Như vậy người Bhutan đã nhận ra, rằng sự chết là một phần của cuộc sống, dù ta có muốn hay không, và việc cố tình quên đi sự thật này có thể gây ra những cái giá về tâm lý rất nặng nề.

Linda Leaming, tác giả của cuốn sách *"Cảm nang đến Hạnh phúc: Tôi đã học gì từ Bhutan về cách sống, yêu thương, và thức tỉnh"*, đã viết rằng: *"Tôi nhận ra là việc suy ngẫm về cái chết không hủy hoại tôi. Nó làm cho tôi muốn nắm bắt từng giây phút của hiện tại, và cho tôi thấy được những điều mà có thể tôi không thể nhìn ra lúc bình thường. Lời khuyên tốt nhất mà tôi có thể dành cho các bạn là: Hãy đi đến nơi đó. Hãy nghĩ nhiều lần trong ngày về những gì không thể suy nghĩ, những gì làm cho bạn sợ hãi không dám nghĩ"*.

Tại một quốc gia như Bhutan, cái chết luôn rình rập mọi người, và có lẽ là xảy ra quá thường xuyên. Người ta có thể gặp thân chết khi bị tai nạn trên những con đường vòng vo và nguy hiểm, bị gấu ăn thịt, bị chết vì cảm lạnh. Cái chết được thể hiện ở khắp mọi nơi, trên những bức tranh, đền đài, và qua những điệu múa, câu tụng kinh.

Điều này không có nghĩa là người Bhutan không sợ hãi hoặc đau buồn. Tất nhiên là họ có sợ hãi và đau

buồn như tất cả người khác. Nhưng họ không cố vùng vẫy ra khỏi những cảm xúc này.

Leaming nói: *"Ở phương Tây chúng ta muốn thay đổi việc chúng ta buồn. Chúng ta sợ buồn. Chúng ta nghĩ rằng đó là điều mà chúng ta phải vượt qua và giải quyết. Ở Bhutan, đó là việc chấp nhận. Đó là một phần của cuộc sống"*.

Một yếu tố quan trọng nữa là, Bhutan là đất nước thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là tư tưởng về thuyết luân hồi. Theo thuyết luân hồi của Phật giáo, cuộc sống hiện tại của chúng ta chỉ là một trong vô số cuộc sống khác, đã bắt đầu trong nhiều kiếp trước và sẽ tiếp tục trong những kiếp sau. Việc chết đi ở cuộc đời này không phải là kết thúc, mà chỉ là bắt đầu một sự thay đổi, một sự chuyển hóa để bắt đầu một cuộc sống khác. Như vậy, khi biết là bạn có một cuộc sống khác, bạn sẽ không quá sợ hãi việc rời bỏ cuộc sống này. Các Phật tử đã nói, bạn không nên sợ hãi việc chết hơn việc sợ từ bỏ những quần áo cũ của bạn.

Vẫn có nhiều người tuyên bố rằng họ không sợ chết, nhưng có thể ít nhiều trong số họ không có quan điểm vững vàng và có thể vẫn bị dao động, nhất là khi lâm bệnh nặng hay khi cái chết sắp đến với họ. Nhưng dù sao đó cũng là những tuyên bố lạc quan.

Epicurus, triết gia duy vật của Hy Lạp cổ đại đã nói: *"Cái chết chẳng liên quan gì với chúng ta... Khi ta hiện hữu thì cái chết không có ở đây; khi cái chết đến thì ta không còn hiện hữu"*.

Jelaluddin Rumi (thế kỷ XIII) nhà thơ thần bí của Ba Tư có câu nói đầy lạc quan, hy vọng: *"Giống như mặt trời, chỉ khi nào bạn lặn mất ở phía Tây thì bạn mới có thể khởi dậy ở phía Đông"*.

Henry Muller (thế kỷ XX), nhà văn Pháp cũng có câu nói thời danh đáng cho chúng ta suy gẫm: *"Dĩ nhiên là bạn không chết. Chẳng ai chết cả. Không có cái chết. Bạn chỉ đạt tới một mức độ mới của sự hiểu biết, một cảnh giới mới"*.

Xin được kết thúc bài này bằng việc trích lời bài hát nói về sự sống và cái chết của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Khi sinh thời, ông từng nói thường xuyên tò mò và bị ám ảnh bởi suy nghĩ về cái chết từ khi còn trẻ. Với tài năng và tấm lòng của người nghệ sĩ, cái chết, sự rời xa cõi tạm được ông thi vị hóa, âm nhạc hóa thành những ca từ, giai điệu thật đẹp. Nỗi buồn đau của ông nhẹ như mây trời, không bi lụy và rất nhân văn. Phải chăng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã nhận ra chân lý như người Bhutan và những người có tư tưởng tiến bộ, để làm cho việc suy ngẫm về cái chết nhẹ nhàng, dễ chấp nhận, hay ít ra là ít đáng sợ?

*Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đời
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về.*

(Một cõi đi về) ■

Lời mời trên non xanh

CAO HUY HÓA

Nhân dịp anh Trần Tuấn Mẫn cùng một vài người của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo ra công tác ở Huế, chúng tôi mời các vị ấy cùng một số cây bút cộng tác viên của tạp chí tại Huế đi thăm một tịnh thất trên vùng cao Bình Thành, cách thành phố Huế khoảng 25km về phía Tây; một tịnh thất ít người biết đến, và chưa đặt bảng tên. Bình Thành trước đây là vùng kinh tế mới, dân cư thưa thớt, đất đai còn hoang sơ, lại cách đò trở giang, chỉ liên lạc với thành phố Huế bằng đò dọc.

Tưởng cũng cần nhớ đến một vị nữ chủ tịch xã trẻ, xông pha, quả cảm, quyết khắc phục khó khăn đi lại, bằng cách vận động xây dựng một cây cầu treo bắc qua sông Hữu Trạch. Cô đi đi về về những nơi có thẩm quyền, từ huyện đến tỉnh và ngay tận Hà Nội, cuối cùng chính quyền và dân sở tại đã được toại nguyện, cầu đã hình thành và đến năm 2002, cây cầu treo dài 140m được tái thiết thật nên thơ làm thay đổi bộ mặt của xã Bình Thành. Từ xa, nhìn cây cầu đã thấy duyên dáng, còn nếu đứng giữa cầu, cả một trời núi non sông nước bao la xanh tươi, hùng vĩ!

Chúng tôi đã đến đây vài lần, từ khi tịnh thất chưa rõ hình hài, đất đai thì rộng đến 7ha mà chưa canh tác bao nhiêu, chỗ lồi chỗ lõm; cho đến nay, tịnh thất đã làm xong, vườn chùa đã có lớp lang, và không gian xanh là sự hòa hợp giữa thiên nhiên và bàn tay sắp xếp của con người. Điều ngạc nhiên lý thú là mỗi lần chúng tôi đến, quang cảnh như mới, như lạ, từ cơ ngơi được chăm chút thêm cho đến cây cỏ góp thêm hoa thêm lá, và ngay cả đường đi vào tịnh thất, thay vì đường đất gập ghềnh, gập mùa mưa rất trắc trở, thì nay từ ngoài xa đi vào, con đường bê-tông rộng rãi phẳng phiu thuận lợi cho xe chạy. Nhưng xin mời khách thung thảng để đi giữa hai hàng cây im mát, dẫn vào cổng chùa thành thang.

Lần này, vào đến nơi, chúng tôi bất ngờ được tin Ni trưởng trú trì, vốn thường xuyên ở chùa Long Thọ, lâu nay bị bệnh, đã lên đây để tịnh dưỡng và thật là dịp may để chúng tôi vấn an Ni trưởng. Mong ít phút thôi, không ngờ Ni trưởng tươi cười tiếp chúng tôi khá lâu, câu chuyện thật tự nhiên. Nói về cơn đau dai dẳng lâu nay, Ni trưởng cười: *"Thân bệnh, tâm không bệnh!"*. Ni trưởng thân tình: *"Mời quý thiện tri thức, quý cư sĩ lên đây*

chơi, tịnh dưỡng". Ni trưởng vui vẻ nhận tạp chí VHPG (3 số liên tiếp mới nhất), món quà của anh Mẫn, và cho biết: *"Tôi đã từng đọc bài báo và các sách của anh Mẫn. Cảm ơn anh đã tặng món quà tinh thần rất có ý nghĩa"*.

Tịnh thất này - Ni trưởng mới đặt tên là Long Ẩn, đang chờ được hợp thức - xem như là cơ sở hai của ngôi chùa Ni Long Thọ. Ngôi chùa mẹ nổi tiếng lâu nay vì nuôi dạy trẻ khuyết tật và là nơi dạy nghề cho thanh thiếu niên có nhu cầu. Ni chúng của chùa đông nên cần một cơ sở thanh tịnh để tu học và đất đai để canh tác. Thật may mắn, quý Ni sư đã tìm được chốn hoang sơ này, và để có được ngôi tịnh thất và vườn tược như ngày nay là cả một quá trình cam go trì chí mà bậc tu hành mới làm được.

Tịnh thất có kiến trúc giản dị, xinh xắn, hiền hòa, được xây dựng với vật liệu nhẹ, chánh điện đơn giản, chỉ thờ tôn tượng Đức Phật Thích Ca. Chúng tôi ngạc nhiên vì màu xanh tươi tốt của cây trái, lại quá phong phú về chủng loại: từ cây cao như mít, hồng, cau, sao, tre, cao su... đến cây cao vừa như thanh trà, đu đủ, chanh, cam, chuối... đến những loại rau, đa dạng và theo thời vụ. Hình như có một sự sắp đặt tổng thể tương đối: trước chùa là sân tương đối thoáng đãng, với một số cây cảnh, cây hoa, đá cảnh, hòn non bộ nho nhỏ rải rác, giàn lan nhiều loài phong phú; bên trái chùa là lối đi rợp bóng cây xanh, xa xa là cây cao và vườn cao su; xa lui phía sau là cây ăn trái, vườn rau, khoai, sắn; bên phải chùa là nơi nghỉ dưỡng mà nhiều người đến đây rồi say mê không đi đâu nữa.

Hai nhà tranh vững chắc, thanh tú với bàn ghế làm bằng mây tre; một nhà có thể phục vụ ẩm thực cho khá nhiều người, một nhà có thể làm chỗ ngồi chơi hoặc đặt lưng thư giãn, lại có sẵn võng để nằm đọc sách và thiu thiu. Lại có nhà vệ sinh cho khách, mà có người đã trầm trồ: *"Trong nớ có hoa nữa!"*.

Các vị cao tuổi và kém sức khỏe có thể nghỉ ngơi tại hai nhà tranh này, nhưng phần đông ai ai cũng ngắm thấp xuống một chút, xa xa là dòng sông, và không thể không khám phá: *"Phía dưới là chi hè?"*. Một lối đi xuống bậc thang khá dài và dốc quanh co được sắp xếp bằng đá tảng, bên phải có thanh cây để vịn, hai bên cây cao im mát, đưa khách xuống bến sông để ngắm dòng sông Hữu Trạch, sông này chảy về xuôi để hợp với Tả Trạch tại Ngã ba Tuần làm thành sông Hương. Bờ

cát thì rộng, cây khá nhiều, đặc biệt chùa cho trồng tre vàng cho đẹp, tạo bóng mát và lấy măng, và loại cây đầu đầu cũng có là chuối, ngoài ra là những luống đậu. Cũng nên lên xuống khó khăn một chút cho đỡ mỏi gối để rồi ngồi hóng mát dưới mái tranh càng thú vị hơn.

Tịnh thất này còn có nét đặc sắc mà các nơi khác không có: đó là con đường thiền hành mà tịnh thất vừa mới làm xong, đi vòng hai bên và phía trước tịnh thất, lát gạch vuông, đây đó theo bước chân thiền hành là cỏ, là hoa, là đá, là chút con con hòn non bộ... Phía dưới là vực sâu, xa tầm mắt là dòng sông, là núi non trùng điệp, mây trắng lững lờ. Màu xanh bao la của trời đất hòa quyện trong nắng hạ. Tôi tưởng tượng về những bước đi nhẹ nhàng, ung dung tự tại khi ánh bình minh dần ló dạng hay dáng dấp thơ thần của người vô sự ngấm trắng lên đầu núi.

Tôi trở về nơi nghỉ ngơi thì thoáng thấy quý Ni cô chuẩn bị cho chúng tôi bữa cơm trưa. Ôi, nhiều quá, nào rau xanh, ớt bít, măng, mắm dưa, nào bánh lọc, súp củ quả hột sen nấm, cháo nấm tràm... Tráng miệng lại có dâu ngọt có chút chua thanh thanh như tái sinh từ huyền thoại dâu Truối nước tiếng thuở nào. Ni sư Thích nữ Như Huy cho biết, tất cả là của vườn chùa, còn nấm tràm mới thu hoạch đầu mùa. Chúng tôi tỏ bày, mọi sự quá mức mong đợi, chúng tôi chỉ mong được hưởng rau củ quả đơn giản, nhất là lúc này đang ở mùa an cư; nghe như thế, Ni sư bác liễn: *"Không chỉ sản vật của chùa, mấy cô còn phải chú tâm làm cho ngon nữa chứ!"*. Vậy là chúng tôi được hưởng nhiều quá, từ không khí thanh tịnh của chốn non cao, đến thực phẩm tươi lành, và nhất là được quý cô lo lắng tận tình. Tôi chợt nhớ đến lời mời của Ni trưởng trú trì, mới hồi sáng.

oOo

Nửa tháng sau, ngày 19/7/2016, chúng tôi trở lại tịnh thất này, lúc chiều tối, trăng mười sáu vừa lên. Ni trưởng trú trì Thích nữ Minh Tấn đã xả bỏ báo thân, an nhiên thị tịch vào sáng hôm đó. Dầu biết trước bệnh Ni trưởng khó qua khỏi, nhưng chúng tôi vẫn thấy bất ngờ và xúc động. Chỉ mới nửa tháng thôi mà! Nhưng thôi, lẽ vô thường là thế!

Trong buổi lễ nhập kim quan vào tối hôm đó, tiếng tụng kinh tiếp dẫn của chư tôn thiền đức và hàng trăm Tăng Ni, với các hồi trống bát-nhã vang xa, chúng tôi ngồi yên lặng trên những tảng đá đặt bên cạnh con đường thiền hành, nhớ về Cô, người thầy Ni quý kính, từ hòa, trú trì các chùa Long Thọ, Diệu Nghiêm, khai sơn và trú trì tịnh thất Long Ẩn, sáng lập và điều hành trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật, trung tâm đào tạo nghề cho thanh thiếu niên... Chúng tôi ghi nhớ lời mời của Cô trên non xanh này, và nhất là nhớ mãi lời dạy *"Thân bệnh, tâm không bệnh"* từ thực tập của vị Tỷ-kheo-ni đã cống hiến trọn đời cho Đạo. ■



Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



Chánh niệm trong ăn uống

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Chánh niệm là sự tỉnh giác, là suy nghĩ sáng suốt, có thái độ đúng đắn trong mọi hành vi của mình. Là con người có nghĩa phải sống trong quá trình sinh, lão, bệnh, tử. Muốn sinh tồn, con người phải có bốn điều kiện cơ bản, đó là cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc trị bệnh. Người tu học theo đạo Phật, cũng như bao người khác, cũng phải đáp ứng bốn nhu cầu thiết yếu ấy để duy trì đời sống tu hành của mình. Đức Phật đã dạy các học trò của mình phải thọ dụng các nhu yếu như y áo, thức ăn, chỗ trú, dược phẩm (người xuất gia gọi là «tứ sự cúng dường») trong chánh niệm tỉnh giác.

Đối với ăn uống, chánh niệm là sự tỉnh giác với toàn bộ quá trình đưa thức ăn thức uống vào cơ thể từ lúc chuẩn bị đến lúc gọi là ăn no uống đủ và cơ thể tiêu

hóa, hấp thu trọn vẹn thức ăn thức uống đó. Vì vậy, chánh niệm có thể tu tập ở từng khâu, như: “Không ăn nhiều quá, ăn ít cũng thấy đủ”, “Có một sự ngưỡng mộ mới mẻ đối với thực phẩm để thưởng thức thực phẩm tốt hơn”, “Lúc ăn không làm việc khác, chỉ chú tâm vào việc ăn uống”, “Chú tâm vào từng miếng ăn và nhai kỹ”, “Hãy chọn chất lượng thay vì số lượng”...

Riêng với chất lượng thức ăn thức uống, người ta quan tâm rất nhiều về sự hiểu biết thực phẩm bổ dưỡng hay độc hại. Có người phát biểu: “Việc biết nguyên liệu nào với chất lượng ra sao đã được bỏ vào thức ăn của mình giúp tôi rất yên tâm, nên dẫu có vất vả, phiền phức cũng đáng công”.

Từ năm 1976, một ủy ban quốc tế gồm nhiều chuyên gia về ung thư và dinh dưỡng đã đưa ra một kết luận:

"Chế độ ăn uống hằng ngày có thể là một trong những yếu tố quan trọng nhất gây ung thư cho con người".

Vì vậy, xin có vài thông tin về "chánh niệm là sự hiểu biết về thực phẩm có thể gây ung thư".

Với chế độ ăn uống hằng ngày, có thể phân ra 3 loại yếu tố có thể khởi phát bệnh ung thư cho người, đó là cách ăn uống, loại thực phẩm chế biến và phụ gia cho vào thực phẩm.

Cách ăn uống có thể gây ung thư

Chính kiểu cách dinh dưỡng, ăn uống không hợp lý có thể tạo điều kiện cho mắc bệnh ung thư, như:

- Ăn quá nhiều mỡ động vật, quá nhiều hydrocarbon tinh (đường rỗng như: kẹo, bánh ngọt), quá nhiều thịt đỏ mà lại thiếu chất xơ sợi (rau quả) đưa đến quá thừa năng lượng.

Các nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy có mối liên quan giữa bệnh ung thư đại trực tràng với chế độ ăn nhiều mỡ, thịt động vật. Tỷ lệ tử vong do mắc ung thư vú tăng theo mức tiêu thụ mỡ.

- Uống quá nhiều các loại rượu trong các bữa ăn. Lưu ý, các loại sản phẩm chứa cồn dùng quá đà làm tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư miệng, ung thư dạ dày và ung thư thanh quản.

- Nhiệt độ của thức ăn, thức uống quá cao cũng là một yếu tố ảnh hưởng: ăn uống nóng quá cũng có thể gây ung thư thực quản.

Loại thực phẩm chế biến có thể gây ung thư

Trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm có thể sinh ra các chất tạo nền móng gây ung thư, như nitrosamin, benzopyren, aflatoxin...

- *Nitrosamin*: Nitrosamin và các hợp chất N-nitroso khác là những chất gây ung thư thực nghiệm trên động vật. Những chất này có thể có mặt trong thực phẩm với một lượng nhỏ do tự nhiên hoặc do chế biến.

Nitrosamin có thể được tạo thành từ muối nitrit và nitrat (còn gọi là diêm tiêu) do lạm dụng (dùng quá mức quy định) để bảo quản thịt, cá và các thực phẩm được chế biến (màu đỏ đẹp của Lạp xưởng, xúc xích có thể do diêm tiêu trộn vào). Tiêu thụ quá nhiều thức ăn có chứa nitrit và nitrat có thể gây ra ung thư thực quản, dạ dày.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các loại thực phẩm ướp muối, hay ngâm muối như cá muối có hàm lượng nitrosamin cao. Nitrosamin cũng được tìm thấy trong dưa cà khủ hồng. Các nhà khoa học Nhật Bản cũng ghi nhận việc tiêu thụ nước mắm chế biến không tốt chứa hàm lượng nitrosamin cao, liên quan đến ung thư dạ dày.

Một số nhà khoa học nước ta đang nghiên cứu loại thực phẩm dưa muối, cá muối, đặc biệt là dưa muối bị khú có hàm lượng nitrosamin cao, có thể có liên quan đến ung thư ngày càng tăng ở nước ta.

Benzopyren: Benzopyren có trong khói thuốc lá và đã được xác định là chất gây ung thư. Món thịt nguội



hay xúc xích hun khói rất hấp dẫn nhưng coi chừng, khói chứa benzopyren sẽ làm thịt nhiễm chất gây ung thư này. Nếu ta ăn thịt hun khói nhiều quá có thể bị nhiễm benzopyren để rồi lúc nào đó phát bệnh "trời kêu ai nấy dạ".

Aflatoxin: aflatoxin sinh ra từ nấm mốc *Aspergillus flavus*. Đây là một chất gây ra bệnh ung thư gan, bệnh phổ biến ở các nước nhiệt đới. Loại nấm mốc này thường có trong các ngũ cốc bị mốc, đặc biệt là lạc (đậu phộng) bị mốc. Nếu tiêu thụ các thực phẩm này lúc nào đó sẽ phát bệnh ung thư gan.

Chất phụ gia có trong thực phẩm có thể gây ung thư

Thức ăn thức uống gọi là ngon không chỉ có mùi vị hấp dẫn mà còn phải có màu sắc "bắt mắt". Chính vì thế, người ta thường cho phụ gia là phẩm màu vào thức ăn thức uống. Khổ nỗi, người ta không chọn phẩm màu thiên nhiên vô hại mà chọn phẩm màu dùng trong công nghiệp tác hại không sao lường được. Việc sử dụng phẩm màu công nghiệp trong chế biến thức ăn thức uống ở nước ta bấy lâu nay chưa được quản lý nghiêm ngặt chắc chắn ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng và đây là một trong những tác nhân gây ung thư đã được xác nhận.

Cách nay khá lâu, một số nước phương Tây khổ sở ghi nhận, sử dụng phẩm nhuộm thực phẩm là chất paradimethyl amino benzen dùng để nhuộm bơ thành "bơ vàng" có khả năng gây ung thư gan.

Còn ở ta, mới đây người ta phát hiện có vụ việc có người gọi là "động trời" là kẻ làm ăn bất chính đã dùng phẩm màu công nghiệp là "vàng ô" (auramine O) để nhuộm măng tươi và da gà cho có màu vàng bắt mắt. Vàng ô được xác định là chất độc, tuyệt đối không dùng trong chế biến thực phẩm vì ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và có thể gây ung thư.

Có lời khuyên, không mua thức ăn có màu sắc sặc sỡ hoặc nghi ngờ có sử dụng phẩm màu không cho phép. Nên dùng màu sắc tự nhiên trong chế biến thức ăn như màu đỏ cam của cà chua, gấc; màu vàng của nghệ; màu xanh của lá dứa; màu tím của lá cẩm... ■

Vua Tự Đức

và Ngự chế Việt sử tổng vịnh



Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

tâm sự trong việc giải quyết những mâu thuẫn và bế tắc của thời cuộc. Bằng những tác phẩm này, tác giả đã gửi gắm niềm mong mỏi trở thành một ông vua giỏi ra tay chấn chỉnh sơn hà; song trong thực tế điều ấy không thành hiện thực. Đó là điều làm cho ông rất ray rứt.

Trong bài *Khiêm cung ký*, ông viết: “Điều ta vẫn băn khoăn là việc học chưa thành, chí chưa thỏa, hư danh chẳng xứng với thực tội, thể chất lại yếu đuối không đủ sức đảm đương việc lớn. Như vậy, ngoài thì bờ cõi bị mất chưa giành lại được, trong thì giặc giã hoạn nạn chưa yên, việc nổi đời thì lại chậm chạp khó khăn, gay kiếm được người thì lấy biết ai đảm đương công việc”.

Nhìn lại cuộc đời hoạt động văn học nghệ thuật của vua Tự Đức, phải thừa nhận một thực tế, rằng ông là một cây bút rất sung sức trên nhiều lĩnh vực: chính trị, văn học, sử học và ngôn ngữ... Những sáng tác cùng nhiều công trình biên soạn khảo cứu của ông là cả một hoạt động khoa học nghệ thuật đồ sộ, bề thế và đa dạng. Cho đến nay, các nhà nghiên cứu đã sưu tầm được một số lượng phong phú về tác phẩm của ông. Được biết, tại kho tư liệu văn bản cổ Viện Hán Nôm Hà Nội còn lưu được nhiều tác phẩm của ông; không kể những bài viết rải rác, đã có 19 tác phẩm. Ở đây xin đề cập đến một tác phẩm về lịch sử được ông biên soạn rất cẩn trọng; đó là *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* (hay *Việt sử tổng vịnh*).

Việt sử tổng vịnh là một tập thơ vịnh các nhân vật, sự kiện lịch sử của Việt Nam, cụ thể về vua chúa, liệt nữ, hiền thần, trung thần, gia thần, truyện hay... như vịnh Hùng Vương, Đinh Tiên Hoàng, Phan Thị Thuần, Nguyễn Trãi, Trần Thủ Độ, Lý Thường Kiệt; về truyện Nỏ thần, ngựa đá Chiêu Lăng... Ông mượn đề tài để phát biểu ý kiến hay quan niệm của mình về những nhân vật, sự kiện lịch sử...

Tác phẩm này được in lại vào năm thứ 5 niên hiệu vua Duy Tân (1912) bởi nhà in Liễu Văn Đường. Bộ sách có 212 bài thơ vịnh nhân vật, có thể nói đây là một tư liệu quý để nghiên cứu lịch sử. Đối chiếu về mặt văn bản học, bộ sách càng có giá trị hơn.

Trong bài tựa của sách, vua Tự Đức đã hết sức chú trọng đến Việt sử. Sở dĩ vua tự soạn bộ sách này vì mục đích muốn cho quảng đại quần chúng suy nghiệm về những nhân vật và giai thoại Việt sử để rút ra những bài học đạo đức.

Vua Tự Đức (1847-1883) tên là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm; còn có tên là Nguyễn Phúc Thi, miếu hiệu là Dục Tông. Vào giữa thế kỷ XIX, ông là một tác gia có khối lượng sáng tác đồ sộ và phong phú cả nội dung lẫn hình thức. Nhìn một cách tổng quát, vua Tự Đức không chỉ đơn thuần là một vị vua, mà ông còn là một nhà thơ, nhà văn và nói một cách không ngoa, ông còn là một nhà ngôn ngữ, nhưng sự nghiệp văn chương chính yếu của ông vẫn là thơ văn. Thơ của Tự Đức được đánh giá cao, đặc biệt là về mặt chữ nghĩa.

Nếu như lịch sử đánh giá về ông thể hiện nhiều chỗ thiếu khách quan thì trong lĩnh vực văn học sử và nghiên cứu khoa học, có lúc người ta đã quên mất rằng ông là một tác gia lớn của lịch sử văn học. Chỉ xét về mặt khối lượng hơn 600 bài văn, 4.000 bài thơ chữ Hán và hàng trăm bài thơ Nôm, ông xứng đáng là một danh gia về văn hóa trong giai đoạn này.

Là người *hay chữ* nên thơ của ông nhiều chỗ chữ nghĩa rất cao siêu, người đời sau khó lòng dịch một cách chính xác, nhưng ai cũng cảm được yếu tố tình cảm bàng bạc trong rất nhiều bài thơ của ông. Thơ của Tự Đức rất có tình, bởi vậy, từ cương vị một nhà vua, ông được xem là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ XIX, đó là điều đáng trân trọng. Ngoài ra ông là người am tường về văn hóa Đông phương. Văn của ông có nhiều điển cố, điển tích nên rất sinh động, giàu tính thuyết phục. Chủ yếu các sáng tác này là những văn bản gửi cho quan lại như chiếu, dụ, sắc... những văn bản ban bố trước thần dân...

Qua những sáng tác còn lưu lại của ông, phần nào chúng ta hình dung được chân dung của một vị vua đầy

Mở đầu ông viết: "... Đối với những người bậc trung trở xuống, thường là phần đông, bị lòng ham muốn vật chất che lấp lương tri, nếu không lấy việc đời xưa làm gương để khuyên điều lành, răn điều ác thì dầu muốn cho mọi người thấy nên bậc hiền, mỗi chuyện hóa thành việc tốt, và ai nấy trở lại với tính thiên nhiên, ở vào chỗ không làm lạc, thế ấy tưởng cũng không thể nào đạt được. Bởi thế mà người ta không thể không đọc sử vậy..."

Tuy vậy, vua Tự Đức cho rằng đọc sử là việc khó, nhưng nếu triều đại nào cũng có người làm sử và việc làm ấy được liên tục kể truyền, có phép tắc biên chép phân minh các sự việc, văn liệu rõ ràng, đầy đủ, nêu khuôn phép đại cương, bao quát thì khi đọc mọi người mới nhận thức được rõ ràng: "Nhưng đọc sử là việc khó, mà ta cho rằng sử Việt Nam càng khó đọc hơn sử Trung Quốc nhiều; bởi sử Trung Quốc vốn được chép làm nhiều pho sách lớn lao, đối với những người thiếu tri chí hay làm biếng thì đọc hết bộ sử thường là một điều khó khăn. Tuy nhiên, triều đại nào cũng có người làm sử, và việc làm ấy được liên tục kể truyền, có phép tắc biên chép phân minh, sự việc văn liệu rõ ràng, đầy đủ; lại có sách Thông Giám Cương Mục vốn dĩ nêu khuôn phép đại cương, bao quát mọi việc suốt từ trước đến sau, xem qua một lượt mà nhận thức rõ ràng..."

Nhận định về việc ghi chép lịch sử qua các triều đại trước, nhà vua đã thẳng thắn nêu ra các mặt hạn chế do sự biên soạn không đầy đủ, "mười phần không chép được một", đó là điều thiệt thòi cho các thế hệ kế tiếp; "Còn như Việt sử, kể từ thời Hồng Bàng đến nay trải hơn bốn ngàn năm, nước ta cùng Trung Quốc đồng thời tồn tại, thế mà người chép sử lại thiếu, và hầu như không có phương pháp. Gián hoặc có kẻ biên chép thì tác phẩm hoặc mang tính chất hoang đường, hoặc rơi vào tình tệ tản mạn, tối tăm, cho tới nay chưa có bộ sử nào hoàn hảo, một bản sách hay khả dĩ làm căn cứ để khảo cứu lịch sử. Ngay như những bậc vua hiền tôi giỏi, những kẻ có tiếng tăm, những phụ nữ kiên trinh không khuất tiết, từng rạng danh vì sự nghiệp, có đầy đủ đức hạnh, tưởng đời nào cũng chẳng thiếu, đủ làm phép tắc cho đời noi theo, vậy mà cũng để tản mạn, thiếu sót, mười phần không chép được một."

Ấy là điều mà mỗi lần tưởng đến ta thường cảm thấy xót xa hối tiếc tức giận những vị vua đời trước và các quan coi việc chép sử đã không chịu lưu ý. Và Việt Nam ta vốn là một nước có văn hiến, tới nay kể đã lâu đời vậy. Nếu như việc chép sử được chú trọng, trước sau có người nối tiếp, đời nào có sử của đời ấy, mọi việc hay dở được trưng dẫn đầy đủ rõ ràng, thì há chỉ một bộ sử Trung Quốc được lưu hành mà thôi sao?..."

(Ngự chế Việt sử tổng vịnh, tập thượng, tr.8-10)

Qua tác phẩm, người đọc có thể tìm hiểu về các nhân vật lịch sử nổi tiếng, có tiểu dẫn giai thoại lịch sử và có những bài thơ viết về nhân vật ấy. Đọc sử như vậy khiến cho quảng đại quần chúng dễ nhớ, dễ hiểu. Chẳng hạn ngay ở quyển đầu viết về Hùng Vương, nhà vua đã dẫn trong sách Sử ký phần ngoại kỷ về thân thế, sự nghiệp

cuộc đời của các vua Hùng khá tỉ mỉ. Cuối cùng là một bài thơ tổng kết cuộc đời sự nghiệp của các vua Hùng trong bốn câu thơ chữ Hán theo thể thất ngôn tứ tuyệt.

Hùng Vương

Văn Lang kiến quốc lịch thiên niên
Phụ đạo tương thừa thập bát truyền
Tự thị tứ binh năng khước địch
Khảng tương lân nghị ngộ thiên quyền.

Dịch:

Văn Lang dựng nước trải ngàn niên
Mười tám đời qua vẫn tiếp truyền
Tự cậy rợ, binh hay đui địch
Nỡ đem lân nghị lụy thiên quyền.

Viết về Hùng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, vua có bài thơ:

Vị quốc vong gia quýnh vật tinh,
Thủ trung không trượng võ công thành.
Hậu lai Bắc lộ do kinh độn,
Bạch trù phong lôi giáp kiếm minh.

Dịch:

Vì nước riêng quên mấy chuyện mình
Gậy không, tay múa võ công thành,
Cuối cùng giặc Bắc kinh hồn chạy,
Vỏ kiếm rền vang báo ứng linh.

Hay vịnh về anh hùng Trần Quốc Toản:

Lục tự kỳ khai thích nội tâm,
Vạn phi phi my chiến phương cam
Dự tri lập kiến bình Nguyên tích,
Nhất tự diên trung thủ toái cam.

Dịch:

Hận lòng sáu chữ có cờ trưng,
Xông xáo muôn quân tỏ chí hùng.
Ghi dấu bình Nguyên cam bóp nát,
Tự đầu, tay đã thẹn kỳ công;

(Trích Ngự chế..., sđd)

Tuy là một tập thơ nhỏ trong khối lượng tác phẩm đồ sộ về văn thơ của vua Tự Đức, nhưng Việt sử tổng vịnh là một tác phẩm quan trọng trong sự nghiệp thơ văn của ông. Tập thơ không chỉ hay về mặt nghệ thuật, mà nó còn đóng góp cho sự phát triển của thể tài Thơ vịnh sử ngày càng phong phú.

Có thể nói rằng ý thức dân tộc trong Việt sử tổng vịnh của vua Tự Đức rất đáng được đề cao. Cuốn sách là một tác phẩm lịch sử Việt Nam bằng thơ có giá trị để nghiên cứu về các nhân vật lịch sử. Ngoài ra, người đọc cũng dễ nhớ nội dung của lịch sử qua những bài thơ được nhà vua tổng kết bằng sử liệu của các nhân vật. Và vì thế, có thể nói đây là một tư liệu quý cần được tiếp tục quan tâm nghiên cứu thêm. ■

Tài liệu tham khảo:

- Ngự chế Việt sử tổng vịnh (3 tập); Lê Xuân Giáo & Nguyễn Quang Tô biên dịch; Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn Hóa Sài Gòn, 1970.

- Thơ văn Tự Đức, Phan Đăng hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, 1996.

Vinaya Texts Part III The Sacred Books of the East Part Twenty

E. Max Muller

Buddhist Mahayana Texts

by E. B. Cowell,
F. Max Müller
J. Takakusu

Friedrich Max Muller

Nhà phiên dịch kinh điển Phật giáo tại Anh quốc

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Sinh ra là người Đức, Friedrich Max Muller (1823-1900) đã đóng góp rất nhiều cho Phật giáo trong thời gian ông sống ở Anh quốc. Có thể xem ông là “một người Anh tiêu biểu”; nhân cách sống của ông đã làm cho những tác phẩm của ông có đặc tính dành cho giới trí thức ở Anh. Ông là thần dân của Vương quốc Anh.

Ông đã chủ biên một loạt kinh sách Đông phương gồm năm mươi cuốn, là thành viên dịch tiếng Anh của hai mươi học giả hàng đầu thế giới, kể cả bản dịch kinh *Pháp Cú (Dhammapada)* của ông. Sau loạt sách này, ông tiếp tục biên tập một loạt kinh sách Phật giáo với sự bảo trợ của *Hội Phiên dịch Kinh điển Pali (Pali Text Society)*. Khi ông qua đời vào năm 1900, Rhys Davids kế tục công việc biên tập loạt sách này và hai mươi bản dịch của loạt sách ấy đã được xuất bản. Những tác phẩm Phật học tiêu biểu của ông bao gồm: *Kinh Pháp Cú Thí Dụ của ngài Phật Âm, một bản dịch Miến Điện (Buddhaghosa's Dhammapada Parables, A Burmese Translation); Thuật*

ngữ Phật học - Một bản kinh Phật thời cổ đại bị gán cho ngài Long Thọ (Buddhist Technical Terms, An Ancient Buddhist Text Ascribed To Nagarjuna); Bộ sưu tập các bài kệ Kinh Pháp Cú (Collection Of Verses. Dhammapada); Kinh điển Phật giáo Đại thừa (Buddhist Mahayana Texts); Những Văn Bản về Giới Luật (Vinaya texts).

Ngoài việc biên tập hai loạt sách này, Max Muller đã viết rất nhiều tiểu luận và những bài báo về các đề tài khác nhau về giáo lý nhà Phật.

Bác bỏ thuyết đoạn diệt

Ông là một trong những học giả đầu tiên bác bỏ quan điểm cho rằng Phật giáo là thuyết đoạn diệt.

Trong số những người có quan điểm này có thầy của ông, nhà Đông phương học người Pháp Eugene Burnouf. Ông viết: “Xét theo nhân tính của tất cả các thời đại ở tất cả những xứ sở, phải nói rằng chúng ta không thể nào tin rằng nhà cải cách của Ấn Độ, vị thầy của những nguyên tắc đạo đức hoàn hảo, vị thái tử trẻ tuổi đã bỏ tất cả

Dhammapada, a collection of verses; being one of the canonical books of the Buddhists

Friedrich Max Müller

những gì mình có để giúp những người mà ngài thấy đau khổ từ thân, tâm và hoàn cảnh, lại có thể nghĩ tới thuyết đoạn diệt mà ngài biết rằng những người mà mình muốn giúp sẽ hiểu lắm, hoặc không hiểu gì cả. Ngài sẽ không bỏ công sức của mình hay bảo các đệ tử của mình hy sinh để quẳng bỏ một trong những vũ khí mạnh nhất trong tay của bất cứ một vị giáo chủ nào, tức là không có niềm tin vào một đời sống tương lai sau kiếp hiện tại”.

Ra đời ngày 6 tháng 12 năm 1823, ở Anhalt-Dessau, Đức quốc, Max Muller là con trai của Willelm Muller, một thi sĩ nổi tiếng đương thời. Là nhà ngữ văn cổ ở tuổi 28, Wilhelm cũng là hiệu trưởng một trường trung học. Sau đó ông trở thành giám đốc thư viện công quốc Anhalt-Dessau tại thành phố quê hương của mình.

Các thi sĩ, họa sĩ, văn sĩ và nhạc sĩ làm bạn với ông và với người vợ có tài năng và học thức của ông, thường tới viếng thăm nhà của ông. Ông đặt tên cho con trai của mình là Friederich theo tên của Friederich Leopold, Công tước Anhalt-Dessau, một người bạn của gia đình ông.

Tiến sĩ ngữ văn 20 tuổi

Gia đình Muller có hạnh phúc nhưng không lâu dài, vì vào năm 1827, Wilhelm qua đời ở tuổi 33, để lại người vợ trẻ, một con gái 8 tuổi và Max, 4 tuổi, trong một hoàn cảnh khó khăn. Nhưng đã có những người bạn giúp đỡ họ, Tiến sĩ Carus, một người bạn của Wilhelm, đưa Max về nhà của ông ở Leipzig và cho Max đi học ở đó.

Nhà của Tiến sĩ Carus cũng là nơi gặp gỡ của các thi sĩ, họa sĩ, văn sĩ và nhạc sĩ. Họ thấy Max Muller là một cậu bé có nhiều tài năng. Max cũng muốn học nhạc, nhưng nhạc sĩ nổi tiếng Felix Mendelssohn khuyên ông đừng theo nghiệp âm nhạc, vì vậy ông quyết định nghiên cứu ngữ văn.

Được coi là một thần đồng, Max nhập học Đại học Leipzig ở tuổi 17, và lấy bằng tiến sĩ ngữ văn ở tuổi 20, vào năm 1843. Lúc còn trẻ tuổi ông đã tiếp xúc với những nhà đại trí thức như Lotze, Georg Forsters, Herder, và Goethe, là người ca tụng thi ca và văn hóa Ấn Độ cổ đại. Những vị này gây ấn tượng nhiều cho ông. Ông thảo luận những vấn đề sâu xa của tư tưởng Ấn Độ với Schopenhauer (triết gia Đức). Nỗ lực văn học đầu tiên của ông là bản dịch tiếng Đức “Hitopadesa”, một bản kinh tiếng Sanskrit, được xuất bản năm 1844.

Sau đó ông đến Berlin, nơi Frans Bopp giới thiệu cho ông khoa học Ấn Đức mà ông này đã đặt ra. Frederich Ruchert cho Max tham dự những hoạt động văn học của mình và dạy ông nghệ thuật phiên dịch. Ông rất thích những bài diễn thuyết của Schelling, và ông thuộc nhóm bạn của Theodor Fontane, là người khen ngợi Max rất nhiều. Dần dần và một cách vững chắc ông đã vượt qua một số vị thầy của mình.

Thế giới mới của Vệ-đà và Phật-đà

Tháng Ba năm 1846, Max đến Paris, thành phố có sức thu hút đặc biệt đối với các nhà Ấn Độ học và là nơi Antoine Leonard De Chezy và sau đó là Eugene Burnouf đã sống. Nhờ có Burnouf mà ông biết đến giáo lý Vệ-đà (Veda) và Phật giáo. Những bài diễn thuyết của Burnouf về những bài thánh ca của Vệ-đà mở ra một “thế giới mới” cho Max, như ông đã viết trong tiểu sử tự thuật của mình. Được Burnouf gây cảm hứng, ông quyết định biên tập kinh “Rigveda” và để làm việc này ông đã đến London nơi có văn bản chép tay của cuốn kinh. Đây là một công việc lớn lao và tốn kém. Christian Karl Josias, Nam tước Von Bunson, đại sứ nước Phổ ở triều đình Anh quốc và Công ty Đông Ấn Độ đã tài trợ cho công trình này của ông.

Ở thư viện Bodleian, Max Muller tiếp xúc với giáo sư Wilson thuộc Đại học Oxford, dịch giả của bản anh hùng ca “Ramayana” và là người thuyết phục ông sống ở Anh quốc. Năm 1848 ông định cư ở Oxford, và năm 1849 sau khi xuất bản tập đầu tiên của “Rigveda” ông được Đại học Oxford mời diễn thuyết về môn triết học đối chiếu. Từ đó trở đi Max Muller nổi tiếng dần dần. Ông trở thành giáo sư ngôn ngữ Âu châu hiện đại năm 1854, thành viên của ban giám đốc trường All Soul College năm 1858, và quản thủ thư viện Bodleian năm 1856. Trước đó ông được trao tặng bằng M.A danh dự và là một thành viên của Giáo hội Christ.

Năm 1868, chức giáo sư ngữ văn được đặt ra tại Đại học Oxford và theo quy chế, Max Muller trở thành giáo sư đầu tiên của môn này. Ông tiếp tục giữ chức vụ này cho đến khi qua đời.

“Rigveda trong sáu cuốn”

Sau 25 năm biên soạn, Muller cho xuất bản cuốn “Rigveda” một trong sáu tập sách lớn khác, và đây là đóng góp lớn nhất của ông cho Ấn Độ học. Đến nay cuốn sách vẫn này còn là bản đáng tin cậy nhất. Đối với Max Muller thì điều khó tin là “Rigveda”, vốn được xem là một sự thần khải có thẩm quyền tôn giáo cao nhất, lại chưa bao giờ được ấn hành trước đây, và vẫn nằm ở trong tay giai cấp tu sĩ. Chỉ có một ít người chống lại việc xuất bản cuốn sách này. Đa đa số chấp nhận cuốn này với lòng biết ơn. Ngay cả các tu sĩ Ấn giáo cũng dùng cuốn kinh này trong việc sửa chữa những bản chép tay của họ.

Một trong những tác phẩm hay nhất của Max Muller là *Ấn Độ có thể cho ta những gì?* (India, what can it teach us?). Mục đích của cuốn này là giải trừ thành kiến chống lại Ấn Độ, mà ông gọi là một sự suy thoái đạo đức và những lời nói dối. Khi đọc cuốn sách này người ta sẽ ngạc nhiên vì tác giả không có kiến thức trực tiếp mà lại có thể viết về xứ Ấn Độ và người dân Ấn Độ với những chi tiết sống động như vậy. Khi còn trẻ ông không có đủ tiền để viếng thăm Ấn Độ và về sau khi đã có tiền thì ông lại không có thời giờ.

Ông viết: “Giống như những học giả cổ đại trước đây muốn đi thăm La Mã hay Athens, tôi cũng muốn tới thành phố Benares và tắm trong dòng nước thiêng của sông Hằng” (Just as scholars of the ancient classical days longed to see Rome or Athens, so do I long to see Benares and to bathe in the holy waters of the Ganges).

Thái độ của ông đối với những vấn đề của Ấn Độ là thái độ của một người Ấn yêu nước. Người Ấn Độ kính trọng ông như một người bạn quý của đất nước họ.

Cuốn “Cabinet Portrait Gallery”(1893) viết “Giáo thuyết của ông có thể được mô tả là một sự phản đối lâu dài chống lại chủ nghĩa duy vật trong mọi hình thức của chủ nghĩa này. Ông mang thông điệp của mọi chủng tộc Aryan cổ đại đến cho thế giới ngày nay” (His teaching may be described as a long protest against materialism in all its forms. He brought the message of Aryan antiquity before the modern world).

Anh quốc công nhận ông là một công dân xứng đáng và đối xử với ông rất tốt, nhưng Max Muller không cảm thấy hoàn toàn thân thuộc với xứ sở này cho tới khi ông kết hôn với Georgina Grenfell vào năm 1859.

Ở nước Anh, ông nổi tiếng đến mức Nhật báo “The Times” ở Luân Đôn luôn luôn dành những cột báo cho những bài viết của ông. Ông là người cổ võ mạnh mẽ cho sự hợp tác mật thiết hơn giữa Anh quốc và Đức quốc. Nữ hoàng Victoria rất coi trọng ông.

Diễn văn về tôn giáo ở Westminster

Năm 1873, theo lời mời của Khoa trường Stanley, Max Muller đọc một bài diễn văn về tôn giáo ở nhà thờ Westminster Abbey, người thế tục đầu tiên làm điều này. Tờ “The Times” mô tả đây là “một sự kiện độc nhất vô nhị”.

Có lần ông viết: “Có thể nói rằng tất cả những người thực sự vĩ đại có ba đời sống, một đời sống được thế giới bên ngoài trông thấy và chấp nhận; đời sống thứ hai chỉ được thấy bởi những người bạn thân, đó là đời sống tại gia; và đời sống thứ ba chỉ được nhìn thấy bởi chính đương sự và bởi Đấng biết lòng người” (All really great men, may be said to live three lives - there is one life which is seen and accepted by the world at large, a man’s outward life; there is a second life, which is seen by a man’s intimate friends, his household life; and there is a third life, seen only by man himself and by Him who searches the heart).

Cuốn “The Cabinet Portrait Gallery” nói rằng từ những tác phẩm của Max Muller, người đọc có thể nhận thấy trong tất cả ba đời sống của ông, ông thực sự là một con người vĩ đại.

Ông hạnh phúc trong đời sống gia đình và là bạn thân của Bunsen, vì hai người có cùng sở thích công việc nghiên cứu và có cùng một niềm tin tôn giáo đơn giản mà phóng khoáng. Trong số những người bạn thân nhất của ông là Charles Kingsley và Dean Stanley. ■

Tổng hợp theo tài liệu:

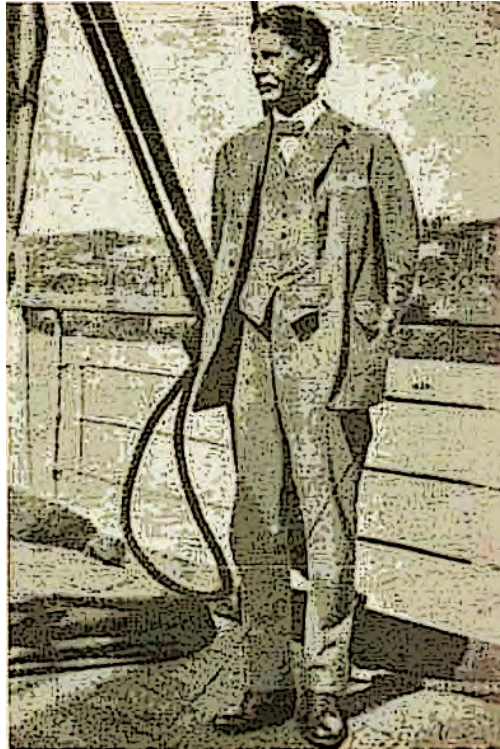
- *The Western Contribution to Buddhism* - William Peiris (1973). Motilal Banarsidass Publications, Delhi, India.

- *Phật Giáo Khắp Thế Giới* (2006), Melbourne, Australia. Thích Nguyên Tạng.

- <http://www.yrec.info/contentid-78.html>.

- http://en.wikipedia.org/wiki/Main_Page.

- <http://www.wordtrade.com/society/mullermax.htm>.



“Chư tôn thiên đức Phật giáo Thuận Hóa”

THÍCH TRUNG HẬU - THÍCH HẢI AN

LTS: Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được cuốn “Chư tôn Thiên đức Phật giáo Thuận Hóa” tập III do Hòa thượng Thích Trung Hậu gửi tặng. Chúng tôi xin đăng tải bài “Lời nói đầu” in trên đầu sách để giới thiệu cùng quý độc giả.

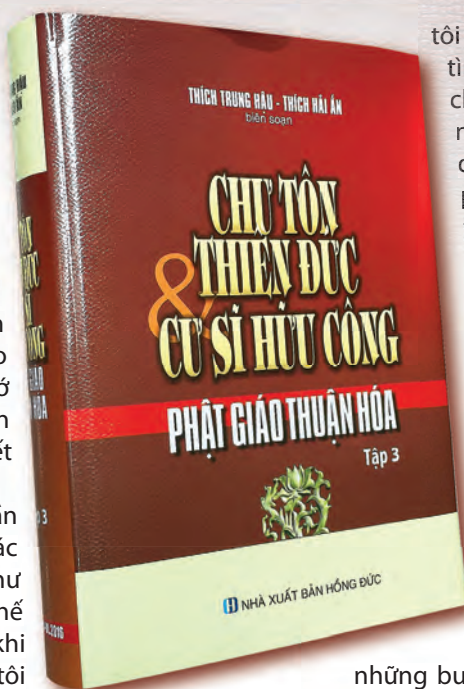
Năm 2010, chúng tôi đã biên soạn cho ra mắt cuốn “Chư tôn thiên đức Phật giáo Thuận Hóa”. Năm 2011, chúng tôi đã trình quý độc giả tập I và tập II “Chư tôn thiên đức và cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa”; đến nay, 2016 là tập III nối tiếp.

Trong tập III này, chúng tôi biên soạn tài liệu về 59 chư tôn đức Tăng, 22 vị tôn đức Ni và 35 vị cư sĩ hữu công, kèm theo các bài tường niệm, các bài tường nhớ công đức. Ngoài ra còn có một số chư tôn đức, cư sĩ đáng lẽ có danh sách và bài viết trong tập I hoặc tập II nhưng thiếu sót.

Việc bổ sung thêm khiến mất đi phần nào ý nghĩa của việc sắp xếp thứ tự các vị theo thời gian xả bỏ nhục thân của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử hữu công. Thế nhưng đây là sự việc không tránh khỏi khi công việc sưu tầm tài liệu của chúng tôi chưa thật đầy đủ, theo hệ thống như mong muốn; trong khi còn biết bao nhiêu nhân vật Phật giáo Thuận Hóa quan trọng mà chúng tôi chưa tiếp cận được tài liệu liên hệ.

Địa danh Thuận Hóa có nguồn gốc từ năm 1306 khi vua Trần Anh Tông nhận hai châu Ô và Lý thuộc Vương quốc Chăm và đổi thành châu Thuận và châu Hóa (Ô và Lý), nay là Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế. Châu Ô châu Lý ngày xưa là vùng đất hoang sơ, người thưa thớt; nhưng trong bối cảnh Phật giáo hai nước Chăm và Việt đang thịnh, lại có sông, núi đẹp đẽ, hẳn đã có chùa, có sư, có Phật tử. Hình ảnh Phật giáo nơi đây càng lúc càng đậm nét qua bao thời gian: gần ba trăm năm sau, khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558); củng cố, chuẩn bị (1603) cho đến khi trở thành kinh đô trong thời các vua Nguyễn; và từ sau 1975, chùa chiền, Tăng Ni Phật tử phát triển, lập chùa, trùng tu chùa; đến nay Thừa Thiên-Huế có đến hơn 300 ngôi chùa, chùa kể các am cốc, chùa nhỏ chưa được thống kê.

Thời gian vừa qua, chúng tôi chỉ cố gắng sưu tập tài liệu, dù chưa đầy đủ, về chư tôn túc Tăng Ni, Phật tử hữu công của Thừa Thiên-Huế đã viên tịch. Chúng



tôi nghĩ, nếu mở rộng cuộc truy tìm tài liệu về chư vị ấy từ thời châu Ô, châu Lý (1306) đến nay và cả về sau nữa thì nội dung công trình sẽ rất phong phú và do đó đòi hỏi nhiều thời gian, công sức của nhiều người và hoàn cảnh phải thuận lợi.

Công sức của chúng tôi dành cho việc sưu tập này trong gần mười năm qua chủ yếu là sưu tập tài liệu, sắp xếp tạm thời để in ấn, sợ để càng lâu thì việc truy tìm càng khó.

Tập III này, và hai tập I, II trước cùng với cuốn “Chư tôn thiên đức Phật giáo Thuận Hóa”, vẫn chỉ là những bước đầu cho một công trình

dài hơi mà chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để tiếp tục; đồng thời cũng mong rằng sau này có những vị thiện tâm, có điều kiện sẽ đính chính, bổ sung những thiếu sót; hoặc có thể sắp xếp lại theo nhiều cách để tiện tra cứu. Ví dụ, xếp loại riêng về chư tôn đức Tăng, Ni, cư sĩ hoặc xếp theo thứ tự A, B, C cho việc xếp chung hay riêng từng loại, v.v.

Chúng tôi chỉ có tấm lòng, sự nỗ lực để thực hiện một công trình lớn, hẳn là vượt quá khả năng của mình; nhưng nghĩ đến công ơn của Tam bảo, của Thầy Tổ, của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử, ân nhân, thân hữu, chúng tôi chỉ mong công việc tiến hành càng nhiều càng tốt và đến đâu hay đó, miễn sao báo đáp được phần nào các trọng ân mà chúng tôi đã thọ nhận từ lúc sinh ra và gia nhập đời sống tu học, thực hành Phật pháp.

Trân trọng.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Từ Đàm, mùa Phật đản, Phật lịch 2560 -

Trọng Thu, Bính Thân (DL.2016)

Tỳ-kheo Thích Trung Hậu - Tỳ-kheo Thích Hải Ấn ■

Tự sám Vu lan

NHẬT TUYÊN

Kính lạy Phật tam thế
Bồ-tát chúng hà sa...
Chân tu Đại Tăng-già
Từ bi xin nhiếp thọ
Được thân người thật khó
Công dưỡng dục mẹ cha
Ơn nghĩa tựa sơn hà
Làm sao con trả được
Nay gặp ngày thắng phước
Lễ Tự tứ Vu lan
Phẩm vật đủ nghiêm trang
Chí thành con hiến cúng
Nguyện hiện tiền Tăng chúng
Thương xót tiếp nhận cho
Chú nguyện khi nạp thọ
Phước báo này sẵn có
Hồi hướng khắp mẹ cha
Muôn nẻo khổ rên la
Siêu sinh về Tịnh độ
Bây đời vừa quá cố
Tất cả đặng siêu thăng
Hiện tại nơi dương trần
Phát tâm nương Tam bảo
Rồi sau khi xả báo
Được sanh về Lạc bang
Ngự nơi đóa sen vàng
Tiên tu thành Phật đạo
Tận mười phương Tam bảo
Chứng rõ lòng thành con
Nguyện cầu được vương tròn
Hiếu tâm con mãn nguyện!

Vu lan nhớ mẹ

TÁNH THIỆN

Vu Lan nhớ mẹ bao giờ
Dù bao cách biệt hai bờ đại dương
Mẹ là bài hát quê hương
Là đôi vai nhỏ chín thương sớm chiều.

Ra đi ai chẳng nhớ nhiều
Tiếng ru ngào ngạt thấm thùi ruột đau
Việt Nam tiếng gọi hôm nào
Ngàn trùng xa cách dạt dào tình quê.

Nắng mưa trọn một lời thề
Tấm lòng của mẹ không hề nhạt phai
Đêm về thấp nén hương bay
Cầu cho cha mẹ kiến khai đạo vàng .

Nghìn dặm tôi đi

HOANG PHONG

Ngày xa mẹ,
Tám phương trời, mười phương Phật,
Tôi ra đi nghìn dặm,
Trên lưng vác cả trăng sao.

Gửi về cho mẹ,
Tôi tung cả nghìn sao lên trời.
Vàng trắng giữ lại, tôi nguyện vác trên vai.
Trăm tình cha, nghìn nghĩa mẹ, xin cống hết trên lưng.

Trăm nẻo một kiếp người,
Tôi ra đi nghìn dặm.
Trữ tình cha, oằn nghĩa mẹ, trên đôi vai gánh nặng.
Vàng trắng tôi xin đội lên đầu.

Cứ thể tôi ra đi,
Hun hút con đường nào vạn nẻo?
Nếu có ai muốn biết tôi đi đâu?
Thì chớ hỏi sự cam nín của nghìn sao.

Mà hãy lắng nghe khe khẽ,
Tiếng róc rách của suối chôn rùng sâu,
Tiếng thì thầm của côn trùng trong cỏ dại,
Tiếng rạt rào của bọt sóng ngàn khơi.

Lời của đá

NGÔ VĂN CƯ

Ta ngồi với đá vô tri
Chợt nghe hình khối thăm thì lời quê.

Nghe trong sâu thẳm sơn khê
Tiếng im lặng, tiếng bộn bề núi sông
Nghe trong đồng ruộng mệnh mông
Yên bình con sáo sang sông vui cười
Nghe trong từ mỗi cuộc đời
Tình yêu nhân thế bao người tìm nhau.

Đá thăm nói với muôn sau
Vô ngôn mà nhuộm nỗi đau nhân tình
Lòng ta thấm đá cũng mềm
Lắng nghe đá nói trước thềm thiên thu.





Tao nôi bốn sợi dịu êm

TRƯỜNG KHÁNH

Tao nôi bốn sợi dịu êm,
Con lớn khôn cùng năm tháng,
Một đời mẹ luôn xứng đáng,
Cho con cuộc sống đàng hoàng.

Tao nôi bốn sợi dịu êm,
Bầu sữa thơm ngon dịu hiền,
Công mẹ bao la trời biển,
Lời mẹ tiếng hát thần tiên.

Tao nôi bốn sợi dịu êm,
Àu ơi tiếng võng ru hời,
Mưa nắng bốn mùa qua mãi,
Dìu con từng bước vào đời.

Tao nôi bốn sợi dịu êm,
Uớt mẹ nằm - ráo con lăn,
Nuốt đắng - dành con lịm ngọt
Thương con mẹ gánh nhọc nhằn.

Tao nôi bốn sợi dịu êm,
On mẹ ngàn kiếp không quên,
Bóng mẹ cả đời phủ mát,
Cho con sống trọn ước nguyện.

Bàn tay mẹ

TỊNH BÌNH

Chai sạn theo tháng theo năm
Đôi bàn tay mẹ nhọc nhằn ngược xuôi
Vết thời gian nổi ngậm ngùi
Nghiêng vai mẹ gánh buồn vui nổi đời
Cho con tươi sáng rạng ngời
Bao nhiêu cơ cực không lời oán than
Cầm tay mẹ... lệ chứa chan
Lòng trĩu nặng ơn sinh thành mẹ ơi!

Tiền Mẹ

PHẠM THỊ THANH VÂN

Mẹ đi gọi lại nụ cười
Hoa trong vườn nở thay lời tiền đưa
Mưa về mái phố lúa thừa
Tiếng chim hót cũng cho vừa nhớ mong

Mẹ đi giấc ngủ còn nồng
Ngỡ như mai sớm lại trông thấy Người
Con chưa chuẩn bị đủ lời
Để đưa tiền Mẹ về trời sắc không

Trời xanh xanh biếc mênh mông
Tìm đâu đáng Mẹ chờ trông mỗi chiều
Trong con còn biết bao điều
Về bên gối Mẹ với nhiều gói trao

Biển kinh con tụng hôm nao
Nay con tụng lại lệ trào trào dâng
Cầu mong Mẹ già cõi trần
Tiêu dao cõi Phật muôn phần an vui

Trôi đi bao nổi ngậm ngùi
Còn trong ký ức mãi mùi hương xưa
Khoan thai đáng Mẹ lên chùa
Vàng nâu áo Mẹ mây mùa sương bay

Trong con Mẹ vẫn còn đây
Vẫn ngày vẫn tháng đong đầy yêu thương
Vu lan tháng hội ngát hương
Đề thơ tặng Mẹ tỏ tường ơn sâu

À ơi câu hát năm nao
Thân cò lặn lội bờ ao bốn mùa
Trăm năm đời Mẹ là thơ
Cho con mộng giấc mơ xưa ngọt ngào.

Niềm mong mỏi của con

AN VIÊN NGUYỄN ĐÌNH THU

Kéo tấm cửa ngõ bằng tre bước vào, vợ chồng anh Quang đi tới cầu ao trước nhà vội rửa chân tay hãy còn lấm lem bùn đất, đặt gọn lại hai cái cuốc ở góc tường để chiều còn đi cuốc bờ tiếp. Ngoài vườn, mẹ con nhà gà vẫn tục tục, chiêm chiếp liên hồi. Chỉ có mấy bụi chuối là đứng im đội ánh nắng hè gay gắt. Nắng chiếu thẳng xuống nền sân xi-măng nóng bỏng làm vợ chồng anh phải bước vội vào nhà, để lại dấu chân ướt phứt chốc tan biến. Nhà im ắng lạ! Sau cánh cửa phòng khép hờ, Thủy vẫn ngồi trầm ngâm, mắt đăm đăm nhìn ra vườn qua khung cửa gỗ đã mọt.

Từ hôm thi xong kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, Thủy cứ im lặng, tần ngần như thế. Cô gái thích ngồi ở cái bàn học trong phòng một mình, hai tay chống cằm, nghĩ ngợi điều gì đó xa xăm. Cô gái không biết hôm nay nắng gắt, bố mẹ đi làm đồng về sớm hơn mọi ngày, mà có lẽ nó cũng chẳng để ý đến điều đó.

- *Thủy, chuẩn bị cơm nước gì chưa con?* Tiếng chị Hà từ nhà ngoài nói vọng vào. Thủy từ tốn trả lời:

- *Dạ, con nấu ngay đây mẹ.*

Cô gái bước ra ngoài với vẻ mặt trầm trầm, cầm nồi cơm điện trước, rồi ra vườn hái nắm mồng tơi để nấu canh. Trời mỗi lúc một nắng, trán cô đã nhỏ giọt mồ hôi. Cô đưa cánh tay áo lên gạt vội rồi tiếp tục hái rau cho đủ bữa. Đôi má cô ửng hồng trên làn da phơn phớt trắng trông thật xinh xắn. Cô loay hoay nhặt rau, nấu canh, rồi nổi cá nục kho cũng đã dậy mùi thơm phảng phất.

Ngoài sân nắng vẫn như đổ lửa, hơi nóng hầm hập từ trên mái ngói bắt đầu phủ xuống nền nhà. Chị Hà uể oải đứng dậy lo cho mấy con lợn đang nhẩy lên, vịn chân vào cửa chuồng réo đòi ăn inh ỏi. Còn anh Quang vẫn ngồi thừ trên chiếc ghế băng trước chiếc quạt máy đang quay rè rè. Thấy bé Thủy, cô con gái đầu, cứ chốc chốc chạy lên nhà rồi xuống bếp lo cơm nước cho bố mẹ, anh cũng thấy đỡ mệt hơn. Anh chị lâu nay vẫn tự hào với hàng xóm, bạn bè về cô con gái của mình, đã chăm chỉ học tập lại còn biết lo cho bố mẹ bao nhiêu việc nhà. Đã thế cô gái còn là học sinh giỏi cấp tỉnh về môn Văn nữa chứ. Nghĩ thế, lòng anh thấy hãnh diện lắm.

Nghe tiếng xe đạp lạch cạch từ ngoài ngõ, anh Quang biết thằng Long, con trai út của anh đã đi học về. Mới ngày nào còn bé như cái kẹo, đen nhẻm thế mà năm nay nó đã chuẩn bị vào lớp chín, cái năm cuối cấp nên nó đã lo theo bạn đi học thêm ở nhà thầy cô từ bây giờ.

Đúng lúc em trai về, Thủy cũng đã bày biện xong đồ ăn trên bàn, cô bé don đả gọi mời:

- *Mẹ ơi, vào ăn cơm!*

Anh Quang cũng đã đứng dậy, cả nhà quây quần bên bàn ăn. Mùi cơm gạo mới, mùi cá kho lẫn vào nhau như mời gọi mọi người mau chóng ăn cho đỡ đói. Thằng cu Long, mồ hôi chảy từ trán xuống tóc mai, cứ ăn xong nửa bát cơm với cá, nó lại chan canh và ào ào, chẳng mấy chốc đã xong ba, bốn bát rồi đứng dậy chào cả nhà. Thủy vẫn từ tốn ngồi ăn cùng bố mẹ, nó chẳng nói cũng chẳng hỏi han gì, khác với trước đây nó hay bắt chuyện và mau miệng lắm. Hiểu được tâm trạng của con, chị Hà gạn hỏi:

- *Con định đăng ký vào học ngành nào, trường nào?*

Tay hạ bát cơm xuống lưng chừng, tay cầm đôi đũa chúc xuống bàn, nó nuốt cho xong miếng cơm, nhìn chị đáp:

- *Để biết điểm thế nào đã mẹ ạ.*

- *Nhưng mẹ thấy con làm bài tốt mà, chắc là không sao đâu con!* Chị Hà an ủi con với vẻ mặt và ánh mắt nhìn đầy tin tưởng.

Nó tiếp lời:

- *Nếu được, con sẽ đăng ký học Sư phạm Ngữ văn bố mẹ nhé?*

Qua khước mắt đã in rõ những vết nhăn hình chân chim trên khuôn mặt ngăm đen, anh Quang nhìn con mỉm cười:

- *Thì bố mẹ có cấm con học gì đâu. Con cứ học ngành nghề con thích, miễn sao cố gắng học cho tốt là được.*

Hỏi vậy thôi chứ vợ chồng anh Quang biết rõ con bé có khiếu văn chương, và lại chỉ thích làm cô giáo dạy Văn. Nó thường kể cho mẹ nó nghe về cô Len dạy Văn trên lớp bằng cả sự ngưỡng vọng, yêu mến hết sức; nào là cô có những liên hệ, gợi mở rất hay, nào là giọng cô truyền cảm, nhất là sự duyên dáng của cô trong những bộ áo dài thứ hai hàng tuần...

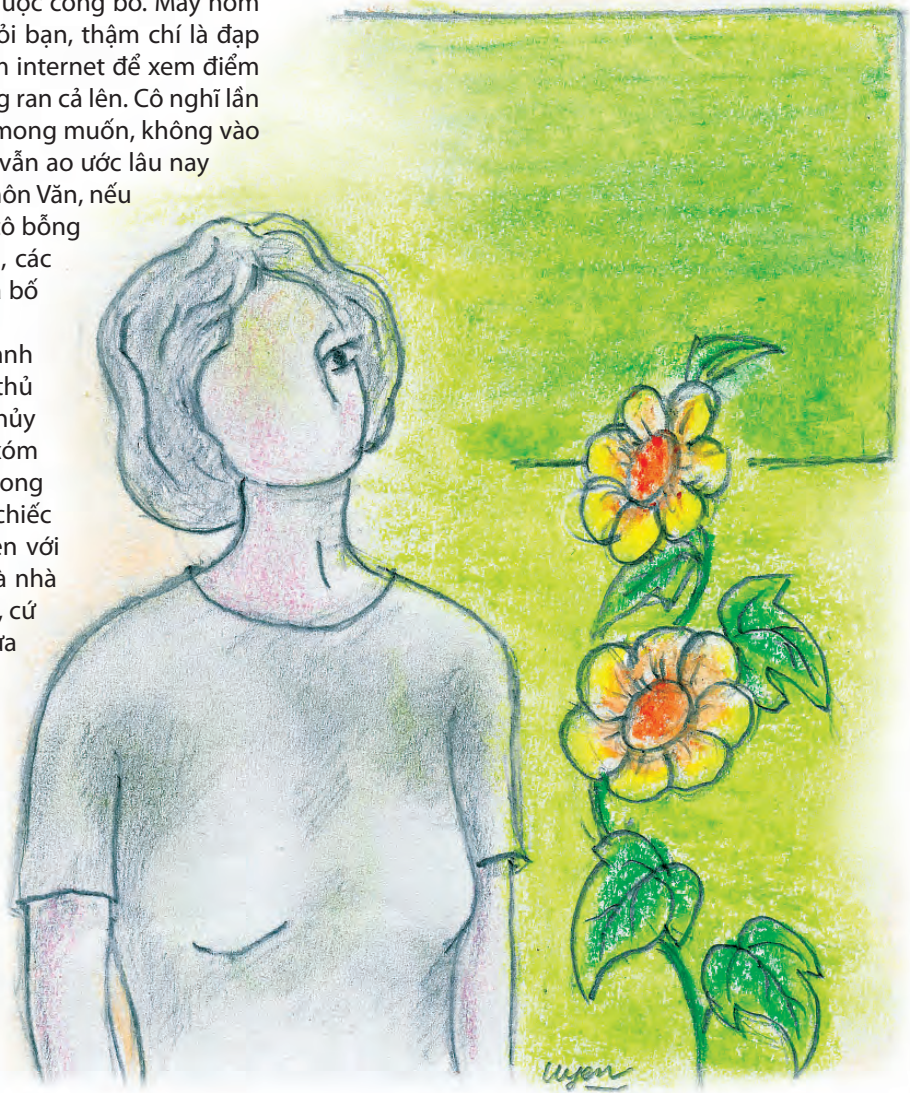
Chiều đến, gió nồm nam bắt đầu thổi qua mặt ao, đưa hơi nước vào nhà diu diu. Máy tàu lá chuối ngoài vườn và cả mấy cành đu đủ trên bờ ao đã lay lay, chao qua chao lại. Bóng mái nhà đổ chênh chếch xuống sân một khoảng. Cũng đã hơn bốn giờ rồi. Thủy xuống bếp lấy cái thùng tưới ra ao, nghiêng thùng vục xuống mức đầy nước. Tùng tưới nước hơi nặng, cô bé phải gồng mình đến nghiêng người mới có thể xách được để tưới cho từng gốc mồng tơi đang khát khô cả người. Tùng tia nước bắn qua miệng vòi tưới phóng xuống mặt đất khô nghe xèo xèo, mùi đất nóng gặp nước bốc lên ngai ngái. Nó thích để lại một ít nước trong thùng tưới dội xuống bàn chân trên mặt vườn cho mát rồi lại tiếp tục đi lấy thùng nước tưới khác. Cứ thế, mấy luống mùng tơi, vài gốc ớt, gốc đu đủ và cả bụi mướp sắp leo lên giàn tre ở ngõ đã được cô bé tưới tắm cẩn thận. Cô bé thực hiện như thói quen hàng ngày, như cố làm cho xong trước khi bố mẹ về chứ không thấy hứng thú gì cả. Vẫn với vẻ mặt trầm ngâm, đầu cô đang nghĩ đến số điểm của các môn thi sắp được công bố. Mấy hôm nay cô gái vẫn nghe ngóng hỏi bạn, thậm chí là đạp xe ra ngoài đường cái vào tiệm internet để xem điểm thi có chưa. Lòng dạ cô cứ nóng ran cả lên. Cô nghĩ lần này không được số điểm như mong muốn, không vào được cái trường sư phạm như vẫn ao ước lâu nay thì sẽ buồn biết mấy. Nhất là môn Văn, nếu bị điểm thấp thì... Trong đầu cô bỗng hiện lên hình ảnh cô giáo Len, các bạn trong lớp, hàng xóm và cả bố mẹ nữa.

Khác với mọi ngày chỉ quanh quẩn trong nhà hoặc tranh thủ chạy ra quán nét, tối nay, Thủy theo mẹ sang nhà bà Tú hàng xóm chơi. Tối nào cũng thế, sau khi xong việc, chị Hà thường cầm theo chiếc quạt nan sang ngồi nói chuyện với bà Tú trước hiên nhà. Chẳng là nhà bà Tú nhìn ra ngoài cánh đồng, cứ tối đến, gió ngoài đồng lại đưa vào từng cơn mát rượi. Đã thế, hôm nay lại đang tuần trăng mọc.

Để kệ cho hai người chuyện trò, Thủy ngồi một mình trên thành sân cách đó một khoảng không xa. Chẳng qua là cô gái không muốn nói chuyện, vì ngại rằng biết đâu bà Tú lại hỏi chuyện thi cử của mình thì cô sẽ không biết phải trả lời thế nào. Để xoa mái tóc ngang

vai hong gió còn thoang thoảng mùi dầu xả, ánh mắt cô gái dõi theo bóng trăng. Vầng trăng đang ngả mình bóng bẽnh trên cao giữa muôn ngàn vì sao ganh đua lấp lánh. Trăng hôm nay còn khuyết, chưa được sáng lắm, đã thế lâu lâu, một vài đám mây đen lại trôi qua che khuất. Cô gái chợt nghĩ, có khi nào ước mơ của mình trong năm nay lại không thực hiện được như vầng trăng còn khuyết kia. Nếu các bạn đỗ đạt hết mà mình lại rớt thì sẽ ra sao? Biết làm gì đây? Nghĩ vậy, đầu cô gái cứ rối tung lên.

Mấy tối nay đi ngủ, Thủy thích nằm ôm mẹ. Hình như cô gái cảm thấy đỡ lo và có cảm giác yên tâm hơn khi nằm bên mẹ thì phải. Biết là hơi khó chịu nhưng chị Hà cứ để con như vậy. Nằm mãi, cô bé cũng thiếp đi, từng nhịp thở đều đều sâu giấc dần. Trên môi cô gái thỉnh thoảng mấp máy, có khi là cái cười thật tươi. Cô thấy mình đang giảng Văn trong bộ áo dài thướt tha trước cái nhìn chăm chú của đám học trò... ■



Nhớ

HUỲNH NGỌC CHIẾN



Không hiểu sao tôi luôn nghĩ rằng người nào không có tuổi thơ gắn liền với một cánh đồng quê hay một con phố cũ đều phải chịu nhiều mất mát. Cái ý nghĩ chủ quan và kỳ cục đó không sao tôi bỏ được. Có lẽ vì tuổi thơ của tôi đã gắn liền với một con phố nhỏ hiền hòa của một thị trấn tỉnh lỵ bé nhỏ, bé nhỏ đến nỗi tôi ngỡ ta sẽ hoài công tìm nó trên mọi tấm bản đồ địa lý với bất kỳ tỷ lệ nào.

Tôi thường tự hỏi những người suốt đời sống trong những tòa cao ốc, suốt đời cứ giam mình trong những khối bê-tông khổng lồ và sang trọng kia, họ sẽ tìm đâu được một phương trời ấm áp để quay về, dù chỉ trong trí tưởng, khi cuộc đời đã bắt đầu nhuộm bóng hoàng hôn? Con người đôi khi cảm thấy thấy lạc loài vì cứ bị cuộc đời và cứ để cuộc đời đẩy đi xa mãi. Từ thuở hoa niên, chúng ta đã đáp xuống thuyền để trôi theo cơn lũ của cuộc sống. Trôi đi. Trôi đi mãi. Như một tảng đá cứ lăn, lăn mãi và không có thời gian dừng lại để cho ký niệm kịp bám vào đó một đám rêu xanh.

Nếu như ban ngày ta thấy các cánh chim có thể bay khắp các phương trời, nhưng khi bóng chiều buông xuống thì dường như tất cả chúng đều hồi hả bay về một hướng, đó là đường bay về tổ ấm. Có phải chăng đó cũng là hình ảnh của con người sau những tháng năm trôi nổi ngược xuôi? Không phải cứ phiêu bạt Bắc Nam mới là lênh đênh rong ruổi, mà suốt đời sống yên một chỗ cũng vẫn là phiêu bạt rong ruổi. Phiêu bạt trong tâm tưởng; phiêu bạt trong cảnh bể dâu, giữa lòng đời và lòng người; phiêu bạt trong tư tưởng; phiêu bạt trong đam mê hoài vọng. Và cuối cùng thì con người, vẫn như loài chim khi chiều xuống, thềm nhớ về một chốn bình yên. Với tôi, đó lại là những con phố cũ ngày thơ. Là con sông mùa cũ với những bóng sưa vàng. Là những hàng keo với tiếng ve râm râm mùa hạ. Nhớ lắm con phố cũ. Con phố không lẽ đường trở thành một bãi chiến trường mênh mông khi chiều xuống, trong trò chơi "bắn bành" của trẻ con. Một loạt súng miêng vang lên, thêm vài chú nhóc ngã xuống dưới mái hiên nhà, bởi những viên đạn tưởng tượng bay ra từ những ngón tay bé tí. Không chừng sau gốc cây gòn nơi góc phố lại có thêm mùi khói súng cũng nên!

Henry Miller - một nhà văn Mỹ - cho rằng "mục đích của cuộc đời là để nhớ" (The purpose of life is to remember). Vàng, sống là để nhớ, là để đi tìm lại thời gian đã mất. Không, thời gian không hề mất đi. Nó chỉ nằm yên, ẩn khuất trong tâm tưởng, và luôn chờ một

bước chân quay về, sau những tháng năm lang bạt kỳ hồ. Suốt một đời lao lười vất vả với lợi danh, lênh đênh cùng cơn áo, vất óc moi tìm cùng từng trang giấy để phơi bày tâm tình ra với nhân gian, cuối cùng có lẽ con người cũng chỉ tìm thấy bình yên trong những hoài niệm ngọt ngào. Sống là bao gồm cả nhớ. Và nhớ về khung trời ngày cũ, nơi ta có cảm giác bình yên, nơi chỉ có tình thương yêu, sự hồn nhiên và nhịp võng đưa theo tiếng ru "à ơ" của mẹ trong thời thơ ấu. Chỉ có nơi đó, nụ cười mới thực sự là nụ cười và nước mắt mới thực sự là nước mắt. Bước vào khung trời đó, ta dễ dàng bỏ lại sau lưng những nhọc nhằn vì cơn áo và bao phiền muộn giữa cõi nhân gian.

Cánh bướm mùa hạ bay lao xao trên hoa cỏ dại ngoài đồng nội. Con sông trôi dài trong ánh nắng chiều hôm. Một con rắn nước uốn mình trên bờ cỏ ven ao. Chú bé chân đất chạy lon xon trên con đường đất nhỏ để đào tìm hang dế. Trên cái gò đất ven sông là một ngôi miếu nhỏ. Ngôi miếu đổ nát hoang tàn kia sao như chứa đầy huyền thoại. Tiếng bụi tre kéo kẹt trong đêm nghe sao ma quái dị thường. Tiếng gà gáy sớm như làm tan động lớp sương mai. Rồi tiếng chim bồ câu gù gù trên mái ngói. Bầu trời xanh sao quá đổi thanh bình.

Ngoài đồng với những gốc rạ xám tro phơi, khói chiều đã bắt đầu bay lên cao rồi đó. Khói đang làm cay mắt những ai muốn tìm về quê hương của những chú cá lia thia trên cánh đồng trong cơn nắng hạ?

Mùa mưa năm nay dường như đến sớm. Tiếng mưa trên mái tôn nghe rất ồn ào, nhưng bạn làm sao quên được, khi được cuộn mình trong chăn đọc sách, với một chén bắp rang? Ngoài trời mưa cứ việc mưa, ta cứ việc lên thiên cung cùng Tôn Ngộ Không của *Tây du ký*, cứ việc xông xáo sa trường cùng Triệu Tử Long của *Tam quốc chí*. Chỉ năm ngày thôi là cơn lũ sẽ nhận chìm những đường phố của thị xã trong màu trắng đục của con nước từ nguồn cao đổ xuống. Để rồi cùng rủ nhau lội nước đến đầu cầu để xem những con cá ánh bạc nhảy lách tách trong những lưới vó được cất lên từ dòng nước lũ đục ngầu.

A, quê hương ấu thơ của tôi vẫn còn nguyên vẹn đây mà. Đường về khung trời tuổi thơ đang mở rộng để chờ bước chân ai đó. Trong mùi rơm khô thoang thoang phân bò đang cháy, bạn có nghe ra mùi hương dù dè dỏ không? Này anh bạn hãy đi cho êm nhé, không khéo lại trượt chân ngã xuống, để rồi chết đuối trong những vũng chiêm bao! ■

Nhân dịp

Tập Đoàn Hoa Sen

tổ chức lễ Kỷ niệm 15 năm thành lập
và đón nhận huân chương lao động hạng nhì.

Tạp chí

Văn Hóa Phật Giáo

Xin được chung vui và kính chúc
Tập đoàn Hoa Sen phát triển vững mạnh
và đạt nhiều thắng lợi.



THÔNG BÁO

CHIÊU SINH KHÓA VIII (2017-2021)

Căn cứ phiên họp ngày 26 tháng 7 năm 2016 (23/6/Bính Thân) của Ban Giám hiệu Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai, nay Ban Giám hiệu thông báo đến Tăng Ni sinh toàn quốc về việc chiêu sinh khóa VIII (2017-2021).

1. Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai đầu nhận Tăng Ni sinh toàn quốc có nhu cầu theo học. Nhà trường thực hiện cho Tăng Ni sinh tu học nội trú theo hình thức Phật học viện Báo Quốc - Huế, Phật học viện Hải Đức - Nha Trang, Phật học viện Huệ Nghiêm - Sài Gòn trước đây. Đồng thời tổ chức theo chương trình tu học 3 năm của Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay ấn định và 1 năm dự bị.

2. Điều kiện dự thi:

Tăng Ni sinh đã tốt nghiệp lớp 12, tuổi đời từ 18 đến 25, lý lịch tốt, sức khỏe tốt và chấp hành nội quy của nhà trường như sau:

- Phải ăn ở tu học nội trú 100%.
- Trong suốt 4 năm học không được sử dụng điện thoại di động cá nhân. Nếu có gì liên hệ với bốn sư và gia đình thì liên lạc qua số điện thoại bàn của nhà trường.
- Trong suốt 4 năm học được sử dụng máy vi tính cho việc học, nhưng học xong phải để lại phòng vi tính không được đem về phòng riêng.
- Phải chấp hành pháp luật, giới luật và nội quy của nhà trường.
- Khi bốn sư viên tịch, cha mẹ, ông bà nội ngoại qua đời thì được về lo tang lễ và khi 49 ngày thì được về lo lễ tạ ơn. Một năm được nghỉ hè 3 tháng theo Tết cổ truyền - Lễ Phật đản - Lễ Vu lan.

Trên đây là một số điều kiện nội quy tiêu biểu, Tăng Ni sinh nào nhận thấy thích hợp và chấp nhận được thì liên hệ với nhà trường để nhận và nộp hồ sơ theo mẫu của nhà trường phát hành.

3. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ: Từ ngày 01 tháng 09 năm 2016 (01/08/Bính Thân) đến ngày 29 tháng 12 năm 2016 (01/12/Bính Thân).

4. Thời gian tập trung về trường để ổn định và ôn thi: Ngày 16 tháng 01 năm 2017 (20/01/Đinh Dậu).

5. Thời gian thi tuyển cho biết sau.

6. Ngày khai giảng và tổng kết phát văn bằng cho khóa VII (2013-2017) vào tháng 03 năm Đinh Dậu (2017). Đồng thời, ngày này là ngày Đại lễ khánh thành chánh điện của cơ sở Tăng và cũng là ngày lễ về nguồn của các khóa 1 -> 6.

*** Nơi liên hệ hồ sơ tuyển sinh:**

- **Tăng sinh:** Tại cơ sở Tăng chùa Phật Hiện, Dốc 47, Quốc lộ 51 Biên Hòa - Vũng Tàu, ấp Miểu, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0919076446, 0161 6523146.

- **Ni sinh:** Tại cơ sở Ni chùa Huệ Giác, Cây số 67, Quốc lộ 51 Biên Hòa - Vũng Tàu, ấp 5, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0919076446, 0161 3558626.

Nhà trường không chấp nhận đơn xin nhập học khi Bốn sư còn sống mà xin Y chỉ với một vị khác.

Mọi chi phí ăn học nội trú tại trường do nhà trường lo liệu, Tăng Ni sinh không phải đóng một phí tổn nào khác.

Người lập
Phó Hiệu trưởng Thường trực
kiêm Chánh Thư ký
Nguyễn Thức

Đồng Nai, ngày 01 tháng 08 năm 2016

TM. BAN GIÁM HIỆU

Hiệu trưởng



Hòa thượng Thích Nhật Quang

Đồng kính trình:

- Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương.
- Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai.
- Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai.



Từ trái qua phải:

HT. Thích Phước Đạt

Cố vấn Giáo thọ sư

HT. Thích Phước Tú

Phó Hiệu trưởng thường trực – Kiêm Chánh thư ký

TT. Thích Minh Khai

Quản viện và Tăng sinh đang học



Chư tôn thiên đức (tái hiện hình ảnh Tăng đoàn) đi khất thực



Chư tôn đức thọ trai dưới bóng Phật đài

Đón mừng Đại lễ Vu-lan:

Suối Tiên luôn tỏa sáng...

Bài và ảnh: NGUYỄN BÔNG

Sau 21 năm hình thành và phát triển, **Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên** không ngừng lớn mạnh và có rất nhiều đổi mới vô cùng thú vị về sự đa dạng các loại trò chơi giải trí dành cho người lớn lẫn trẻ em như: xe vượt địa hình, cối xay của thần gió, xe đạp trên không, đua xe tốc độ, tàu lượn siêu tốc, trò chơi game, thú nhún, ngựa phi nước đại, tách xoay...

Nét đẹp văn hóa của Suối Tiên mà ít khu du lịch nào có được, đó là **môi trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - lịch sự**. Phần lớn không gian khu du lịch được che mát bởi những tầng cây xanh; anh chị em nhân viên phục vụ, bảo vệ đều đồng phục màu xanh lá cây. Họ rất dễ mến qua cách chào hỏi lễ phép "kính già mến trẻ". Trên những nẻo đường tham quan luôn được giữ gìn sạch sẽ; khách du lịch lỡ quên xả rác thì ngay sau đó liền có người nhặt lên bỏ vào thùng rác - họ có thể là nhân viên bán hàng, bảo vệ hay chị tạp vụ... nếu ai ở gần đó thấy rác là nhặt ngay. Nhắc đến đây tôi liền tưởng tới câu chuyện ở *Trung tâm Thượng Hải* do viên cảnh sát Tiểu Chu thuộc chi nhánh Hoàng Phố kể lại và được báo *SGGP* đăng tải ngày 6-8-2016 với tựa đề "*Một cách báo hiếu thiết thực*" của một em bé, nhân mùa nghỉ hè em theo mẹ quét rác rất chăm chỉ, vì theo em sao rác ở đây nhiều quá! Mẹ quét không xuể, em nhìn thấy không đành lòng. Dân làng mắng trách rằng sao ai nữ vô tình xả rác bừa bãi như thế! Nhưng cũng có dân mạng cho hay vì nơi đây ít có thùng nhỏ đựng rác ven đường. Chung quy cũng là thiếu ý thức vệ sinh chung! Chứ áp dụng như ở Mỹ nếu xe bạn đang đi mà lỡ vứt vỏ chai nước qua xe ra vệ đường sẽ bị phạt 1.000 USD nên ai cũng phải nhớ.

Đến với Suối Tiên, du khách sẽ được tìm về nguồn cội tâm linh, khi lắng lòng thành kính dâng hương dâng lễ trước đền thờ vua Hùng và mẹ Âu Cơ (theo tích của người Việt là dòng dõi con Rồng cháu Tiên); tham bái chư Phật ở chùa Long Hoa Thiên Bảo cùng với các đền đài lộ thiên như tôn tượng Đức Phật tọa thiền, Thiên Thủ Thiên Nhãn, Di Lạc Bồ-tát, Địa Mẫu, Thập điện Diêm đài...

Điều đặc biệt của Suối Tiên là hằng năm đến *Mùa Vu lan báo hiếu phụ mẫu ân* luôn được sự quan tâm sâu sát từ anh Ba Vui, vị Tổng Giám đốc khả kính, được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới* (năm 2015) và anh Ba Vui đã lãnh đạo tài tình giúp cho Suối Tiên trong suốt hơn 21 năm qua; thiết thực giúp cho Suối Tiên luôn đổi mới và thành công trong việc vui chơi giải trí và tôn vinh giá trị bản sắc dân tộc Việt cùng các giá trị tâm linh, đem lại sự hài lòng cho du khách thập phương. Năm nay cũng vậy, vào ngày **Rằm tháng Bảy (17-8-2016)** tại Long Hoa Thiên Bảo, Ban TGD và CNV sẽ cung thỉnh, cúng đốn chư tôn thiên đức Tăng Ni về dự và khai lễ cầu nguyện cho đất nước thái bình thịnh vượng, thập phương bá tánh an nhiên phúc lạc, sau đó là cúng dường trai tăng; bà con Phật tử và du khách được tham gia lễ "Cúng dường Bát hội" và lễ "Tái hiện hình ảnh Tăng đoàn đi khất thực". Sau đó, du khách được Suối Tiên mời dự tiệc buffet chay miễn phí.

Trong cuộc sống, người nào có phước mới còn được cha mẹ tại tiền, nên Đức Thế Tôn dạy: Cha mẹ có thể sánh với chư Thánh nhơn (*). Bởi vậy, chúng ta phải lo đáp đền công ơn cao dày của đấng sanh thành bằng *vật chất* như: Hết lòng cung kính cha mẹ, không bao giờ được vô lễ; Phụng dưỡng đầy đủ vật thực; Chăm sóc, thuốc thang khi cha mẹ bị bệnh; Không làm việc riêng khi chưa lo xong việc của cha mẹ. Về mặt *tinh thần* như: Giữ gìn thanh danh của gia đình; Khuyến tấn cha mẹ có đức tin Tam bảo, thọ Tam quy - Ngũ giới; Tùy duyên dẫn dắt cha mẹ đến chùa nghe pháp, niệm Phật, tụng kinh, hành thiện...

Mong rằng, quý Phật tử và du khách nên dành chút thời gian đến tham gia ngày Đại lễ Vu lan ở Suối Tiên để gieo duyên lành cho mình và người thân với Phật pháp và chư tôn thiên đức Tăng Ni, đặng giúp cho thân tâm an lạc, công việc hanh thông và mọi sự được trọn lành.

(*). Sách kinh *38 Pháp hạnh phúc*, Kệ ngôn IV, Nết hạnh phụng dưỡng mẹ cha - Tác giả Maha Thong Kham Medhivongs.

Thư ngỏ

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý Phật tử,

Kính thưa quý vị ân nhân mạnh thường quân trong và ngoài nước,

Thật lòng mà nói, bản đạo rất bằng phẳng và đắn đo khi đặt bút viết lên những dòng chữ *thư ngỏ* này để gửi đến chư liệt vị!

Kính thưa quý vị,

Chùa Thiên Phúc thuộc làng Phong Cầu, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, TP.Hải Phòng, được tọa lạc giữa khu làng dân cư, trên vùng đất hoang tàn phủ đầy ám chướng (bóng ma, quỷ quái) bao quanh đầm lầy rộng 20m, sâu 5m. Ở đây, ai cũng thấy rợn người khi nhắc đến. Được biết vào thời chiến tranh Pháp thuộc, những người dân yêu nước chống Pháp đều bị chặt đầu chôn vùi dập tại đây; những oan hồn yếu tử không thể siêu thoát được. Từ đó, đến năm 2009 bất cứ ai đến xây dựng hay trồng trọt gì đều bị phá và đau bệnh chết, cũng từ thời ấy cho đến nay đã mấy trăm năm vắng bóng chùa thân thương, dân làng tuy nghe Phật rất tín tâm nhưng ánh sáng Phật pháp chưa soi rọi nên họ chẳng hiểu biết gì cả. Nhằm tạo duyên cho bà con đến với Phật nên chính quyền địa phương phải xin phép xây dựng chùa. Vì thế dân làng đã cung thỉnh nhiều vị sư ở TP.Hải Phòng để cúng tiến và xây dựng chùa nhưng các sư đến xem rồi quay lưng đi; nỗi thấp thỏm chờ mong và ước ao có một ngôi chùa cho dân làng quê mộc mạc sương sớm nắng chiều sau một ngày tàn lao động trở về với một chút tâm linh nương bóng từ bi. Ôi! Chờ mong mỏi mòn quá, niềm thao thức trăn trở ấy đã cảm động đến lòng trời, Phật, Bồ-tát Quan Thế Âm.

Bản đạo là Sa-môn Thích Vĩnh An (thế danh Nguyễn Văn Thông), xuất gia năm 1960, từ miền Nam ra Bắc hoằng pháp, một thân một mình, một bóng, một cõi tha phương, không có một người thân, biết bao giờ mới thực hiện được ước nguyện của bà con Phật tử nơi đây. Thật tâm mà nói, bản đạo chưa bao giờ có ý nghĩ ra Bắc một lần. Việc này là ý của Ngài bổ xứ cũng là tâm nguyện của sứ giả Như Lai **"Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự"**.

Khi bản đạo đến thăm và khảo sát cảnh trí cục diện đất này; Ôi! Vô vàn khó khăn, nhiều khê quá! Thấy mà hãi hùng, nhưng bản đạo biết đây là đất thiêng, linh kiệt. Cảm động biết bao, khi dân làng thấy bản đạo đến đều mừng rỡ và cầu thỉnh: *"Bạch Thầy, xin hãy trải lòng từ bi giúp đỡ dân làng chúng con để xây dựng một ngôi chùa thân yêu ở đây"*. Khi đó có một lão ông hỏi: *Thầy có bao nhiêu tiền để xây chùa?* Bản đạo trả lời: *Thầy có trái tim của Phật thôi, không có tiền. Có tu thì có tất cả, quý vị cứ tu đi thì sẽ có chùa.*

Thật là:

Phong Cầu nghèo lắm ai ơi!

Mấy trăm năm đã vắng lời cầu kinh

Hôm nay đầy đủ duyên lành

Tâm linh tỏa sáng ngọn ngành từ đây.

Bản đạo còn nhớ, sau khi làm lễ động thổ khởi công xây chùa Thiên Phúc; có một sự trùng hợp như sau: Lúc ấy, vào khoảng 4 giờ chiều ngày mồng 9 tháng 3 năm 2010; trời đang hanh nắng bỗng chìm lại và xuất hiện trên nền trời phía Tây một vầng hào quang ngũ sắc sáng chói. Ôi! Nhiệm mầu quá! Lúc này mọi người ai cũng thấy. Bản đạo cảm nhận lời dạy của Ngài: **"Đây là đất thiêng, con hãy hết lòng phụng sự Chánh pháp và hoằng hóa độ chúng sanh, cứu vớt sinh linh muôn loài"**. Bản đạo liền chấp tay cúi đầu đánh lễ xin nguyện **"Y giáo phụng hành"**, Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Ngay sau đó bắt tay vào



việc, làm lễ tẩy uế xong là tất cả độc xà, chuột bọ đều đi hết và từ đó đến bây giờ trong khuôn viên chùa, nhà trù cũng không có bóng dáng một con chuột hay con gián nào cả.

Kính thưa quý vị!

Phật pháp cao siêu thật nhiệm mầu, từ những khó khăn tất yếu, bản đạo cứ nghĩ rằng biết bao giờ mới thiết lập được mái chùa đơn sơ thôi, cũng khó lắm!

Thấm thoát mới đây, nay cũng đã tương đối khang trang có dáng dấp một ngôi chùa uy nghiêm, nhờ sự phát tâm cúng dường Ba-la-mật tịnh vật, tịnh tài của Phật tử bốn phương xa gần góp nhặt công đức - mới xây lên bốn bức tường chùa và đổ bê-tông mái vào tháng 3 năm 2014. Trong chánh điện đã tôn trí các tôn tượng Phật Bốn Sư, Bồ-tát Văn Thù, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Địa Tạng bằng đá tốt đẹp, tướng hảo, riêng mái chùa chỉ tạm che nắng nhưng không che mưa được... Cứ mỗi lần trời mưa dù nhẹ hay nặng hạt cũng đều bị thấm đổ xuống chánh điện, nhìn cảnh này thật xót xa, nhói lòng. Mái bê-tông sắt bị sét rỉ gần hết, buồn quá! Nếu không cấp thời can thiệp chống thấm, lợp ngói, tô trát bên trong thì e mái chùa sẽ bị hư hỏng trong tương lai, thì nguy quá!

Chiều dài ngôi chùa là 35m, rộng 17m. Việc xây dựng ngôi chùa là một công trình rất khó, nhưng để hoàn thiện đúng quy cách một ngôi chùa tâm linh tỏa sáng ánh từ quang của Đức Phật là một điều khó hơn, tất cả đều nhờ đàn-na, tín thí khắp nơi phát tâm đồng mãn.

Thiên Phúc từ bi miền Tịnh độ

Địa An đại lượng chốn Liên hoa.

Đến với chùa Thiên Phúc có nhiều điều vi diệu, đơn cử như bất cứ trẻ con, hài nhi nào trong địa phương bị khó nuôi, khóc ngày đêm, chỉ cần đến chùa và thầy trụ trì bạch Ngài rồi xoa đầu là hết... Đúng là Phật pháp vô biên, mầu nhiệm bất khả tư nghi... Bản đạo có đôi lời trình bày qua bối cảnh thực trạng của chùa Thiên Phúc này.

Kính thưa Quý vị!

Cuộc đời quá vô thường, vạn pháp vô ngã; quý vị hãy chăm lo vun bồi công đức, tăng tạo phước điền cho chính mình và hồi hướng cho người thân trong mùa Vu lan Báo hiếu này. Bản đạo kính mong quý Phật tử, quý vị mạnh thường quân xa gần trợ duyên tịnh tài, tịnh vật để tiếp tục kiến tạo công trình, tạo duyên cho ngôi chánh điện Tam bảo chùa Thiên Phúc sớm được viên thành, đây cũng là phước duyên báo đền ân Phật, Bồ-tát.

Trước khi dứt lời, bản đạo vô cùng biết ơn và thành tâm cầu nguyện chư Phật và Bồ-tát từ thù gia hộ cho quý vị thân tâm được an lạc, tật bệnh tiêu trừ, phước báo trang nghiêm, sáu thời được an lành, tâm Bồ-đề mỗi ngày được nở hoa, một hậu đắc sanh Phật quốc!

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát!

Chùa Thiên Phúc, ngày 1 tháng 8 năm 2016



Mọi sự trợ duyên tịnh tài xin gửi về:

Sa-môn Thích Vĩnh An - thể danh Nguyễn Văn Thông

ĐT: 0166.2486279 - Số tài khoản: 0031000159245

Ngân hàng Vietcombank, thành phố Hải Phòng.



Chúc mừng CA SĨ TRƯỜNG KHA

Chúng tôi vừa nhận tin Ca sĩ Trường Kha sẽ thực hiện **live show** được khai mở lúc **20 giờ ngày 21/8/2016 tại Sân khấu ca nhạc Lan Anh** với nội dung đặc sắc (có thưởng như Paris By Night); giá vé có nhiều loại, bán tại quầy vé CLB Lan Anh hoặc giao tận nhà (miễn phí).

Trân trọng chúc mừng Ca sĩ Trường Kha và xin thông báo đến quý bạn đọc gần xa tùy duyên tham dự.

Thạc sĩ Nguyễn Bồng - Trị sự
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

LIVESHOW

Cho Một Ngày Với Trường Kha

20 Giờ
21 - 8 - 2016
TẠI SÂN KHẤU LAN ANH



nghệ sĩ
khách mời:

NSƯT Thanh Kim Huệ
NSƯT Mai Hữu Ảnh
Ngọc Sơn - Trần Khánh.
NTK Hoài Sang - NTK Phan Tâm
Cùng các Diễn viên, Hoa hậu, Á hậu
và các người mẫu hàng đầu Việt Nam

Hotline:
08 98140118
01255711516
GIAO VÉ MIỄN PHÍ

**TIỀN BÁN VÉ CHƯƠNG TRÌNH SẼ ĐƯỢC SỬ DỤNG
XÂY 5 CĂN NHÀ TÌNH THƯƠNG Ở TỈNH QUẢNG NGÃI**

CHÀO MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU



THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

Tại Hà Nội: 53 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - 043 7930480
Tại TP HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P. 14, Q.Phú Nhuận, TP HCM - 08 3991 3276

Nhà sách Thái Hà:

Tại Hà Nội: 119C5 Tô Hiệu, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Tại TP HCM: Đường sách Nguyễn Văn Bình, Bến Nghé, Q.1, TP HCM
www.thaibooks.com/nhasachthaiha.vn



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điếm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com





Tôn tượng Tam Thế Phật



Tôn tượng Phật A Di Đà



Tôn tượng Quan Thế Âm Bồ-tát

The logo for Hoatien, featuring a stylized flower icon above the word "Hoatien" written in a cursive script.

Thông tin liên hệ: **CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIÊN**
Địa chỉ : D13/2 Đường Trần Nãi, Phường Bình Khánh, Quận 2, TP.HCM
Showroom: BB3 đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 08.62646003 hoặc Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
Website: www.hoatien.vn – www.tuongphatvietnam.vn



Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**
 45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666
 WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

Restaurant **Chay**
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự



Việt An

◦ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ
Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



◦ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
 ◦ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
 hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center
HỒNG THẢO
 Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mặt hàng:
 Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....
Кири мунг дит ле му лан
ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)
77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1
 HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
 Email: hongthao268@yahoo.com.vn

LỚP HƯỚNG DẪN *Tâm Thư Pháp*

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**
- **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**
 107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- **Học phí:** 300.000đ/1 học viên/1 tháng
- **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)



Nhà tiên phong ký kiểu *Ấn tử sa hồn Việt*





Song Hỷ Trà™ & Phú Quý Thổ™

☎ 0947 798 186
 📍 6A Lê Quý Đôn, Q.3, TP.HCM

📘 Song Hỷ Trà
 🌐 songhytra.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Kính Mừng Nài Lễ Vu Lan
Mua hiếu hành



Trọn bộ 8 tập gần 10.000 trang được xuất bản và phát hành lần đầu tiên tại Việt Nam do NXB Phương Đông cấp phép và Nhà sách Văn Thành liên kết.

Được in bằng giấy đặc chủng bible Hà Lan chuyên dụng cho từ điển, bìa cứng được đựng trong thùng giấy carton dày.

Bộ Phật Quang Đại Từ Điển, hiện nay về tiếng Việt chưa có bộ từ điển Phật học nào đầy đủ và phong phú hơn bộ này.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

Giám đốc

ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

□ Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM □ ĐT: (08) 22477809

□ Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com

□ STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức

□ STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hòi

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu, Sân Mây kính chúc Quý khách cùng gia đình luôn an lành và hạnh phúc

Nhà hàng chay Sân Mây

Sân Mây Café - Nhà hàng chay



771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại : 3507 1628 - 01278 99 2009
www.sanmayrestaurant.com



155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : 08 3910 3939 - 01278 77 11 55
www.sanmaycafe.com

Sân Mây Huế

08 Thanh Tịnh, P. Vỹ Dạ, Tp. Huế
Điện thoại : 0931 9999 72
www.sanmayrestaurant.com



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trám, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Nhà Gốm Nghi Tâm

189 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
☎ 0912.66.1973

Chuyên Kinh Doanh:

- Trà Đặc sản Việt
- Gốm Sứ Nhật bản (Giao thương Sĩ & Lẽ)
- Nhang Trám chính hiệu Quảng Nam
- Bonsai & Đá cảnh nghệ thuật tự nhiên

Nhà Gốm Nhật H & H

Chuyên kinh doanh: Gốm sứ, Nhang trầm
53A Ngô Thì Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ 0944.588.568 ☎ 0968.59.88.57



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU

Hoa Tươi Hương Sắc
Nghĩa Trọn Tình Thân



Nước Chăm Hoa
ASA[®]

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do
thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook.com/ASAhoamypham



Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ gmail.com

Hotline: 0984 230 179

Tư vấn kỹ thuật: 0916 040 179

Website: ctygth.com

- ▶ HÀNG CHÍNH HÃNG MỚI 100% VỚI NHIỀU THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG
- ▶ HỖ TRỢ GIAO HÀNG VÀ BẢO HÀNH TẬN NƠI
- ▶ LẮP ĐẶT VÀ HƯỚNG DẪN TẬN NƠI
- ▶ DEMO TẬN NƠI CHO KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU
- ▶ HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG MÁY CHIẾU XÀI TRONG THỜI GIAN BẢO HÀNH CHỈ 100K



RẤT NHIỀU CÁC QUÀ TẶNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI DÀNH CHO QUÝ KHÁCH HÀNG

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN 2016 (PL.2560)



DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663



DIÊU TƯỜNG AM 3/2
212 BA THÁNG HAI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363




DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503



Kính Mừng
ĐẠI LỄ VU LAN 2016
Phật lịch: 2560




ỐNG NHỰA HOA SEN
Đãn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 




TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

www.hoasengroup.vn
www.facebook.com/hoasengroup.vn

 **TỔNG ĐÀI TƯ VẤN**
1800 1515

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI